



*Một nụ cười
hồn nhiên và tươi sáng*

làm rạng rỡ gương mặt.
Chính hàm răng trắng trong đã
giúp quý bà, quý cô, nhiều vẻ vẻ đẹp,
nhờ **thuốc đánh răng**

Perlón tô điểm.

Hàm răng trong ngọc, trắng ngà,
Nụ cười duyên dáng chính nhờ **Perlón**

PHỔ THÔNG

Tạp-chí Văn-Hóa ra ngày 1 và 15

Giám-đọc : **NGUYỄN - VỸ**

Mason
4P95
16P57



176

NGUỒN VUI — SỨC KHỎE

của mọi người và
trong mọi gia - đình



NƯỚC NGỌT CÒN CỌP Ở ĐẦU
ĐÂY LÀ KHỎE MẠNH, SỐNG LÂU YÊU ĐỜI

LE SECOURS

Công - Ty Bảo-Hiêm và tái Bảo-Hiêm những tai nạn, hỏa-hoạn, hàng-hóa trộm cắp và tất cả các rủi ro.

Trụ sở chánh :

30 - 32, đường Laffite — Paris (9ème)

Chi-Cuộc Viễn-Đông

16, đại - lộ Nguyễn - Huệ — Saigon

Điện-thoại : 20.461

- Bồi thường mau lẹ
- Nghi thức giản tiện

Khi hữu sự hãy hỏi thăm liền chớ ngần ngại. Mọi sự dễ dãi và tiếp rước niềm nở sẽ dành cho khách bảo-hiêm.

Nhà hàng ĐAI - LA - THIÊN

Điện thoại số 26.893

31-33 Đường Lán-Ông CHỢ LỚN

- Đặt-biệt các món ăn Tiều
- Sạch-sẽ, vệ-sinh và ngon miệng
- Bếp khéo, bồi giỏi và lễ phép
- Có máy điều hòa không-khí

Ở lâu 3 lộ-hiên có không-khí thiên-nhiên trong một khung cảnh huy hoàng diễm-ảo

PHỔ THÔNG

TẠP-CHÍ

GOP PHÂN XÂY DỰNG VĂN HÓA VIỆT NAM
PHỔ BIẾN VĂN HÓA ĐÔNG TÂY KIM CỐC

Giám-đốc, Chủ-bút : Nguyễn - Vũ

Tòa-soạn : 231, đường Phạm-Ngũ-Lão, Sài-gon — Đ.T. 25.861



NĂM THỨ VIII * số 176 * 15-7-1966

1.— Omar Khayyám	Diệu-Huyền	7 — 10
2.— Người chiến quốc	Thiếu-Son	11 — 16
3.— Bangkok, thành phố sống động	Hoàng-Thắng	17 — 21
4.— Một giấc mơ (truyện quốc tế)	Vũ Minh Thiều	22 — 33
5.— Tư lự (thơ)	Phượng Duyên	34
6.— Một số thi ca đánh dấu	Phạm văn Sơn	35 — 41
7.— Mộng hồng (thơ)	Nguyễn Vương	42
8.— Minh ơi ! Albert Einstein là ai ?	Diệu-Huyền	43 — 50
9.— Danh nhân miền Nam: Trần hữu Thường Nguyễn v Hữu		51 — 57
10.— Về một nụ cười (thơ)	Ái Thùy An	58
11.— Bến Hải, Quảng trị, Huế	Tâm-Trí	59 — 63
12.— Mấy bức tâm thư (truyện ngắn)	Lê Khoa	64 — 69
13.— Cội nguồn (thơ)	Tô Giang	70
14.— Nửa ngày lựu đạn cay (truyện)	Lan-Đình	71 — 85

15.— Sáng hồn Dân tộc (thơ)	Phong-Son 86 — 87
16.— Tuổi, chàng trai nước Việt	Nguyễn-Vỹ 88 — 94
17.— Họa thơ Quán thế-âm	Tịnh Phong 95 — 96
18.— Người Nhật và trà âm	Nhất Thiên 97 — 101
19.— Thân thể, sự nghiệp nhà văn Kim-Dung.	Kiên-Đạt 102 — 105
20.— Hồi hưu cảm tác (thơ)	Hồng Khanh 106
21.— Bóng đêm (tù bút)	Diên Khánh 107 — 111
22.— Đàn chim thời đại (thơ).	Vĩnh-Linh 112
23.— Chánh sách cái bụng	Ái Lan 113 — 130

- Tranh bìa của họa sĩ JUAN GRIS
- Tranh trong bài, họa sĩ Ngọc - Dũng.



- ★ Chúng tôi hoàn-toàn không chịu trách-nhiệm về những bài lai cáo của bạn đọc, (theo thể-lệ chung của các tạp-chí quốc-tế).
 - ★ Bài lai cáo không đăng, không trả lại.
 - ★ Các sách Báo Việt-ngữ ở trong nước được tự-tiện trích đăng những bài trong tạp-chí PHỒ - THÔNG, nhưng yêu-cầu đề rõ xuất-xứ: « Trích tạp-chí PHỒ-THÔNG » và đừng viết tắt.
 - ★ Cấm trích, dịch, phỏng đăng vào sách báo Ngoại-quốc mà không xin phép.
 - ★ Tous droits de traduction, d'adaptation, et de reproduction même partielle, réservés pour tous pays.
- Copyright by PHỒ THÔNG, printed in Việt-Nam.

- Tổng phát hành PHỒ - THÔNG toàn quốc :
ĐỒNG NAI, 270, Đề-Thám — Saigon
- Tổng-phát-hành PHỒ-THÔNG ở Âu-Châu và Phi-châu
- Notre représentant général pour l'Europe et l'Afrique
- Our general agent in Europa & Africa
LONG-HIỆP
13 Rue de la Montagne St Geneviève — PARIS Vè
(vente — abonnements — Publicité)

OMAR

KHAYYÂM

thi hào Ba - Tư

★ ĐIỀU - HUYỀN

TRONG lịch sử Thi-ca thế-giới từ xưa đến nay, chưa có một nhà Thơ nào có chân tài mà vừa là một nhà toán-học và khoa học nổi tiếng.

Omar Khayyâm, Thi-sĩ Ba-Tư thế-kỷ XI.XII đã ở trong trường hợp ngoại-lệ ấy. Sinh năm nào, sử sách không nói đến, người ta chỉ biết ông chết năm 1123 (theo Bách - khoa Tự - điển Larousse Thế - kỷ XX), nhưng

trong *Le Courier des Messageries Maritimes* thì ghi năm 1132. Nơi sinh-quán của ông là thành phố Nichapur, (có sách chép là Nichapour) một trung - tâm văn - hóa quan - trọng nhất của tỉnh Khorassan, ở hướng Đông Bắc xứ Ba-Tư, hiện nay. Đời sống của ông, cũng không ai biết rõ. Sử chỉ còn ghi rằng ông là một nhà bác - học được nổi danh về Toán - học và Khoa-học Thiên-văn. Năm 1074, vua Malik giao-phó cho

OMAR KHAYYÂM

ông công việc cải-cách dương lịch Ba-tư cho đúng theo thời-tiết xứ ấy. Ông cũng có soạn nhiều sách Đại-số và hình-học viết bằng tiếng A-rập, các lời giải về các phương-trình bậc nhị. Ông làm thơ, theo ông nói, chỉ là để giải-trí mà thôi. Nhưng thật ra, những bài thơ của ông lại được nời, tiếng hơn các tác-phẩm Toán-học, và ông được lưu danh hậu thế là một Đại-Thi-hào, hơn là một Khoa-học-gia.

Rất tiếc, ông bị chính các thể-hệ thanh-niên và trí-thức Ba-Tư quên lãng suốt 7, 8 trăm năm, không ai nhắc nhở tới. Mãi đến đầu Thế kỷ XIX, thời kỳ văn-ngệ lãng-mạn Âu châu thịnh-hành, người ta mới nhớ đến ông, đọc lại Thơ ông, dịch Thơ ông ra ngoại-ngữ, bấy giờ ông mới được đưa ra ánh sáng, như một bậc Thi-Thần không những riêng của Ba-Tư mà của cả Thế-giới.

Ngày nay Omar Khayyâm được liệt vào hàng Thi-Thánh trong ngôi Đền Thi-ca của Nhân-loại.

Tại sao có sự quên-lãng một bậc Thi - hào kỳ-diệu như thế

trong 8 thế-kỷ ? Nghiên-cứu lại văn-học-sử Ba - Tư, người ta nhận thấy rằng Omar Khayyâm là một nhà thơ độc-đáo ở điểm ông không hòa theo bọn thi-sĩ xu thời và phe đảng dưới các đời vua Ba-Tư. Sống dưới chế-độ đại phong-kiến mà các văn-ngệ sĩ đều phải là những kẻ đua-nịnh theo các chiều - hướng háo danh, háo lợi, chịu theo thị hiếu của một lớp trưởng - giả tùy thời. Quãng-đại quần chúng thì ít học, không hấp-thụ được tư-tưởng thanh cao của Thi-văn, cho nên Omar Khayyâm đã bị các thể-hệ trí-thức thượng-lưu và trung-lưu của Ba-Tư thời bấy giờ khinh-rẻ, và không thích hợp với phong-độ tâm-thường ty-tiện của họ.

Omar Khayyâm đứng riêng trên một vị-trí khác-biệt, và Thơ ông nhuốm một triết - lý lãng-mạn theo tác - phong **carpe diem** (dịch đúng nguyên - văn : Hái ngày, *cueille le jour*) của thơ Horace, thi-sĩ La-tinh, 68—8 trước J.C). Phải đến thế-kỷ XIX, các nhà Thơ lãng tụ phải lãng-mạn Pháp, Victor Hugo, Alfred Musset, Alphonse de Lamar-

OMAR KHAYYÂM

tine, — nhất là Lamartine, mới khám-phá ra ý-nghĩa lãng-mạn trong thơ Omar Khayyâm. Cuộc đời quá ngắn - ngủi ta hãy mau mau hưởng thi - vị của đời, khinh rẻ các cạnh tranh bản tiện vì chút lợi, chút danh. Chạy theo đua nịnh thời thế làm chi, bắt bọt bắt bóng làm chi, hơn thua nhau vì chút uy-quyển, thế lực làm chi? Riêng ta được Thượng - đế ban cho chút tài-ba thơ mộng, ta xa lánh cuộc đời đấu tranh vật chất, để hưởng lấy những thú vui tinh thần thích hợp với tâm hồn thanh-thoát của thi-nhân. Tất cả triết-lý « thụ hưởng tinh thần » của Thơ Omar Khayyâm.

..... *De l'heure fugitive
Hâtons-nous, jouissons,
L'homme de bord en bord,
L'âme de rive en rive,*

Il coule et nous passons...
của Lamartine, chính là diễn-tả một phần Thi tứ của Omar Khayyâm, theo triết lý **carpe diem**. Thơ của Omar Khayyâm toàn là các bài **Rubaiyyat** (số ít là: Rubai), giống như thơ tứ tuyệt (bốn câu) của Việt-nam ta, và gần như thơ **Quatrain** của Pháp.

Omar Khayyâm còn để lại 500 bài.

Đại-dề, tôi xin tạm dịch theo ý, 5 bài đặc-sắc sau đây. Tôi xin nói: tôi sẽ dịch theo ý, vì nếu theo chữ, đúng y như nguyên văn Ba-Tư, thì phải giảng ra văn xuôi Việt-Nam, không còn hứng thú gì nữa. Thơ của Omar Khayyâm không bài nào có đề, xin tạm ghi số vậy.

I

Đôi má em là kiêu-màu
cho hoa hồng,
Gương mặt em là hình-dung
trung-thành của sắc
Đẹp.

Vua xứ Babylon đã nhìn
theo những cử-động duyên
dáng của thân-thề em,
Mà phát-minh ra lối chơi
cờ-tướng đấy, Mỹ-nhân ơi!

Nhà thơ Anh Ed. Allen đã
dịch bài đó ra Anh-văn :

O thou, whose cheek is
moulded upon the model
of the wild rose
Whose face is cast in the
mould of chinese idols,
Yesterday the amouros
glance gave to the shah
of Babylon
The moves of the Knights.

the Castle, the Bishop,
the Bawn...
... and the Queen »

Nhà thơ Pháp R. Larke
đã dịch ra Pháp-văn :

Toi, dont la joue à la rose
a servi de modèle !
Toi, de la beauté même
un fin portrait fidèle
Le roi de Babylone inven-
ta les échecs
D'après tes mouvements
compliqués, ô ma belle !

Chúng ta thấy hai bản dịch
Anh-ngữ và Pháp-ngữ đều có

đôi chỗ khác nhau, nhưng vẫn
điển tả được đại-ý tổng quát
của bài thơ. Bản dịch của tôi
vừa dung hòa câu thơ A - rập
của Omar Khayyâm với lời thơ
Việt-nam không giống hẳn
hai bản dịch của Anh và Pháp.
Nhưng các bạn đọc hiểu Anh-
ngữ và Pháp ngữ sẽ nhận thấy 3
bản dịch Việt-Pháp-Anh ghép
lại, đã tạo được một hình ảnh
đúng theo nguyên văn của bài
thơ Omar Khayyâm.

* DIỆU-HUYỀN
(kỳ sau tiếp)

Cùng quý bạn đọc Phở-Thông

Vì một vài lý do ngoài ý muốn, và dự tính của
chúng tôi, nên Phở Thông 2 kỳ rồi bị ra trễ.

Phở Thông số 177

Sẽ phát hành đúng ngày 1-8-1966.

- * Nguyễn văn Cồn • Thiểu Sơn • Tâm Trí
- Diệu Huyền • Tân Phong • Võ quang Yến
- ☉ Vũ minh Thiều * Phạm văn Sơn • Nguyễn
Thu Minh • Lan Đình • Thái Bình Dương
- * Mặc Tường * Trần Minh Phú • Phong Sơn
- Nguyễn-Vương * Nguyễn vạn Hồng ● Nguyễn Quang

*

THIẾU

SƠN

*

NGƯỜI
CHIẾN
QUỐC

MAO
TIÊU

SA U khi gặc Lao-Ái,
giết hai em cùng mẹ
khác cha, giam mẹ
vào lãnh cung, Tần-Vương-
Chánh tức Tần-Thủy.Hoàng
bị dư luận lên án gắt gao
về tội bất hiếu, bất nhân, tàn
nhẫn và hung bạo. Quan Đại
phu là Trần-Trung dâng sớ
can vua đại khái nói rằng :
« Thiên hạ không có người nào
làm con mà bỏ mẹ, xin chúa công
rước Thái-hậu về Hàm-Dương, để
cho toàn hiếu đạo, họa may đời
biến làm lành được ». Vua Tần
nổi giận, sai bắt Trần-Trung
lột áo rồi đem treo ở trên
cây tạt-lê mà đánh chết.
Thầy người chết bị
đặt ở dưới cửa cung môn
với bảng yết thị rằng : « Nếu
ai đem việc Thái-Hậu ra
can thì nên coi tấm gương này ».

Nhưng các quan cũng
không sợ cứ tiếp nối
nhau dâng sớ can vua, và
trước sau số người bị giết
đã lên tới 27, thầy chết
thành đống ở trước cửa Ngọ
môn.

Có một người tên là
Mao-Tiêu ở Thương-Chân

qua chơi Hàm-Dương nghe được chuyện đó lấy làm trái tai vọt nói lên rằng : « *Làm con mà bỏ tù mẹ, thì còn có trời đất đâu nữa* ». Nói rồi ông bèn bảo chủ quán pha nước cho ông tắm rửa sạch sẽ để sáng hôm sau ông vào can vua. Người trong quán ai cũng đều nói: « *Thần tín như hai mươi bảy người kia, can vua không nghe mà còn bị bỏ mạng, huống chi là một tên bạch-đỉnh như anh mà kẻ số gì?* »

Mao-Tiêu nói : « *Chỉ có 27 người can thì vua không nghe, còn như ngoài số 27 người thì vua nghe hay không cũng chưa biết chừng* ».

Ai nấy cũng đều cho là ngu.

Rạng ngày mồng đầu canh năm, Mao-Tiêu thức dậy sớm, ăn cơm thật no rồi từ giã chủ quán ra đi. Chủ quán níu áo lại, Mao-Tiêu dứt áo ra đi. Người trong quán ai cũng cho rằng ông phải chết nên xúm lại chia hành lý của ông bỏ lại.

Mao-Tiêu đi đến Cung môn nép mình dưới đồng thây ma mà la lớn lên rằng : « *Tôi tên là Mao-Tiêu ở nước Tề đi tới, muốn đến can vua* ». Quan vào tâu lại, vua Tần bèn nói với kẻ nội-thị rằng : « *Người ra hỏi nó tới can việc chi, nếu can thiệp tới việc Thái-Hậu thì hãy chỉ đồng thây cho nó coi* ». Nội thị ra gặp Mao-Tiêu và làm y theo lời vua dặn. Mao-Tiêu nói : « *Tôi nghe nói trên Trời có 28 vì sao hạ giới phát nên 28 luồng chánh khí ở Trần-gian. Bây giờ đã có 27 người rồi, còn thiếu một người là đủ số. Vì vậy mà tôi đến đây, Thánh hiền có ai mà không chết, tôi lại sợ gì?* » Nội thị trở vào tâu lại. Vua Tần cả giận liền sai tá hữu nấu vạc nước sôi để sẵn làm thịt kẻ ngông cuồng muốn làm trái lệnh nhà vua. Rồi ông cho đòi Mao-Tiêu vào. Mao-Tiêu có ý đi ilò khờ, bước từ bước không chịu đi mau. Nội-thị thúc hối, ông nói :

« *Trước sau gì tôi cũng chết.*

xin cho tôi thủng thủng đi, không can chi mà. » Nội-thị nghe nói thương tình tới dắt tay đỡ hai bên đi tới trước thềm. Vua Tần vừa thấy mặt liền nổi giận dùng dùng mắng lớn : « *Thằng điên này mi ở đâu đến đây để mà chịu chết vậy?* » Mao-Tiêu quì lạy hai lạy rồi tâu : « *Tôi có nghe đã đứng ra làm người thì không sợ chết, đã trị được nước thì không sợ mất, Nếu sợ mất thì không còn, sợ chết thì không được sống. Mất, còn, sống, chết, tự lòng mình chúa công cũng đã rõ rồi. Song chưa hiểu chúa công có muốn nghe tôi nói không?* » Vua Tần đã người giận nói : « *Mày có ý kiến gì hay nói ta nghe thử?* » Mao-Tiêu tâu :

— Đại phạm trung thần không khi nào nói những lời dua nịnh, mình chúa không bao giờ làm những việc ngang trái. Vua có việc trái mà không nói, ấy là tôi không hết lòng với vua. Tôi có nói ngay mà vua không nghe, ấy là vua không biết dùng tôi. Chúa công có

làm một việc quá trái lẽ mà không tự biết, tôi có nói mấy lời rất trái tai nên chúa công không muốn nghe, tôi sợ nước Tần từ đây rồi cũng khó yên được, Chúa công không để ý lo việc thiên hạ hay sao? Thiên hạ sở dĩ tôn trọng nước Tần không phải vì oai lực mà thôi, nhưng còn vì trong nước có trung thần liệt sĩ. Nay chúa công cho xe cán Giả-phụ (trở Lao-Ái) là có lòng bất nhơn, bỏ vào bao bố đánh giết hai người em là bất hữu, bỏ mẹ qua ở cung Vực dương là bất hiếu, chém giết những người nói thẳng, bỏ thây trước cửa Cung môn là tàn bạo không khác gì Kiệt, Trụ. Như chúa công muốn làm bá chủ thiên hạ, mà làm nhiều sự ngang trái như thế thì lấy gì để thiên hạ tin phục. Xưa vua Thuấn thờ mẹ ghẻ hết lòng mà sau được nên vị đế, Vua Kiệt giết Long-Bàng, vua Trụ giết Tỷ-Cán mà thiên hạ đều

đôi lòng. Vậy thì tôi đi tới đây vẫn biết là chắc chết, song sợ sau khi tôi chết rồi, không còn ai tiếp theo số 28 người mà đem lời can gián, trung thần ngậm miệng tiếng oán đây tai, trong nước không phục tùng, chur hầu không tin nhiệm. Tiếc cho nước Tần, để nghiệp đã gần nên mà lại bỏ hư đi, là cũng tự Chứa - Công làm nhiều điều trái lẽ. Tôi nói rồi, xin tới để chịu chết.

Nói rồi Mao - Tiêu liền đứng dậy cởi áo, chạy tới gần cái vạc nước sôi. Vua Tần lật đật nhảy xuống, tay tả nắm lấy Mao-Tiêu, tay hữu khoát tả hữu biểu đồ nước sôi khỏi vạc rồi khiêng đi. Mao-Tiêu nói : *Chứa Công đã treo bảng cấm không cho ai can, sao bây giờ không giết tôi đi để lập tin* ». Vua Tần lại truyền tả hữu đem cát bãng yết-thị đi, khiến

đem áo cho Mao-Tiêu mặc vào, mời ngồi mà nói rằng : *Trước kia mấy người dùng lời can, chỉ kể tội của quả-nhơn chớ không hề nói tới lẽ mất, còn rõ ràng như vậy. Trời khiến cho Tiên sinh đưa đường, chỉ lối làm cho Quả Nhon thấy rõ sai lầm. Được thế là tốt lắm* ». Mao-Tiêu quý lạy tạ ơn và thưa rằng *« Chứa công đã nghe lời tôi thì xin sấp sửa xa giá mau qua nước Thái Hậu. Còn những tử thi trước cửa cung đều là cốt huyết của những vị trung thần, xin thâu táng cho yên, chớ nên để trần bộc »*.

Vua Tần liền sai Lý-Tư sắm đủ quan quách, thâu liệm tử thi hai mươi người, đem táng tại núi Long-Thủ, lập mộ chỉ gọi là *« Hội Trung »*. Sau đó vua liền dẫn Mao-Tiêu đi theo qua nước Thái Hậu. Xa giá

gần tới cung Vực Dương vua sai sứ vào thông báo trước, rồi cùng với Mao-Tiêu tới yết kiến Thái Hậu, nghỉ lại trong cung một đêm, sáng ngày rước Thái Hậu lên kiệu đi trước, nhà vua đi theo sau, kiệu ngọc, xe vàng, thật là rực rỡ và vui đẹp vô cùng. Thần dân tập nập đón coi và đều cho là nhà vua có hiếu. Về tới Hàm Dương lại yến tiệc ở cung Cam Tuyền, mẹ còn vui vầy với nhau nói sao cho xiết. Vua Tần phong Mao Tiêu là Thái phó nước Thượng khanh.

O

Mao - Tiêu nói là ông muốn làm vì sao thứ 28, vì ông nữa là đủ số nhị thập bát tú, nhưng rốt cuộc lại vẫn không đủ số vì ông không được chết. Thật ra ông đâu có muốn chết, mặc dầu ông không sợ chết.

Vua Tần đã nói đúng : *« Mấy người kia can mà chỉ*

kể tội quả-nhơn. Duy chỉ có tiên-sinh nói rõ lẽ mất, còn và chỉ rõ đường ngay, lối thẳng cho quả-nhơn »

Thật ra vua Tần là một người hung bạo nhưng không phải là một kẻ hèn quân. Ông có chí to, mộng lớn, nói ra được cái chí to, hiểu được cái mộng lớn là tri kỷ của ông rồi, ông nỡ nào giết đi. Và sau đó dầu có lên án, kết tội ông tới đâu đi nữa thì ông cũng sẵn lòng tha thứ, nhất là giúp cho ông sửa sai không phải là để giữ đạo - đức luân - thường theo nghĩa thông thường của thế-nhơn mà là để tăng thêm uy tín cho ông và giúp cho ông làm nên nghiệp lớn.

Phê-bình như thế tức là phê bình xây-dựng mặc dầu là xây dựng cho một kẻ bạo-chúa.

Nhưng giả thiết như cũng những lời nói đó, cũng những luận điệu đó mà Mao-Tiêu lại là người thứ nhất

xung phong nhảy tới can vua thì liệu ông có thành công được không? liệu ông có bảo toàn được mạng sống của ông không?

Tôi nghi rằng ông sẽ phải chết vì lúc đó Tần Vương còn nóng giận và thấy còn cần phải ra oai cho người ta sợ. Đối với một người hung bạo như vua Tần thì mạng sống con người không có nghĩa lý gì. Nhưng thà là giết người ở chiến trường hay ở những chỗ nào khuất mắt ông ta thì giết bao nhiêu cũng thấy kệ. Nhưng giết người ngay ở trước Ngọ môn mà lại là những bầy tôi lương đống của Triều đình do mạng lệnh của ông thì ông không thể nào chịu nổi khi con số người chết cứ tăng lên một cách khủng khiếp như thế. Ông chịu đựng tới người thứ 27 kẻ cũng là nhân tâm lắm rồi. Tới Mao-Tiêu ông không chịu đựng nổi nữa và đã

bắt đầu núng thẽ khi thấy ông này xông tới kiếm cái chết một cách có nghệ thuật vô cùng.

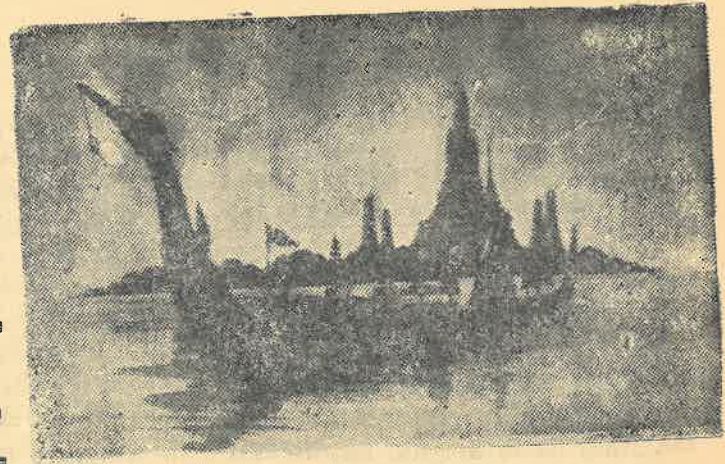
Mao-Tiêu vừa chọc tức ông, vừa chọc tính tò mò của ông, vừa đề cao ông, vừa hạ thấp ông và cũng vừa chọc ông một lối thoát để ông bãi lệnh giết người của ông đi.

Ảnh-hưởng của số người bị giết trước Ngọ-môn nhà Tần cũng tương tự với ảnh-hưởng của những nhà sư tự thiêu ở Việt-Nam.

Mới đầu người ta còn coi thường, nhưng lần lần người ta không dám coi thường nữa vì nó gây xúc động càng ngày càng lớn tới lương tâm quần chúng. Và người có chí to, có mộng lớn, muốn mưu bá, đồ vương không thể không xúc động khi thấy lòng người đã xúc động, theo chiều hướng không thuận lợi cho mình.

Do đó mà ta có thể nói rằng Mao-Tiêu không những đã thoát chết một cách về vang mà ông còn giúp cho vua Tần một lối thoát trong danh dự.

B
A
N
G
K
O
K



* thành - phố sông động
* và đẹp nhất Thái - Lan

* HOÀNG - THẮNG

THÁI Lan nằm về phía Đông Nam Á. Châu, giữa Miến-Điện (Tây), Lào và Cambodia (Đông), Mã lai (Nam) Miến điện và Lào (Bắc) với một diện tích 198.247 dặm vuông. Dân số phỏng chừng 28 triệu gồm có 90% dân Thái 3,4% người Trung-Hoa, 3,4% dân Ấn Độ, Mã lai và 3,2% các sắc dân khác.

Bốn vùng chính trong nước là :
Đông Bắc : Một vùng cao nguyên rộng lớn kéo dài tới phương đông.

Miền Bắc : Với hàng loạt núi non kéo dài Nam-Bắc với vô số lạch nước. Những thung lũng đầy nước là nơi mát lạnh quanh năm, đầy rẫy những cánh đồng bát ngát.

Miền Nam : Chạy dài theo bán đảo Mã lai là một eo đất chật hẹp với hàng dãy núi, sườn thoải thoải. Một vùng rất ấm thấp khí hậu thường lạnh hơn Bangkok. Nơi đây cây cối xanh tươi, rất hợp với khung cảnh để nghỉ mát. Và cũng ở nơi đây đã sản xuất rất nhiều dừa và thiếc.

Vùng đồng bằng trung ương dài theo miền Bắc, Đông và Tây, phát xuất từ Bangkok, bị cắt bởi con sông Ménam, con sông chính của Thái Lan, gần như bằng phẳng hằng dặm này đến dặm khác, chỉ chít bởi rất nhiều con kinh.

Khí hậu Thái-Lan là khí hậu nhiệt-đới. Nhiệt độ trung bình là 28°. Nhiệt độ ở Bangkok thay đổi từ 17° vào tháng chạp và lên tới 35°. Miền Bắc Thái Lan, có khi lên tới 38 độ vào mùa hè và thường thường xuống 10° vào mùa Đông.

Thái-lan có ba mùa : mùa nóng từ tháng 3 đến tháng 6 dương lịch, mùa mưa từ tháng 7 đến tháng mười và mùa lạnh từ tháng 11 đến tháng 2 dương lịch.

Dân tộc Thái, nguyên thủy ở chung lũng Ganjis nơi mà họ lập nên đế quốc Nam Chao. Dần dần họ tràn xuống theo miền đồng bằng phì nhiêu và vào thế kỷ thứ 13 họ lập nên thủ đô đầu tiên là Choukhoi.

Sau một thế kỷ vua Outhong lập nên một triều đại mới và đặt thủ đô ở nơi mà các vị vua chúa

Thái Lan trị vì 417 năm kế tiếp. Ayudhya bị cướp và bị tàn phá vào năm 1767. Sau đó vua Taxin ở Dalboun thiết lập sự trị vì của ông ở Dalboun về phía tây bờ sông, đối diện Bangkok. Vị vua sau này không lập được thành một triều đại, nhưng được kế vị bởi một trong những vị đại tướng của ông Chaphia Sachi, chính là người đã lập nên triều đại hiện tại và đặt thủ đô ở Bangkok vào 1782.

★ Đây Bangkok sống động

Bangkok, với một dân số gần hai triệu, đối với Thái Lan còn đáng kể hơn là Washington đối với Hiệp - chủng - quốc. Không những là một thủ đô, Bangkok còn là một thành phố lớn nhất của Thái Lan và nơi đây là trung tâm của giáo dục, kinh tế, giao thông, kỹ-nghệ và hành chính.

Bangkok là một thành phố sống động, đẹp đẽ, như những thành phố Á-châu đang vươn lên. Bangkok tấp nập đông đúc và trái ngược đây những sự lạ lùng thay đổi, pha trộn của hai nền văn minh kim cổ. Trên tề đường người ta đi giữa một người đàn

bà xưa, phục sức theo kiểu nhà quê cò lỗ, và đụng đầu với một cô gái Thái trưng diện sắc sảo, tối tân theo thời đại.

Những người lái xe vị thành niên vẫn có quyền xử dụng công lộ với chiếc xe thè thao. Các cậu bé trần truồng đang chơi với các đồ chơi bằng nhựa mới sáng chế. Người bán trà dạo tạm ngừng để xem vô tuyến truyền hình trong một cái cửa sổ che sáo, và người chần gia súc để mặc đàn trâu ăn cỏ bên một phi trường nơi mà các phản lực cơ cất cánh.

Phần đông dân Thái thon cao, cân đối với làn da sạm nắng. Đàn bà Thái, với làn da mịn màng, hàm răng trắng bóng và đôi mắt gợi cảm.

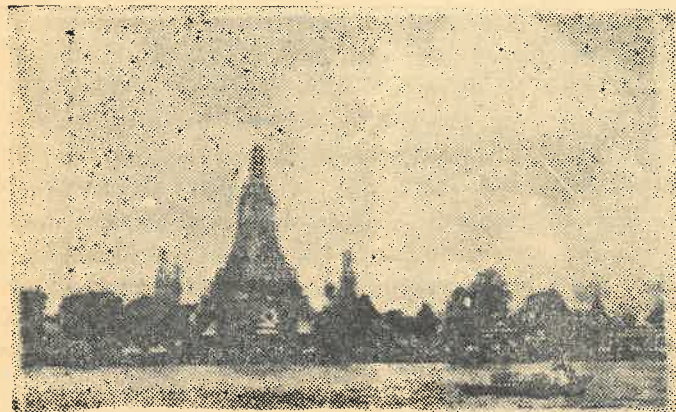
Sự phát triển đáng ngạc nhiên về ngành hàng không du lịch làm cho Bangkok có thể đi đến bất cứ một nơi nào trên thế giới trong một số giờ nào đó. Phải chăng, những đường bay quan trọng đều ghé phi cảng Bangkok, một trong những phi cảng tối tân nhất Đông Nam Á. Phi cảng này cách Bangkok 18 dặm về phía bắc.

Về kinh tế, Bangkok được kể như một hải cảng quan trọng

nhất của Thái Lan. Đa số những việc mậu dịch tại Bangkok, ngay bờ phía trái con sông Ménam, cách vịnh Thái vào khoảng 24 dặm. Con sông này, có thể dùng để lưu thông những chiếc tàu sâu đáy sau khi lòng cát đã được vét. Trên hai bờ sông Ménam, hàng trăm con kinh rộng hẹp chảy về muôn ngả. Chúng tạo nên những sự buôn bán thực phẩm tấp nập suốt đêm ngày. Thuyền chèo, ghe gán máy chạy như mắc cửi.

Những nhà hàng nổi bán đủ các thứ ; từ nước mắm cho đến các dụng cụ hàng hải ở hai bên thủy lộ. Ở đó còn có những chợ nổi mà rau cỏ và cá được bán đầy dẫy với giá hạ vừa đủ túi tiền của người dân quê bình dân nhất.

Du khách một khi tới Bangkok khỏi lo thiếu chỗ ở. Những khách sạn lớn, đầy đủ tiện nghi như phòng lạnh, phòng tắm với nước nóng và lạnh, téléphone trong buồng, có rất nhiều. Như : Erawan Hotel ở góc đường Ploen Chitr và Rajdamri Road. Europe Hotel ở New Road, Metropole Hotel ở Suriwongse Road, Oriental



chùa
AROON

Hotel ở Oriental Avenue. (khách sạn này lâu đời nhất, khai trương từ năm 1895 và là khách sạn độc nhất ở ngay bên bờ sông), Park Hotel ở Wireless Road Princess Hotel ở New Road và Oriental Ratanakosin Hotel ở Rajadamnoen Avenue, Suriyanond Hotel ở Rajadamnoen Avenue, Trocadero Hotel ở Zuriwongse Road.

Nếu du khách muốn ăn cơm tàu tại những tủ lâu cũ Đồng Khánh, Ngọc Lan Đình của Chợ lớn — Saigon thì có Hoi Thien Lao ở Sua Pah Road, Kee Chan Lao

ở Yawaraj, Hua Peng ở Yawaraj Road, Pacific Hotel-Restaurant ở Siphya Road. Còn như muốn nếm mùi cơm Thái thì có những nhà hàng như Sorn Daeng, Amphorn, Tep Paros cũng ở chung một đường: đường Rajdamnoen. Riêng nhà hàng Chom Swee Aong ngày thường bán cơm Tàu và đặc biệt tối thứ hai bán cơm Thái. Còn cơm Nhật Bản thì có nhà hàng Chitose ở Nares Road.

Về vấn đề tiền tệ, du khách tha hồ mang đô la, hoặc các ngoại tệ khác tới hoặc mang đi. Tại những

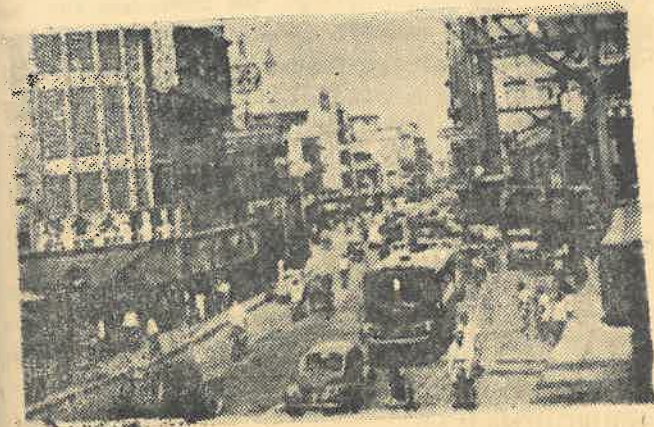
phố lớn, có nhan nhản những tiệm đổi tiền.

Muốn đi xem thắng cảnh đã có những hãng du lịch tổ chức đi xe tập đoàn để coi những ngôi chùa danh tiếng như Wat Po, Wat Pra Keo, Wat Rajbogrít, Wat Benjamabopit, Wat Arun, Wat Sutat, Wat Bovornivet, Wat Rajpradit, hoặc Cung Điện nhà vua, Viện Bảo Tàng, Sở Thú, và đi ca-nô để xem những chợ tối và cảnh sinh hoạt trên mặt nước của

dân chúng Thái-Lan.

Buổi tối, nếu du khách không muốn vào các bar dancings, thì đi coi cuộc đấu võ Thái tổ chức mỗi thứ năm và chủ nhật từ 5 giờ tối, hoặc để coi môn võ Thái Lan.

Trước khi rời khỏi Bangkok, chắc chắn du khách không quên mua một vài bộ khuy manchettes để làm quà cho bạn bè hoặc vòng đeo tay hay cà rá để đem tặng vợ hoặc người yêu cho thêm phần keo sơn và thăm thiết... ★



Đại lộ
Jaward,
một Đồng
Khánh
của
Thủ Đô
Bangkok



MỘT GIÁC MƠ

- IVAN TOURGUENIEV
- ★ VŨ MINH THIỀU dịch

HỒ I đó tôi sống với mẹ tôi tại một thành phố nhỏ miền bẽ và tuổi vừa đúng mười bảy. Còn mẹ tôi chưa đến ba mươi năm— bà lấy chồng rất sớm. Cha tôi chết khi tôi vừa bảy tuổi, nhưng đến nay tôi còn nhớ về ông rất nhiều.

Mẹ tôi người nhỏ bé, da tóc màu vàng, khuôn mặt thật dễ thương, nhưng lúc nào cũng rầu rĩ, giọng trầm và mệt nhọc, cứ chỉ lại dụt dề. Xưa bà nổi tiếng đẹp và từ đó đến nay, mặc dần ngày tháng qua, bà vẫn không kém phần xinh tươi. Chưa bao giờ tôi nhìn thấy ai có cặp mắt sâu thẳm, dịu hiền, sâu muộn, hơn của mẹ tôi, với mái tóc mây mềm mại và hai bàn tay mỹ miều như vậy. Tôi kính mến mẹ tôi và mẹ tôi cũng yêu tôi lắm.

Vậy mà đời sống của chúng tôi chẳng lấy gì làm vui ; một mối buồn sâu kín, phải chịu đựng một cách bất công như gặm nhấm mẹ tôi. Cũng không phải vì cha tôi, vốn bà rất yêu đương, luôn luôn giữ trong đáy lòng biết bao kỷ niệm, nay chết đi làm bà không khuây khỏa được. Không, phải có điều gì khác lạ, một nỗi sâu bí khó hiểu, tôi chỉ phỏng đoán được một cách mơ hồ, mỗi khi trông thấy cặp mắt

Tourgueniev (Ivan Sergoicitch) sinh ngày 28 tháng 10 năm 1818 tại Orel, chết ngày 22 tháng 8 năm 1883 tại Bougival. Phần lớn ông sống tại Pháp, trong gia đình Paulice Viardot Garcia mà ông yêu thương hết sức.

Vết tài năng, trí tuệ, nền học vấn rộng rãi, khiếu mỹ thuật và phê phán, ông trở thành bạn thân của George Sand, Mérimée, Flaubert, Maupassant, Taine, Zola, les Goncourt, Daudet. Từ 1863 cho đến năm Flaubert chết (1880), họ giao du mật thiết với nhau, thư từ trao đổi thật lý thú. Lúc này tiếng tăm của Tourgueniev vang lừng. Ông không khác gì một vị sứ thần, nối giây liên lạc văn nghệ giữa Nga và Pháp.

Phần lớn những tác phẩm của Tourgueniev đều dịch sang Pháp vẫn lúc sinh thời ông, có tác phẩm chính ông dịch lấy nữa (Cha và con — 1865). Mérimée dịch cuốn « Khó » (1867). Trong những văn phẩm của ông, phải kể « Câu chuyện của người đi săn » Dimitri-Roudine, « Nhật ký của một người thừa », « Mối tình đầu », « Ba sự gặp gỡ », « Người bỏ rơi », « Những chuyện kỳ dị » và « Những truyện về Mạc-tư-khoa ».

yêu đương, đôi môi tươi đẹp mím lại tỏ vẻ xót xa...

Tôi vẫn nói là mẹ tôi yêu tôi ; nhưng mặc dầu vậy, cũng đôi khi bà muốn xua đuổi tôi, tưởng như sự hiện diện của tôi bỗng nhiên làm bà khó chịu. Hiềm kỳ tôi như vậy, nhưng rồi mẹ tôi lại hối hận, ôm chặt tôi vào lòng, vừa khóc vừa van tôi thứ lỗi cho bà. Những sự biến cải tính tình đó, tôi cho là vì tình trạng sức

khỏe và nỗi đau đớn của mẹ tôi mà sinh ra... Có thể vì chính bản tính của bà, vì những sự kích thích xấu xa kia, có khi sát nhân nữa, đôi khi lộ rạn ra mà mẹ tôi hãnh động như thế chẳng?... Tôi không tin điều này, vì hai hiện tượng tương phản nhau hẳn.

Mẹ tôi luôn luôn mặc quần áo đen, như bà vẫn để tang mãi. Nhưng dù sao, chúng tôi sống cũng khá rộng rãi. Bè bạn chúng

tôi ít lắm.

II

Tôi là mối bận khoăn độc nhất của mẹ tôi và vì vậy đời sống của hai chúng tôi như kết hợp thành một. Những cuộc giao thiệp giữa cha mẹ và con cái như vậy không phải là đáng quý hết cả... có khi nó còn tai hại là khác. Thêm vào đó, tôi lại là con một... và phần đông những trẻ như trường hợp tôi không thấu nhận được một nền giáo dục bình thường. Trong khi dậy dỗ, cha mẹ nghĩ đến chúng nhiều quá... Như vậy không tốt. Tôi không phải hư hỏng hoặc hay cáu kỉnh (hai tật xấu, trẻ con một thường mắc phải), nhưng thần trí tôi bị kích động sớm quá. Và nữa, sức khỏe tôi thật đáng lo âu : tôi di hường của mẹ tôi về diêm nầy, tôi giống bà rất nhiều, hầu như về tất cả các phương diện.

Tôi xa lánh không muốn chơi đùa với trẻ con đồng tuổi, không muốn giao thiệp với người lớn, ngay cả với mẹ tôi. Thú vui ưa thích nhất của tôi là đọc sách, dạo chơi một mình và mơ mộng, nhất là mơ mộng ! Xin bạn đừng hỏi tôi mơ mộng điều gì, vì tôi

không trả lời bạn được. Đôi khi, tôi tưởng như mình đứng trước một cánh cửa nửa đóng nửa mở, sau đó có chôn dấu những sự bí mật không sao dò được... Tôi đứng ở đó, băn khoăn, sợ hãi, tự hỏi sau cánh cửa, có những gì... Tôi không dám bước qua ngưỡng cửa... Tôi chờ đợi... Tôi chờ đợi nữa, mãi mãi chờ đợi, hoặc... ngủ quên đi.

Nếu tôi có chút tâm hồn thi sĩ, chắc hẳn tôi đã làm thơ ; nếu tôi sùng đạo, tôi đã thành tu sĩ... Nhưng đành này, đành nọ, tôi đều không thể được, vì vậy tôi vẫn tiếp tục mơ mộng — và chờ đợi.

III

Tôi đã nói với bạn rằng có khi mơ mộng vẩn vơ rồi tôi ngủ quên đi mất. Thường thường, tôi ngủ rất nhiều và những giấc mơ trong đời tôi có một ảnh hưởng lớn lao : hầu như đêm nào tôi cũng nằm mơ. Những giấc mơ đó không bao giờ tôi quên, tôi thấy chúng có một ý nghĩa thâm kín, tiên tri nữa và tôi cố tìm ra manh mối. Có những giấc mơ trở đi trở lại và điều này làm tôi rất ngạc nhiên. Có một trong những giấc mơ làm

tôi bối rối nhất. Tôi đi giọc theo một phố hẹp, đường lát xấu, xung quanh có những ngôi nhà cũ kỹ, mái nhón. Tôi đi tìm cha tôi, chưa chết và ẩn lánh trong một ngôi nhà kỳ dị đó. Tôi bước vào một vòm cửa thấp và tối, qua một hũu sân nhỏ đầy đó chất đầy ván và củi và sau cùng đến một gác nhỏ có hai cửa sổ tròn chiếu sáng. Cha tôi đứng giữa phòng, mặc áo ngủ và hút một chiếc điếu. Nhưng ông không giống hẳn cha đẻ của tôi : ông cao, gầy, da xám nâu, mũi quặp, cặp mắt đen và sắc, tuổi chừng bốn mươi. Gặp tôi, ông tức giận và phẫn tôi, cũng không thấy gì vui vẻ về cuộc gặp gỡ này : tôi chỉ cảm thấy ngạc nhiên, còn sửng sốt nữa. Ông quay đi, mồm lầm bầm điều gì và đi lại trong phòng... Sau cùng, ông dần dần đi xa, mồm vẫn lầm bầm, thỉnh thoảng quay lại nhìn... Những bức tường trong phòng mờ ra và hòa lẫn vào màn sương... E sợ lại mất cha tôi một lần nữa, tôi chạy theo sau ông, nhưng không thấy ông đâu nữa, mặc dầu vẫn nghe thấy tiếng ông tức giận lầm bầm... Lòng tôi se lại, tôi tỉnh giấc và không sao ngủ được... Tất cả

ngày hôm sau, tôi nghĩ ngợi về giấc mơ này và không sao tìm được câu giải đáp vừa lòng.

IV

Về tháng sáu, bao giờ thành phố chúng tôi cũng nhộn nhịp chút ít : nhiều tàu bè cập bến và những bộ mặt mới lạ xuất hiện ở phố phường. Tôi vui vẻ dạo chơi giọc bến tàu, trước những quán ăn và khách sạn, trông ngắm các thủy thủ và khách phương xa, ngồi dưới bóng những tấm vải căng, nhấm nháp rượu bia đựng trong các ly bằng thiếc.

Một buổi, dạo chơi như vậy, một người đàn ông, ngồi dưới hiên một quán cà phê làm tôi chú ý hết sức. Ông ngồi yên lặng trên ghế, tay chấp trước ngực, mặc một chiếc áo khoát đen, đầu đội mũ rơm. Vài sợi tóc lưa thưa và soăn rủ xuống trán, gấn ngang mũi. Mồm ngậm điếu và môi mím lại. Hình dáng, nét mặt, màu da vàng hệnh, xám nâu, tất cả những vẻ này như rất quen thuộc với tôi, buộc tôi phải ngừng lại trước khách lạ, tự hỏi ông ta là ai, tôi đã gặp gỡ nơi nào. Như cảm thấy tôi chòng chọc nhìn, ông ngừng cặp mắt đen và sắc lên...

tôi suýt kêu lên...

Người đó là một người cha khác nữa của tôi, người tôi đã tìm kiếm trong giấc mơ!

Tôi không thể nào nhầm lẫn được, vì trông giống nhau quá chừng. Ngay cái áo khoác đen cũng gọi lại cái màu và những nếp răn của chiếc áo ngủ ông đã mặc lúc hiện lên trong giấc mơ!

Tôi tự hỏi « Có phải mình ngủ không? » Không... Trời sáng rõ, khách bộ hành nhộn nhịp quanh tôi, mặt trời sáng tỏ trên nền xanh thẳm. Và con người kia không phải là ma quái, nhưng là một người cũng như tôi.

Tôi ngồi xuống một ghế bô không, gọi lấy một ly rượu bia và báo chí, rồi ngồi canh chừng.

V

Muốn trông kỹ người khách ngồi bên mà không để ông ta lưu ý, tôi giờ tờ báo cao ngang mặt mình.

Ông khách không cựa quậy, thỉnh thoảng mới ngàng cái đầu nặng nề lên, rồi lại cúi xuống. Hình như ông có ý chờ đợi ai... Tôi vẫn nhìn như uống bằng mắt... Đôi khi, tôi tưởng như mình là một đồ chơi của trí tưởng tượng và giữa người khách

kia và người « cha khác » của tôi không có chút gì giống nhau... Nhưng không, chỉ cần ông ta làm một cử chỉ gì hoặc khẽ quay đầu lại, là tôi nhận ra người cũ ngay và chỉ kịp cho mình lăm lại khỏi kêu lên vì sùng sốt.

Cuối cùng, ông nhận thấy sự tò mò của tôi; thoát đầu ông nhìn tôi về ngạc nhiên, sau về tức giận, giả bộ đứng dậy và làm rơi chiếc can đựng ở bàn. Tôi vội chạy lại nhặt lên và đưa trả ông. Lòng ngực tôi đập tưởng muốn vỡ.

Ông cảm ơn tôi, gương mặt cười, đưa mặt sát liền mặt tôi, ngàng mắt lên, khẽ mở miệng như có điều gì làm ông bối rối.

Ông nói giọng mũi, cộc cằn, the thé: « Chú lễ phép lắm. Điều đó hiếm lắm ở đời này. Cho phép tôi khen chú: tôi thấy chú đã nhận được một nền giáo dục rất tốt đẹp. »

Tôi không biết trả lời làm sao, nhưng sự băng giá giữa chúng tôi đã tiêu tan. Tôi được biết ông là người đồng hương, mới ở Mỹ quốc về mà ông đã ở lâu năm, nay cũng lại sửa soạn đi nữa. Ông nói với tôi, ông là nam tước... tôi quên mất hẳn tên, và

nửa lúc ấy tôi nghe không được rõ lắm. Cũng giống như người « cha khác » của tôi, ông nói xong câu lại găm giữ không rõ rệt.

Nam-tước muốn biết tên tôi. Khi nghe tôi nói tên, ông sẽ về sùng sốt. Sau cùng, ông hỏi ở thành phố này đã lâu chưa và hiện nay ở với ai. Tôi trả lời ông là tôi sống cùng mẹ tôi.

— Thế còn ông thân sinh?

— Cha tôi chết đã lâu.

Liền đó, ông hỏi tên thánh mẹ tôi, bật cười một cách ngượng nghịu, xin lỗi ngay, và cắt nghĩa cho tôi là không nên lưu ý về điều này, đó chỉ là một tật quen ở Mỹ và nói chung chỉ nên coi ông là một người kỳ quặc thôi. Lúc chia tay ông ngỡ ý muốn biết địa chỉ chúng tôi. Tôi liền nói ông biết.

VI

Sự bối rối lúc đầu đã tiêu tan; nay tôi chỉ thấy lạ lùng được biết ông ta, có thể thôi. Nhưng tôi không ưa cái mỉm cười ngạo nghễ của ông nam tước khi ông hỏi tôi điều gì và cặp mắt soi mói, xoáy nhìn tôi như chiếc khoan... Đồng thời, trong khoe mắt ông nhìn, như có gì tàn ác mà lại

che chở nữa... một điều gì kinh khủng. Con mắt đó, tôi không hề nhìn thấy trong giấc mơ.

Khuôn mặt ông thật kỳ quặc: chán chường, cằn cỗi, mệt nhọc, vậy mà còn trẻ, trẻ một cách khó coi. Và nữa, người « cha khác » của tôi không có vết sẹo sâu gạch ngang trên trán ông nam-tước mà tôi không nhận thấy lúc thoát đầu nói chuyện.

Tôi mới kịp nói cho ông khách mới biết tên phố và số nhà chúng tôi thì có một người da đen cao lớn, khoác chiếc áo choàng, che cả phần dưới mặt, đến phía sau ông nam tước, khẽ lấy tay chạm vào vai ông. Ông này quay lại khẽ nói:

« A ! à ! »

Rồi ông khẽ gật đầu chào tôi và biến vào trong quán với tên mọi.

Tôi quyết đợi ông trở ra: không phải để nói với ông (tôi còn biết chuyện gì nói nữa), nhưng cốt kiểm soát lại ý nghĩ đầu tiên của mình. Nửa giờ qua, rồi một giờ... không thấy ông nam-tước đâu... Tôi đi kiểm, qua tất cả các phòng khách, nhưng chẳng thấy ông đâu; chắc ông phải đi đã lâu với tên mọi, và đi cửa sau.

Hơi bị nhức đầu, tôi định ra ngoài thoáng khí và đi dọc bên tàu đến tận những hàng cây ở công viên, lập đã hai thế kỷ nay. Và tôi vẫn vợ dưới các tàn cây lớn gần hai tiếng đồng hồ, rồi mới trở về nhà.

— VII —

Tôi mới kịp qua ngưỡng cửa phòng trước thì người tớ gái đã chạy vội ra đón tôi, vẻ mặt hết hoảng. Tôi ngờ trong lúc tôi vắng nhà, đã xảy ra tai nạn gì...

Quả vậy, một giờ trước đây, mẹ tôi lúc ấy đang ở trong phòng, đã kêu lên một tiếng lớn và người tớ gái vội chạy vào, thấy mẹ tôi nằm dưới sàn nhà bất tỉnh. Một vài giờ sau, mẹ tôi hồi tỉnh, nhưng phải lên giường nằm. Hiện giờ bà có vẻ ngạc nhiên, sợ hãi, không nói gì, không trả lời ai, chỉ nhìn quanh mình và run sợ.

Ông bác sỹ, được người làm vườn cấp tốc mời đến, cho mẹ tôi thuốc an thần. Ngay với ông bác sỹ, mẹ tôi cũng không muốn nói gì. Người làm vườn nói, một vài giây sau tiếng kêu của mẹ tôi, có thấp thoáng một người đàn

ông vội vã đi qua vườn hoa và tiến ra phía cửa. (Chúng tôi ở một ngôi nhà nhỏ có một tầng lầu, cửa sổ trông ra một thửa vườn khá rộng.) Hẳn không nhận xét được nét mặt, nhưng là một người cao lớn, gầy, đội chiếc mũ rơm chụp xuống tận mắt và mặc chiếc áo đuôi bào.

Tôi nghĩ ngay « Đó là nam tước ! »

Người làm vườn đuổi theo, nhưng không kịp, và nữa, nghe thấy người tớ gái gọi, hẳn còn phải vào đi mời bác sỹ.

Tôi vào phòng mẹ tôi. Bà nằm trên giường, mặt trắng nhợt nhạt hơn chiếc gối kê đầu. Bà nhận thấy tôi, khẽ mỉm cười và chìa tay ra. Tôi ngồi vào đầu giường và hỏi mẹ tôi có việc gì xảy ra. Thoạt đầu, bà không muốn trả lời, nhưng vì tôi năn nỉ mãi, mẹ tôi mới thú thật đã trông thấy một vật gì làm bà sợ hãi hết sức.

Tôi hỏi thăm :

— Có ai vào đây chẳng ?

Bà phản đối :

— Ô ! Cái đó không, nhưng hình như mẹ trông thấy... một con ma...

Bà im lặng và lấy tay che mặt. Tôi định nói cho mẹ tôi rõ câu chuyện người làm vườn nói với tôi, kể cho mẹ tôi nghe chuyện tôi gặp ông nam tước... Tôi không hiểu tại sao lời nói lại ngập ngừng ngay ở cửa miệng. Nhưng dù sao, tôi không thể không nhận xét rằng ma quái đâu có thói quen đi lại giữa ban ngày...

Mẹ tôi khẽ nói :

— Ô ! đề yên cho mẹ, đừng hành hạ mẹ nữa... Một ngày kia, con sẽ hiểu hết...

Bà lại im lặng. Hai bàn tay lạnh buốt, mạch đập nhanh và thất thường. Tôi cho mẹ tôi uống thuốc an thần và ngồi ra xa, để khỏi làm phiền bà.

Bà nằm đến tận chiều tối, yên lặng, không cựa cựa. Tỉnh thoảng bà lại thở dài, mở mắt ra rồi lại nhắm lại, hãi sợ.

Chúng tôi tự hỏi không rõ có việc gì xảy ra cho mẹ tôi.

VIII

Tối đến, mẹ tôi hơi sốt và bảo tôi đi ngủ, nhưng đáng lẽ về phòng tôi, tôi quyết định ngủ trên chiếc đi-văng, ở phòng bên. Cứ

mười lăm phút, tôi lại dậy, đi nhón gót lại phòng mẹ tôi, lắng nghe... Yên lặng như tờ. Nhưng tôi chắc mẹ tôi khó nhắm mắt ngủ được đêm nay.

Hôm sau, mờ sáng, tôi đã vào phòng bà. Mặt bà đỏ ửng, mắt lóng lánh một cách khác thường.

Buổi chiều, bà dễ chịu hơn, nhưng đến tối, cơn sốt lại tăng gấp bội.

Cho đến lúc này, bà vẫn im lặng ; nhưng bỗng bà bắt đầu nói, ngắt quãng và hờn hờn, không phải mê sảng, vì những lời nói của bà đều có nghĩa, mặc dầu không có mạch lạc. Trước nửa đêm một lúc, bà bỗng ngồi bật dậy (tôi ngồi ở đầu giường mẹ tôi) và dài dòng kể lể. Không lúc nào bà nhìn tôi ; thỉnh thoảng bà lại uống hớp nước, đặt ly nước xuống một cách bực bội, tay giơ lên yếu ớt... Cũng có lúc, bà ngừng nói, xem ý cố gắng, rồi lại tiếp tục nói... Và tôi có cảm tưởng như bà nói trong một giấc mơ, tưởng như bà không nhận thấy mình đang làm gì, như có ai đã nhập vào bà hoặc buộc bà phải thốt lên lời nói.

IX

Hãy nghe mẹ nói con hay... Nay con không còn trẻ thơ nữa, và đã đến lúc phải biết cả... Xưa mẹ có một bà bạn thiết... Bà lấy một người vốn bà rất mê say và hai người sống với nhau sung sướng. Ngay năm đầu kết hôn, hai người đi Thánh-Bi-đắc-bào mấy tuần lễ để giải trí.

Đến trọ tại một khách sạn lớn, đêm nào họ cũng đi xem hát hoặc dự khiêu vũ. Bà bạn mẹ thân hình khá đẹp, mọi người đều chú ý và bọn thanh niên đều đến tán tỉnh bà, nhất là có một thanh niên... một sĩ quan. Chàng theo bà như hình với bóng và bất cứ đi đâu, người thiếu phụ cũng cảm thấy cặp mắt đen, dữ tợn, gai góc đè chĩa lên mình. Không bao giờ chàng tìm cách giới thiệu mình, hoặc nói lời nào, chỉ nhìn bà một cách ngạo nghễ.

Không chịu được cách hành hạ lạ lùng này, bạn mẹ khẩn nài chồng không nên ra đi, vì những thú vui của kinh thành cũng chẳng có gì lỗi cuốn bà nữa.

Một buổi tối kia, bà ở trong

phòng một mình, chồng bà bị một nhóm sĩ quan đồng đội với viên sĩ quan có cặp mắt dữ tợn kia lôi kéo tới một câu lạc bộ... Thoạt đầu, bà có ý đợi chồng về, sau thấy về chậm, bà cho người hầu gái ra và lên giường nằm... Bỗng bà cảm thấy sợ hãi, chân tay run lẩy bầy. Bà như nghe thấy tiếng động khe sau bức tường, như một con chó cào cửa. Bà quay mắt lại. Một ngọn đèn đêm lơ mờ ở góc phòng đối diện tắt cả các bức tường xung quanh đều có chẳng rèm vải... Và người có cặp mắt dữ tợn kia như ở trong tường hiện ra, mặt toàn đỏ đen!

Bà muốn kêu, nhưng không tiếng nào thốt ra được, như bị tê liệt vì sợ hãi. Người kia nhay sỏ đến bà, như một con thú dữ ném một vật gì lên đầu bà, một vật gilàm nghẹn thở, nặng nề, màu trắng... Việc gì xảy ra nữa?... Ta không nhớ rõ... ta không nhớ điều gì nữa!... Việc xảy ra như một cảnh giết người... Khi màn sương đã tiêu tan và bà bạn mẹ đã hồi tỉnh, không có ai trong phòng nữa. Lâu mãi, bà không đủ sức kêu lên... Mãi sau, bà mới thét lên... và mọi vật lại chìm

dắm trong cảnh mờ ảo...

Bà nhận thấy mặt chồng cúi xuống mình, về bản khoả... Bè bạn đã giữ ông mãi đến hai giờ khuya... Ông hỏi bà, nhưng bà không muốn nói gì.. Rồi bà thấy khó chịu... Về sau, còn một mình trong phòng, bà cố nhận xét bức tường và khám phá ra sau bức rèm có một cánh cửa bị mất..

Bỗng bà nhận thấy mặt chiếc nhẫn cưới, một vật gia bảo lâu năm, một chiếc nhẫn kỳ dị, chạm bầy ngôi sao vàng xen với bầy ngôi sao bạc.

Chồng bà cũng nhận thấy việc này và hỏi thăm về chiếc nhẫn : bà không biết trả lời sao, vì vậy ông tưởng bà đánh thất lạc, tìm khắp xóm xing mà không thấy đâu. Bị xúc động mạnh về những biến cố này, hai người định rời kinh thành càng sớm càng hay và khi bác sỹ nhận thấy bà đi đứng được, hai người lên đường ngay...

Nhưng con hãy tưởng tượng xem!.. Chính ngay ngày họ khởi hành, họ gặp ở ngoài đường hai y tá khiêng một chiếc cáng trên có một người đàn ông bị vỡ sọ vì một vết kiếm chém vào trán... Và kẻ xấu số lại

chính là người khách kỳ dị đã đến đêm nọ... Họ đã giết chàng trong cuộc bài bạc!

Bà bạn mẹ về quê ăn náu, có mang lần đầu... sống với chồng một vài năm nữa. Ông chồng không hề biết gì. Và nữa, bà biết nói với chồng thế nào vì chính bà cũng chẳng hiểu gì cả...

Nhưng hai người chẳng bao giờ được hưởng cái hạnh phúc buổi xưa nữa : một sức nặng khó hiểu, một nỗi buồn không tên tuổi làm mờ ám đời sống của họ... Họ không có con nào nữa và đưa con trai...

Mẹ tôi run lẩy bầy, lấy tay che mặt. Bà nói tiếp, cổ đờn hết nghị lực :

• Con hãy chân thật nói cho mẹ biết, như vậy bà bạn của mẹ có phạm lỗi gì không? Có thể chê trách bà điều gì được? Bà đã bị trừng phạt, nhưng trước mặt Thượng đế, bà có quyền lớn tiếng kêu rằng sự trừng phạt đó có xứng đáng không?... Tại sao bà bị sự hối hận dày vò, như một kẻ sát nhân, và sau nhiều năm dòng dã, cái dĩ vãng đó đến nay còn làm bà sợ

hải?... Mặc-biệt đã giết Ban-cô (1) bóng hình kẻ xấu số theo đuôi hành hạ mãi Mặc-biệt điều đó có gì lạ... nhưng còn mẹ?... »

Sau đó, những lời nói của mẹ tôi trở nên rối loạn, tôi không sao hiểu được... Lúc này, bà mê sảng; tôi không còn nghi ngờ gì nữa.

X

Bạn hãy thử xem, những lời thú của mẹ tôi đã làm tôi nghĩ ngợi ra sao. Nghe những lời nói đầu, tôi hiểu ngay là bà nói về bà và những lời lầm lẫn của bà càng làm tôi tin tưởng thêm... Như vậy, chính là cha tôi đã hiện về trong giấc mơ, rồi trong thực tế nữa! Ông không bị giết như mẹ tôi đã tưởng, nhưng chỉ bị thương... Ông đã đến thăm bà và bỏ trốn đi; vì thấy bà quá sợ hãi!

Bỗng tôi hiểu tất cả: những cơn bà muốn xua đuổi tôi, mỗi buổi, đời sống biệt lập của chúng tôi... Đầu óc quay cuồng, tôi cố gắng một cách vô hiệu để trấn tĩnh. Một ý nghĩ ám ảnh tôi nhất: Tôi quyết tâm tìm kiếm người kỳ dị kia là cha tôi! Tại sao? Với ý định gì? Tôi không sao định

rõ được, nhưng tôi cảm thấy phải gặp lại ông ta và điều này là vấn đề sống chết đối với tôi.

Buổi sáng hôm sau, mẹ tôi như hồi tỉnh: cơn sốt đã rút và bà ngủ được. Tôi lợi dụng dịp này, đề người nhà và nhờ hàng xóm săn sóc bà và lên đường tìm kiếm.

XI

Bắt đầu, tôi tới quán ăn, nơi tôi đã gặp nam tước. Không ai biết và lưu ý đến ông: ông chỉ là một khách qua đường. Ông chủ quán có đề ý đến người da đen, vì hình dáng kỳ quái của hắn làm người ta không thể bỏ qua được, nhưng cũng không biết rõ tung tích và nơi ở của y. Ngờ rằng ông có để lại địa chỉ ở một tiệm quán nào chăng, tôi qua nhiều phố và suốt giấy bến tàu, vào tất cả

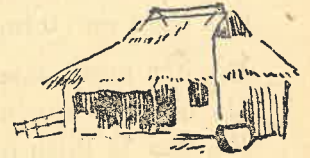
(1) Banquo, thống đốc, dưới thời vua xứ Ê-cốt Dunean (thể kỷ thứ XI) Chàng lãnh đạm chứng kiến Macbeth giết vua mình. Sau chính chàng cũng bị Macbeth nghi ngờ và giết chàng trong một bữa tiệc. Trong kịch Macbeth, Shakespeare đã rút ở đoạn này. Giữa bữa tiệc, bóng ma Banquo hiện ra và chỉ có Macbeth nhìn thấy thôi.

các tiệm cà-phê, quán ăn, nhưng không đâu tôi tìm ra người giống nam tước và người hầu của ông!... Cũng không biết tên cha đẻ tôi là gì, tôi không biết căn cứ vào đâu đề nhờ cảnh sát tìm kiếm giúp. Tuy vậy, tôi có nói cho hai người cảnh binh biết và hứa hẹn tặng họ một số tiền thưởng lớn nếu họ tìm được dấu vết hai người kia mà tôi cố tả hình dung tỷ mỉ cho họ (hành động của tôi không khỏi làm họ ngạc nhiên và nghi ngờ nữa.)

Tôi tiếp tục tìm kiếm cho đến bữa ăn trưa, lúc về nhà thật kiệt sức. Mẹ tôi đã dậy; một sự ngạc nhiên vắn vơ, thêm vào nỗi buồn thường nhật của bà làm tôi đau lòng quá đỗi. Cả buổi chiều, tôi ở gần bà và hai chúng tôi không nói câu nào. Bà bói bài và tôi nhìn những quân bài không nói gì. Không một lần nào bà đã động đến những lời thú đêm qua, ngay cả đến biến cố mới xảy ra. Người ta có thể nói, chúng tôi đã ngằm đồng ý quên lãng hết những sự việc đó... Mẹ tôi có ý như không hài lòng vì đã vén bức màn bí mật... Cũng có thể bà không nhớ kỹ hết những điều bà thổ lộ trong lúc mê sảng và trông

cậy vào lòng khoan hồng của tôi... Thật ra, tôi vẫn kính nể mẹ tôi, bà cũng biết rõ, mặc dầu vẫn tránh nhìn tôi.

Cả đêm, tôi không sao chợp mắt được.



Một cơn bão bỗng nổi dậy làm biển động mạnh. Gió lung lay các kính cửa. Những tiếng rên rỉ và tiếng cú kêu thảm thiết vang động trong không trung, như có vật gì nổ, ở tận trên cao, lúc va chạm các mái nhà phát ra những tiếng rên la. Lúc tảng sáng, tôi mới ngủ thiếp được... Đột nhiên, như có ai vào phòng, khẽ gọi tôi. Tôi ngàng đầu lên và không thấy ai. Điều lạ lùng là tôi không sợ hãi gì: trái lại, tôi cảm thấy có sự an ủi; tưởng như lúc này tôi đã đạt đến đích, tôi mặc áo vội vàng và ra đi.

(còn tiếp)

TU LỰ

● PHƯƠNG DUYÊN

Bỗng dưng em muốn khóc
Nửa đêm buồn bơ vơ
Giấc mơ còn vương vất
Gối chăn mờ trắng soi

Em đâu mười tám tuổi
Mà hồn còn xuyên xao
Em đâu là thiếu nữ
Mà nhớ thương đạt dào

Sao trong nửa đêm này
Gối đầu tay anh ngủ
Vut lo ngày sum vầy
Những niềm vui không đủ

Sao em thường tư lự
Cuộc đời đầy huy hoàng
Có bao giờ ôm giữ
Trọn tháng ngày không anh

Có lao giờ anh nghĩ
Còn người chưa người sầu
Mà thôi đừng anh nghĩ
Rời thời gian phai màu

Nửa đêm trăng bỗng tàn
Em âm thầm thồn thức
Một mình bơ vơ buồn
Không người lau nước mắt



★ PHẠM VĂN SƠN

một
số
thi
ca

đánh
dấu
thời
loạn

★

★

★

(liếp theo P.T. 175)

Đ ẮT Nam Kỳ bị
giặc Pháp xâm
lăng từ 9 - 2 - 1859.
Ba tỉnh Biên-Hòa, Gia-định,
Định-Tường lần lượt mất.
Vào tháng 2 năm Nhâmtuất,
Pháp đã khởi sự đánh Vĩnh
Lông (1862) và kiểm soát
miền Tây.

Ngày 5-6-1862 triều đình
Huế phải ký Hòa - Ước
nhường cho Pháp ba tỉnh
kê trên do các đại diện là
Phan-thanh-Giản và Lâm-
duy-Hiệp.

Tấn bi-kịch vong quốc đã
hiện ra trước mắt mọi người
nhất là những nhà trí-thức
từng theo dõi sự bành
trướng của chủ nghĩa thực
dân Tây-phương gần nhất
là từ Ấn - độ - Dương qua
Thái-bình-Dương. Sau Nha
phiến chiến tranh (1840-42)
nước lớn nhất ở Á-đông là
Trung-quốc đã bị liệt cường
da trắng xâu-xé làm nhiều
mảnh, chia nhau mọi quyền
lợi kinh-tế thương - mại và
ảnh hưởng chánh-trị trên
Hoa-lục.

Hỏa - lực của địch quá mạnh, vũ khí của họ lợi hại quá nhiều, chiến - pháp của họ đã dựa vào súng đồng tàu chiến để bẹp các dân tộc da vàng dễ dàng như trở bàn tay. Lối chiến tranh cổ điển của ta từ ngàn năm không thay đổi trước Tây phương đã rõ-rệt quá lỗi thời và bất lực.

Hàng đời trăm năm trước Ấn-độ và nhiều xứ Á-châu đã bị nô-lệ-hóa. Và con dĩa thực dân da trắng bám vào đầu thì rút không ra.

Năm quý Hợi (1863) triều đình Tự-Đức cử Phan-thanh-Giản qua Pháp xin chuộc 3 tỉnh miền Đông đã lọt qua tay giặc.

Cuộc thương thuyết thất bại.

Với người hiểu biết, đó là một sự dĩ-nhiên. Rồi từ ngày ký hòa - ước Nhâm-Tuất, vua Tự-đức cùng mọi tầng lớp sĩ-dân Việt-Nam

đều uất hận Triều đình đồ tội cho Phan-thanh-Giản và Lâm-duy-Hiệp đã hạ chữ ký xuống hòa-ước một cách liều lĩnh đến nỗi mất cả miền Đông ; ở đây có mồ mã của ngoại tổ họ Nguyễn (Gia-định), Bà Từ-Dũ Thái-hậu cùng nhà vua rất chua xót và năm sau (1863) nhà vua bắt Phan đi Pháp lo chuộc lại miền này. Đây là một công cuộc mò trắng đầy nước.

Phan-thanh-Giản thì kêu ca rằng mình và họ Lâm đã bị cưỡng bức trong việc ký kết với bọn Bonard việc chuộc ba tỉnh miền Đông là điều rất khó nhưng ông vẫn tỏ ra cố gắng cho đẹp lòng vua.

Dân chúng, nhất là đồng bào Nam-Kỳ bất bình không riêng với hai ông Phan, Lâm mà còn buộctội cả cho triều đình đã « khi dân »... Đứng ra phản đối công khai cái hòa ước mất đất,

mất tiền (ta vừa phải nhận nhượng cho Pháp 3 tỉnh miền Đông lại còn phải bồi thường chiến - phí 4 triệu nguyên nữa) là ông Quản Định được Bà con Nam-Kỳ cử ra Huế xin triều đình quyết chiến với Pháp. Bên trong nhân dân đã thấy rõ triều đình thiếu quyết tâm, nhà vua thường luôn luôn bắt nhất, đã thế chánh kiến giữa các đại thần luôn luôn xung đột, kể chẳng người chuộc. Phe chủ hòa có ảnh hưởng nhiều đối với nhà vua, một con người rất dễ xúc động, thế mới càng tai hại.

Dân trông cậy vào đâu bây giờ ?

Hộ đành chỉ trông cậy ở nơi mình mà thôi. Rồi với Trương-Định, Nguyễn-trung-Trực, Nguyễn - hữu - Huân, Võ-duy-Dương v.v.. phong trào « Dân chúng tự vệ », « Bình Tây sát tả » ra đời.

Họ chiến đấu bằng bất cứ giá nào, họ chủ trương thà chết còn hơn khoanh tay nhìn Tây cướp nước.

Xét ra triều đình Huế bấy giờ còn ở vào cái thế khó ăn khó nói vì đã ký hòa ước mất rồi, và công khai hủy bỏ Hòa ước lại không dám. Triều đình đành một đôi khi lén lút giúp đỡ phong trào kháng chiến, nhưng Pháp kiểm soát ráo riết mọi nẻo đường thì sự giúp đỡ ấy chẳng có hiệu lực là bao nhiêu. Trái lại mỗi khi Pháp thâu được một vài tin tức hay chứng cứ, gửi kháng nghị ra Huế, triều đình một bề phải chối bai bãi, một bề phải hạ lệnh cho Phan-thanh-Giản đi khuyến dụ kháng chiến giải giáp. Đã có lần Triều đình buộc các quan tỉnh An - giang nộp Thủ-khoa-Huân cho Pháp ra hình. Trước hoàn cảnh

đầy mâu thuẫn và suy bại ấy, cái triều đình bất lực ấy quả thật là đồ bỏ.

Đám người ái quốc của xứ Đồng Nai đành chỉ còn biết tin tưởng ở tấm lòng sắt đá của riêng mình mặc dầu phương tiện chiến đấu rất nghèo nàn... Sự khiếp nhược của triều đình còn có thể giải thích bằng một vài sự kiện nữa như sau: lúc này ngoài Bắc-hà giặc cướp nổi lên lung tung. Mỗi địa phương có một đảng, chỗ thì lấy danh nghĩa «Phù Lê», chỗ thì dả đảo chánh quyền vì chế độ tham nhũng, vì đói rách, vì mất mùa, hạn hán v.v...

Luôn hai chục năm từ 1821-1840 dưới đời Minh Mạng đã có tới 200 vụ loạn lớn nhỏ (lớn nhất là vụ Lê-văn-Khôi; từ 1841-1847 dưới thời Thiệu-trị có hơn 50 vụ — từ 1848-1884 dưới đời Tự-Đức có trên 100 cuộc

nông dân khởi loạn, 100 vụ giặc Tàu tràn qua biên giới Việt, ngót 60 vụ giặc Tàu-Ô hoành hành ngoài biển. Đàng coi là nguy hiểm và nghiêm trọng hơn cả là vụ Lê-Phụng, Nguyễn-văn-Thịnh, Tạ-Phụng, mà ta có thể ngờ rằng có bàn tay bí mật của đám Pháp thực-dân bí mật ở bên trong.

Ở kẹt vào cái thế nhà cháy hai đầu, triều đình Huế quan niệm rằng cần phải cứu vãn chánh quyền của mình ở Bắc-hà trước đã. Nam-Kỳ thì dầu muốn dầu không cũng thuộc Pháp rồi, mọi sự sẽ tính sau, nếu mất thêm Bắc-hà, thì lãnh thổ của tổ tiên nhà Nguyễn để lại cho con cháu sẽ là ba phần chỉ còn một, ảnh hưởng chánh trị sẽ không còn gì nữa. Vậy bằng bất cứ giá nào cứu Bắc-hà cho xong đã, tạm xếp mọi việc ở Nam Kỳ.

Sự việc này có được nêu

ra mới hiểu được tâm-lý của triều-đình Tự-Đức trong giai đoạn đen tối này qua các cuộc ngoại giao với Pháp.

Triều đình bị kẹt, Phan cũng bị kẹt theo. Tâm sự của Phan thật khó nói. Phải nên nghĩ rằng Phan là hình ảnh của Tự-Đức về mặt chánh trị. Trước khi xuống tàu vào điều đình với sứ-phủ Saigon, Phan đã được thảo luận với vua Dục-Tông rất nhiều, nhưng chỉ thị của nhà vua trước sau chỉ là liệu sao cho đỡ thiệt, cố giành được gì thì giành, có biết đâu rằng thực dân Pháp đã quá hiểu nội tình bối rối của Huế nên đã thẳng tay uy hiếp sứ giả, cương quyết giữ vững lập trường xâm lược. Sau này họ Phan ở Nam về bị trách quở, bị cách chức cứ đành chịu đau khổ một mình. Người bề tôi ấy kính vua, mến chúa có tiếng còn dám cãi làm

sao, do đó 5 năm sau ba tỉnh miền Tây mất nốt, ông chỉ lấy cái chết làm lối thoát cho riêng mình. Thực ra Phan là một nhà ái-quốc, một kẻ trung quân, một chiến-sĩ nhiều nhiệt tâm bao giờ cũng cố gắng tranh-đấu cho quốc-gia đâu đã muốn, chết trong khi xứ sở rối rắm.

Còn nhớ ngày nào khi đi Pháp xin chuộc ba tỉnh miền Đông không xong, Phan đã tiết lộ tâm sự của mình một cách nào nề như sau :

« Thời trời, đất lợi lợi người
hòa,

Hà dễ ngồi coi phải nói ra.
Làm trả ơn vua đền nợ nước
Đành cam gánh nặng nổi
đường xa.

Lên ghềnh xuống thác
thương con trẻ

Vượt biển trèo non cam phận
già.

Cũng tưởng một lời an bốn
cõi.

*Nào hay ba tỉnh lại châu
ba!*»

Nếu Phan có một sự an ủi nào của thử thời đó là do nơi Nguyễn - đình - Chiêu, người tuy mù mà rất sáng đã thấu đáo nỗi lòng u-uất của Phan khi bị đẩy vào miền Nam để lo cái truyện lấp biển vá trời.

Triều đình mỗi ngày một xa, chẳng bao giờ có chỉ thị gì rõ rệt. Người ta cho Phan bao thầu thời cuộc, hay thì chẳng sao nhưng dở thì ráng chịu hết trách nhiệm. Có điều gì nguy kịch, khó khăn thì :

*«Trạm Bắc ngày chiều tin
điệp vắng.
Thành Nam đêm quanh
tiếng quyen sầu.»*

như thế thì chưa uống độc Phan đã chết rồi, còn gì !

Còn nhớ thuở Phan đang tráng niên, đất nước chưa lâm vào thời đen tối, ông hăng hái trong việc thờ vua giúp nước hơn ai hết.

Suốt đời ông làm quan lăn lóc khắp mọi nơi, ít khi về với gia đình. Việc thần hôn định tỉnh thấy đều gửi vào tay vợ. Đôi khi về quê thăm nhà thì lại bồn chồn khăn gói lên đường chẳng khác chi ỨC - TRAI tiên sinh đời Lê (Nguyễn - Trãi) không từng một bữa quên vua.

Dưới đây là hai bài thơ đã nói lên tâm tình của Phan đã tích cực thế nào với vua với nước :

*«Từ thuở vương xe mỗi chỉ
hồng,
Lòng này ghi tạc có non
sông.
Làng mây cười tó ham
rong ruồi,
Trưởng liễu thương ai chịu
lạnh lùng,
Ơn nước nợ trai đành nỗi
bận,
Cha già nhà khó cậy nhau
cùng
Mấy lời dặn nhủ khi lâm
biệt,*

*Rằng nhớ rằng quên lòng
hỏi lòng.*

*Thương vua mến chúa phải
ra đi,*

*Bị rịn làm chi thói nữ
nhi,*

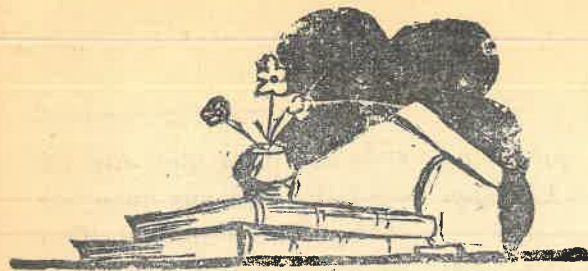
*Muôn dặm Tráng-an mau
trở lại,*

*Vào châu bệ ngọc, kẻ lòng
suy.»*

Nhưng sau này nhiều biến cố ào đến một cách dồn dập, nhà chánh-trị họ Phan đã không tránh khỏi nhiều sai lầm, nhưng bảo rằng riêng ông phải gánh hết trách nhiệm đối với quốc-dân và lịch sử thì có lẽ là điều quá khe khắt. Vì sao ? Vì sĩ-phu toàn quốc đâu phải chỉ có một mình Phan !

Ngoài ra nếu ngày nay ta coi thái độ của triều đình Tự-đức là một thái độ khiếp nhược, hòa ước Nhâm-tuất cũng như Hòa-ước Qui-Mùi ký kết liên tiếp vào 1873-1883 là chứng cứ của những

cuộc đầu hàng nhục nhã thì chỉ riêng đám vua quan thử thời phải chịu mà thôi. Còn quốc dân Việt-Nam lúc này tại miền Nam đã đưa ra được những nghĩa sĩ, những anh hùng như Trương-Định, Nguyễn trung Trực, Nguyễn-hữu - Huân v.v... thì không thể nói nước Việt-Nam phải chịu cái nhục ấy. Suốt 80 năm Pháp có mặt trên giải đất này, người dân Việt-Nam có thua Pháp nhưng không có đầu hàng Pháp. Trên trường tranh đấu, thắng bại là chuyện thường, cái nhục của một dân tộc trước cường địch là khi nào dân tộc đó mất hết tinh thần tranh đấu. Cũng như tinh thần liêm sỉ. Trước vấn đề này Nguyễn - tri-Phương và Hoàng-Đệ đã biểu dương cái trí bất khuất của dân tộc ta một cách hùng - hồn, do đó mà ngày nay con cháu không ngừng sống chết và tranh đấu cho hai chữ «Tự do» và Độc Lập. (còn nữa)



MỘNG HỒNG

★ NGUYỄN VƯƠNG

Chiều tan con nước vàng phôi
Sóng trần tục đã cuốn xoay sa mù
Vội triều mắt vọng trần gian
Hải đăng viễn mộng đêm ngàn trùng khơi

Vườn hồng ấp nụ môi cười
Tiếng kêu hải điều thảng ngày trong sương

Biển xanh thêm mặn má hồng
Mắt em trên đỉnh sóng trần lệ sa

Trời đêm soi bóng ngân hà
Sao khuya khuất núi tiếng gà thâu canh
Mắt em buồn tựa bìa thành
Bể sâu sóng nhạc vẫy quanh một trời

cuối cùng

Đời xa bãi nhật nắng chiều
Cỏi vang thôn chót qua triều sóng xô
Mira loang rỏ ánh nguyệt hồ
Bóng chàng nắng hạ năm mơ qua hờn

Mình ơi,

• • • • •
A L B E R T
E I N S T E I N



L À
A I,

V À C Ō N G - T H Ú C $E = MC^2$
L À G Ì ?

Đ I Ê U - H U Y Ê N

ONG TÚ hết sức ngạc-nhiên khi Bà Tú đột-ngột thốt ra câu hỏi :

— Mình ơi, Albert Einstein là ai, và công-thức $E = MC^2$ nghĩa là gì, hả Mình ?

Ông Tú thật không ngờ Bà Tú đưa ra câu hỏi Khoa-học mắc-mỏ ấy trong lúc bà đang đứng nơi bếp luộc một sơn rau dền.

Sáng chủ-nhật gần 12 giờ, ông Tú còn làm việc trong văn-phòng. Sức nhớ Bà Tú, ông bỏ bút chạy xuống bếp, để hôn bà một miếng. Ông vừa hôn xong, thì Bà Tú đặt câu hỏi trên. Ông rở mắt ngó bà :

— Em đọc cái tên và công-thức đó ở đâu thế ?

Bà Tú chỉ cho ông một mảnh giấy nhật-trình Pháp đã nhều nát mà tiệm چاپ-phô của Á-Xâm lấy gói đường cát bán cho bà. Bà đã đồ đường vào lọ, nhưng còn giữ miếng giấy nhật-trình. Ông Tú cầm mảnh giấy lên xem, thấy trên trang báo cũ bán xôn ấy hình của nhà Đại-Bác-học Albert Einstein và tựa đề in chữ lớn nét thật đậm :

« Albert Einstein et sa formule $E = MC^2$. » Vì tờ nhật

trình đã bị tiệm چاپ-phô rọ ra để gói hàng nên mục báo đó chỉ còn cái tựa mà không có bài. Ông Tú toan dứt tờ giấy vào lò lửa nhưng bà Tú cản lại :

— Cắt nó cho em, Mình !... Mình giảng cho em nghe về ông Albert Einstein và công-thức $E = MC^2$ đó đi !

Ông Tú cười :

— Em bảo anh leo lên đỉnh núi Hy-Mã-Lạp-Sơn anh còn thấy dễ-dàng hơn là mở-xẻ công-thức của Albert Einstein !

— Khó lắm sao, Mình ?

— Trên đời này chẳng có gì khó cả.

Bà Tú hôn ông Tú một miếng thật ngon-lành, rồi tỉ-tê :

— Không khó thì giảng cho em nghe đi, ông Tú của em !

Ông Tú cười ranh-mảnh trả lời :

— Dạ thưa Bà Tú, giảng cho Bà Tú hiểu rành-rọt cái công-thức hóc-búa đó, tui chỉ sợ rằng tui hông có đủ tài mà thôi !

— Ông Tú của em khách-sáo với em hoài ! Giảng cho em nghe rồi em cho cái này ngon lắm cơ !

— Cái gì ?

— Giảng xong rồi em cho. Đừng hỏi trước.

— Sắp ăn cơm rồi còn giảng gì.

— Chưa đâu. Em còn làm miếng bíp-téc và rán mấy miếng tàu-hủ nữa.

— Giảng cái vụ Einstein này lâu lắm, để xong bữa cơm đã. Đồng ý ?

— Không, Mình cứ giảng bây giờ cơ, chốc nữa ăn cơm thì Mình vừa ăn vừa nói, em vừa ăn vừa nghe. Bây giờ Mình giảng cái nào dễ đã, rồi cơm xong Mình giảng đến cái khó. Trước hết. Mình nói Albert Einstein là ai đã, Tiều-sử của cái ông đó.

Thấy Bà Tú cứ nằng nặc đòi giảng... giảng..., ông Tú không tìm cách thoái thoát được nữa, đành phải làm công việc « hóc búa » đó vậy, để vui lòng cô vợ trẻ đẹp ưa nhõng nhẽo :

— Albert Einstein là một cậu học trò lười biếng nhất lớp. Đây, tiều-sử của Albert Einstein.

— Lúc bé đấy chứ ? ●

— Dĩ-nhiên. Bây giờ ông là một nhà Đại-Bác-Học, nổi tiếng nhất trên hoàn-cầu hiện nay, được toàn-thê các nhà bác-học thế-giới coi như là một

trí-óc vĩ-đại nhất, của Thế-kỷ XX. Không những của Thế-kỷ XX, mà của tất cả các thời-đại. Nhà Văn-hào Anh **Bernard Shaw** đã phải tặng ông danh-hiệu là « người đã tạo ra thế-giới thứ tám ».

— Nghĩa là sao, hả Mình ?

— Nghĩa là từ xưa đến nay đã có 7 trí-óc vĩ-đại nhất của loài người đã 7 lần thay đổi bộ mặt của thế-giới, khai-sáng ra một thế-giới mới nhờ những phát-mình vô-cùng quan-trọng của họ.

— 7 người đó là ai ?

— **Pythagore**, nhà Triết-học, và toán-học Hy-Lạp (580—500 trước Jésus Christ), đã phát-mình ra **Bảng Cửu-Chương** (2 lần 1 là 2, 2 lần 3 là 6, 2 lần 4 là 8, v.v...), **hệ-thống thập-phân** (Système décimal), và **Định-lý về bình-phương của đường huyền** (Théorème du carré de l'hypoténuse).

Aristote, nhà Đại triết-học Hy-Lạp (384—322 trước J.C.), đã xây-dựng lên cả một hệ-thống triết-lý, chính-trị, vật-lý, luân-lý, làm căn bản cho trí-óc

thông-minh của loài người.

Ptolémée, nhà Thiên-văn học đầu tiên Hy-lạp, (Thế kỷ II sau J.C.) đã khám-phá ra nhiều mới lạ về Thiên-văn, toán, quang-học, địa-dư.

Copernic, nhà Thiên-văn-học Ba-lan (1473-1543), đã khám - phá sự luân-chuyển hai lần của các hành - tinh chung quanh Mặt Trời và tự xoay chung quanh mình.

Galilée, nhà toán-học, vật-lý học và thiên-văn học Ý (1564—1642), đã phát-minh phương-pháp thực-nghiệm (méthode expérimentale), khám-phá ra định-luật về sự rơi của các vật, (loi de la chute des corps), chế ra hàn-thử-biểu, kính viễn-vọng để xem thiên-văn, và quả-quyết trái đất tròn, xoay chung quanh mặt Trời.

Képler, thiên-văn-học Đức, (1571-1630) khám-phá ra các định luật thiên-văn, về các đường quỹ-đạo của Trái-đất và các hành-tinh, về Hỏa-tinh, v.v...

Newton, nhà triết học, toán học, thiên-văn-học, vật-lý-học của nước Anh (1643 - 1737) khám phá ra các định-luật về sự

hấp dẫn của vạn-vật (lois de la gravitation universelle), về sự phân tách màu của ánh sáng, và những căn-bản của tính vi-tích (calcul infinitésimal).

Đó là 7 khối-óc vĩ-đại nhất, theo nhà văn hào Anh Bernard Shaw, từ xưa đến nay đã kiến tạo ra nền văn-minh khoa-học cho loài người, và mãi cho đến nay, mới có một bậc vĩ-nhân thứ 8, một khối-óc thông-thái tột-bực, là **Albert Einstein**.

Bà Tú vừa chăm chỉ nghe ông Tú, vừa cầm đũa trở qua trở lại miếng bíp-téc trong cái sơn lớn. Ông Tú khoái quá, khẽ hỏi bà Tú :

— Em sẽ trét một lớp bơ chứ ?

— Có.

Bà lấy nửa thìa bơ xoa đều trên hai bên mặt miếng bíp-téc. Mùi thơm bay lên ngào-ngạt. Ông Tú nở hai lỗ mũi hít một cách thềm-thuong. Bà Tú cười, hôn ông Tú một miếng ngon lành trên má, rồi bảo :

— Nói về Albert Einstein nữa đi, cưng !

— Một trăm một nghìn khối-

óc như Einstein không bằng một miếng bíp-téc của em chiên !

Bà Tú tùm-tỉm cười :

— Rồi sao nữa ?

— Em lấy con dao cắt một góc cái bíp-téc cho anh ăn trước, cho cái miệng của anh nó khoái cái đã, rồi nó sẽ nói tiếp về nhà bác-học vĩ-đại Albert Einstein..

Bà Tú lúc nào cũng chịu chông. Với một nụ cười duyên-dáng, bà cắt một miếng to bằng hai ngón tay, cầm mũi dao vào đưa thẳng lên miệng ông. Ông Tú nở mày nở mặt.

Vừa nhai hết, ông nói :

— Einstein là người Đức Do-Thái, (1879—1955) nghĩa là mới chết cách nay 10 năm, hưởng thọ 76 tuổi. Lúc còn nhỏ xíu đi học, hết sức lười biếng, ông bỏ làm kỹ-sư điện, cứ mắng cả ngày : « thằng này lớn lên sẽ vô-dụng ! » Mẹ, nhũ-danh là Pauline Koch, cứ khóc hoài. Bà rất thất vọng về cậu con trai. Cậu chỉ thích đánh đàn *violon*. Nhưng có điều phi-thường là cậu giỏi môn Toán, không ai bằng. Mới 9 tuổi, cậu vợ đầu

được một quyển sách toán của một sinh-viên học thi tú-tài, thế là trong ba tháng cậu làm được tất cả các bài toán trong sách. Lúc 14 tuổi cậu đã nổi tiếng là vô-dịch về các môn Toán : đại-số, hình-học giải-tích, tính tích-phân, và tính vi-phân. Nhưng về sinh-ngữ, sử, địa, văn-học thì bết nhất. Tại vậy mà thi vô Đại-học Bách-ngệ Zurich cậu đứng đầu về các môn Toán Lý Hóa còn các môn khác đều hỏng hết. Nhưng cậu vẫn được chấp nhận vào Đại-học Bách nghệ Zurich (Thụy-sĩ) năm 17 tuổi. Nơi đây Einstein nhập quốc-tịch Thụy-sĩ, và cưới một cô Sinh-viên Khoa-học người xứ Serbie, tên là Mileva. Cặp vợ chồng trẻ không có tiền xài, lại sinh được 2 đứa con trai, Einstein phải xin một chỗ làm trong « *Sở Liên-bang Thụy-sĩ Bằng-cấp phát-minh* » (Office fédéral des Brevets) ở thành-phố Berne, để có tiền nuôi vợ con. Năm 1913, Einstein và cô vợ bắt đồng ý kiện và ly-dị, để 2 cậu con trai cho nàng nuôi. Ông cưới cô em họ, **Elsa**, và nuôi 2 đứa con gái riêng của bà này. Elsa hơn

người vợ cũ ở điềm cô này không muốn biết gì về những công việc nghiên-cứu và phát-mình khoa học của ông, mà chỉ lo săn-sóc chồng mà thôi. Cô nấu hành tây cho ông ăn, bảo ăn hành tây thì tóc đến bạc cũng không rụng (có lẽ đúng, vì 76 tuổi ông chết mà đầu tóc bạc như tuyết vẫn bõm xõm trắng xóa, không rụng một sợi!)....

Bà Tú ngắt lời:

— Đề em cũng bắt chước lược hành tây cho Minh ăn nhé, Minh chịu không?

— Anh ý à? Anh thì thích tóc rụng hết để đầu trọc lóc như Yul Bryner, đẹp hơn!

Bà Tú vừa cười vừa dọn cơm. Ông Tú giúp bà, lấy chén, đĩa, và trải chiếc chiếu ngồi ăn ngay trên sàn nhà bếp. Ông Tú chịu món bíp-téc của bà Tú lắm. Ông cao-hứng ăn và nói chuyện:

— Bà Einstein thứ hai chịu chồng lắm, em ơi.

Ông mỉm cười ngó Bà Tú, và khề bảo:

— Dĩ-nhiên đầu băng em chịu anh...

— Cô Elsa chịu ông Einstein cách nào, hả Minh?

— Thí-dụ như hồi ông làm Giáo-sư Đại-học Zurich, nhiều khi ông đi dạy học mà chỉ mặc pyjama, quên mặc đồ lớn. Elsa phải lật-đật chạy ra sân gọi ông trở vào nhà, để thay áo quần cho ông. Có lần lấy có là vợ rách mặc công Elsa vá, ông đi giày không có vớ. Elsa phải lấy vớ xỏ vào chân cho ông. Elsa cũng hay làm bíp-tét trét bơ cho chồng ăn...

Bà Tú cười:

— Thiệt hông?

— Thiệt mà! Áo quần ông mặc lôi-thôi lếch-thếch, không chịu thay. Cứ thích mặc « nhút bộ », không chịu mặc đồ mới. Elsa phải năn-nỉ mãi, nhưng rồi cũng chứng nào tật nấy. Không phải ông hà-tiện, vì Einstein không chú-trọng đến vấn-đề tiền-nong. Hồi ông được giải thưởng quốc-tế Nobel về Khoa học (năm 1921), 45.000 Marks (tiền Đức), trên một triệu đồng bạc Việt-Nam, ông cho Mileva, người vợ thứ nhất, một nửa còn một nửa cho một hội từ-thiện. Ông không giữ 1 đồng nào cả.

Hôm đến lãnh thưởng ở thủ-đô Thụy-Điền, ông mặc một bộ đồ lễ phục smoking đã cũ, bạc màu hết. Một người bạn của ông hoàng-hốt khuyên ông đi thay bộ đồ mới. Ông hỏi:

— Cái smoking này làm sao mà anh chê nó?

— Nó không được long-trọng lắm trong một buổi đại-lễ quốc-tế như hôm nay.

— Tôi không có bộ áo nào khác.

Thế rồi ông tiến đến Quốc-Vương Thụy-Điền để nhận giải thưởng, rất thản-nhiên, không hề một chút nào chú-ý đến vinh-quang cũng như y phục tiêu-tụy của ông. Ông hoàn-toàn lãnh-đạm với tất cả những màu-mè phù-phiếm bên ngoài. Đời ông sung-sướng và yên-tĩnh, không bị ai làm phiền muộn điều chi. Lại được Elsa chịu-chịu đủ thứ. Ông cũng yêu nàng, nhưng ông lo-đãnh với cuộc đời cho đến đôi khi người đầy tớ báo tin Elsa chết, ông phốt-tĩnh bảo:

— Chết thì chôn.

Tất cả lời ai-điều Elsa, cô vợ cung của ông, chỉ có ba tiếng đó thôi!

Rồi ông đi kéo đàn violon để quên cuộc đời.

Ông về ở Berlin đến năm 1933. Chế-độ Quốc-xã (Nazi) của Hitler chủ-trương tiêu-diệt giống Do-Thái, ông phải bỏ trốn qua Pháp, dạy ở Cao-đẳng Học-viện Collège de France (Paris), rồi sang Bỉ, Anh, sau cùng sang Mỹ. Nơi đây Chính-phủ Mỹ mời ông làm Giám-đốc Cao-đẳng Học Viện Princeton, (Institute of Advanced Studies). Hitler treo giải thưởng 20.000 Marks (gần nửa triệu bạc Việt-nam) cho ai lấy được cái đầu của Albert Einstein. Năm 1940, nhà bác-học Do-Thái, nổi danh nhất thế-giới xin nhập quốc-tịch Mỹ.

Năm 1955, ông chết trong biệt-thự giản-dị của ông ở Princeton, vì chứng động-mạch-lưu (anévrisme).

— Động-mạch-lưu là bệnh như thế nào, hả Minh?

— Huyết-quản vì máu bị động nhiều quá, nổi phồng lên như cái bướu. Huyết lưu-thông

không được, tim ngưng đập, là chết.

Bữa cơm vừa xong, bà Tú lấy hai lọ Yaourt để tráng miệng. Ông Tú bảo :

— Hôm nay em đã biết về tiêu-sử đầy đủ của Albert Einstein Thế đủ rồi. Lần sau, anh sẽ cố gắng giảng cho em hiểu công-thức $E=MC^2$.

— Sao lại Minh phải cố-gắng mới giảng được ?

— Vì nó bao trùm cả khoa-học tối-tân nhất hiện nay, vừa lý-thuyết vừa thực-nghiệm mở một kỷ-nguyên mới cho nhân-loại. Nó liên-quan mật-thiết với sự phát-minh ra **Nguyên-tử-lực**. Chính cái công-thức đó là nguyên-nhân sáng-chế ra hai trái; **Bom Nguyên-Tử** đầu tiên của Mỹ thả xuống Hiroshima và Nagasaki.

— Ồ, thế hả, Minh ?

— Ừ, cho nên người ta vẫn

● THỊT CHUỘT VÀ THỊT CHÓ

Chuột hỏi chó :

— Sao thịt anh hôi thối mà người ta vẫn bắt làm thịt để ăn ?

Chó hỏi lại chuột :

— Còn thịt chú hôi vậy mà mèo vẫn ăn thịt thế ?

gọi Albert Einstein là **cha đẻ của Nguyên-Tử** (Le père de l'Atome). Hôm sau anh sẽ ráng trình bày vấn-đề cho dễ hiểu.

— Hễ Minh giảng, thì vấn-đề gì khó đến đâu em cũng hiểu được.

— Ít nhất cũng phải nói đến hai tiếng đồng hồ.

— Minh hứa chắc, nghen. Hôm nào rảnh, Minh nói thật lâu cho em thích, nghen !

Ông Tú muốn giúp Bà Tú rửa bát đĩa cho mau, nhưng Bà Tú không cho.

— Minh lại vớng năm nghĩ đi. Em dọn dẹp chừng 10 phút thì xong.

Bà thường cho ông Tú một cặp hôn thật kêu, trước khi bụng mâm ra lu nước.

Diễn Huyên

tú - tài

TRẦN - HỮU - THƯỜNG

★ NGUYỄN-VĂN-HẦU

CH O đến ngày nay ở miền Nam, thử nhất các tỉnh miệt Hậu - Giang, mỗi khi nhắc lại thời Nho-học còn thịnh, phần đông không sao quên được một bậc thầy đáng kính : Tú tài Trần-Hữu Thường.

Một ít môn-sinh cụ Tú bây giờ còn sống, tuy tàn - cổ già nua không làm gì được, nhưng vẫn được coi là hạng người chín-chắn, đem Nho-phong làm khuôn mẫu cho nếp sống xóm làng. Trong những ngày khánh-tiết, đình-đám, các cụ thường đem những lời khuyên răn mực thước của cụ Tú mà tán-đương và khuyến-kích mọi người noi theo. Vậy nên cụ Tú tuy đã quá vắng từ lâu, không ai biết mặt mày cụ ra sao, nhưng tên tuổi cụ người ta vẫn quen thuộc rành rành không có gì xa lạ.

Theo công trình sưu tập của Nho-sĩ Bùi-nhật - Ưởng (Long-Sơn) thì cụ Tú sanh năm Giáp-Thìn, quê ở Phú-Thuận, quận Tân-Châu. Nhưng mấy năm trước đây xã Phú-Thuận đã được sáp nhập quận Hồng-Ngự, tỉnh Kiến Phong, nên dấu tích cụ như mồ mả, đất đai, hiện nằm trong địa-vực của tỉnh mới ấy.

Cụ vốn là học trò của cụ Huấn-đạo Nguyễn-văn-Khuê, đỗ Tú tài dưới thời Tự-Đức. Bởi thiếu tài liệu để tra cứu, chúng tôi chưa tìm rõ được cụ thi trong khoa nào, chỉ biết rằng khoảng cụ thi đỗ, chính vào lúc tiếng-súng xam chiếm

của quân Pháp đã nổ vang tại miền Nam. Các cụ Thủ-Khoa-Huân, Tiến-sĩ Đạo, Tiến-sĩ Thông, chắc có người tuổi lớn hơn cụ, nhưng đều thuộc hạng sĩ phu ở vào một thời với cụ (1).

Cụ có một thân hình vạm vỡ, da ngăm, râu rậm, mới trông ai cũng tưởng cụ là một người thuộc hạng võ biền, nhưng tâm tính cụ khoan hòa, đôn hậu, đãi mọi người như anh em, coi học trò như con đẻ.

Cụ thích nhân tài đam bạc. Khi quân Pháp chiếm xong Nam-Kỳ, họ mấy phen mời cụ ra cộng tác, nhưng cụ một mực từ chối, khư khư ôm tiết tháo của một kẻ sĩ chân chính, chỉ mở trường dạy học để khuấy khoa tháng ngày. Khắp các tỉnh miền Tây Nam-Kỳ thời ấy, nơi nào cũng có người theo học với cụ. Cụ siêng đọc sách để trau dồi thêm học lực nhưng không thích làm thơ, làm văn; nếu thỉnh thoảng có khi nào làm được thơ văn, cụ cũng không cho ai sao chép; vì vậy mà thơ văn cụ không còn lưu lại được bao nhiêu, họa hoặc chỉ sót một vài bài có liên hệ tới những giai thoại hay lịch sử mà thôi.

Trong *Nguyễn-Quang sưu-la-ký*, tài liệu do Nguyễn Quang miêu duệ, còn ghi một bài thơ của cụ Tú và cho đó là một giai thoại đã tình cờ đưa đầy cụ Nguyễn-Quang-Diêu tới học với cụ. Chúng tôi xin thuật lại dưới đây:

Cụ Nguyễn-Quang-Diêu (2) ngày trước học nhỏ với cụ Tú Tịnh — một thầy đồ người Bắc — nhưng chỉ được một thời gian; vì có chân trong một nghĩa đảng, cụ Tú Tịnh đành phải bỏ dở công tác nửa chừng để dẫn thân

(1) Bài *Tế cầu văn* của cụ Thủ-Khoa-Huân đăng trên *Bách Khoa* số 92, ngày 1-11-1960, chính chúng tôi đã tìm thấy trong tủ sách của cụ Tú.

(2) Đón xem sách *chí sĩ Nguyễn-Quang-Diêu* của tác giả, sắp xuất bản.

trên đường cứu nguy tổ-quốc. Nguyễn-Quang-Diêu vì vậy phải dõ dang sự học.

Tuy nhiên, trong năm 1898, một dịp may hiếm có đã đưa tới một cuộc tao phùng.

Nguyên cụ Tú Thường có một học trò tên Nguyễn-văn Nghị, quán ở xã Tân-Thuận (Cao-lãnh) đồng hương với Nguyễn-Quang-Diêu — sau khi học giỏi, Nghị xin phép thầy trở về dạy học ở quê nhà. Tư cách của Nghị đứng đắn nên được mọi người tin cậy, gởi con em tới học khá đông. Cụ Tú nghe biết, có một lần nhân dịp rảnh rang, sai học trò chèo thuyền đưa đi từ Phú-Thuận tới Cao-lãnh, để vừa viếng cảnh, vừa thăm trường học của Nguyễn-văn-Nghị. Lúc thuyền lên dềnh trên giòng Tiền-Giang, cụ nhìn mây nước bao la mà bất-giác có cảm hứng làm một bài thơ, kịp khi tới Cao lãnh đọc lên cho Nghị và mọi người có mặt thưởng-thức. Thơ như sau:

*Tân-Thuận đường đi cách mấy làng,
Xa-xôi mỗi mắt ngó mê-man.
Mặt-mù khuất lấp vòm Trâu-Trắng (3)
Lúp-xúp cây giăng rạch Đốc-Vàng (4)
Mưa tạnh bên trời mây chơn chở,
Buồm treo mặt nước sóng lan-chan
Cù-Tây (5) nghĩ nhớ khuôn trời đất,
Giục-giã lòng trung ứa lá gan!*

Bài thơ tả cảnh vật theo các làng mạc ven sông rất thực tế; nào Trâu-Trắng, Đốc-Vàng; nào Cù-Tây, Tân-Thuận... ở câu cuối còn nhắc tới chữ « Trung » rất khուն

(3) Tức Vàm Phong Mỹ bây giờ. Tương truyền nơi này ngày xưa có một bầy Trâu trắng ở dưới nước, thỉnh thoảng hiện lên quanh đây để kiếm ăn.

(4) Nơi có đền thờ của Đốc binh vàng, thuộc quận Thanh Bình ngày nay.

(5) Cũng gọi Cù-Lao-Tây có ba làng: Tân Long, Tân-Quới, Tân Huê, thuộc quận Hồng-Ngự tỉnh Kiến-Phong.

hợp đạo Nho ; nhưng bên trong còn tiềm ẩn một ý vị xót chua thời thế mà người không có nhiệt tâm ái-quốc không sao thông cảm được !

Nguyễn-Quang-Diêu tiếp nhận bài thơ, lòng bồi hồi xúc động, gât gù ngậm tới ngậm lui mãi mà không biết nhàm. Nhất là hai câu luận :

*Mưa tạnh bên trời mây chón chỡ,
Buồn treo mặt nước sóng lan chan.*

Phải rồi ! qua cơn đàn áp mãnh liệt của thực dân, họ đã nghiêm nhiên ngự trị mà làn sóng cách mạng của dân tộc thì đã dần dần lui vào chỗ lặng im ! Rồi « Cù Tây »... rồi « úa lá gan »... sao mà gói ghém và thắm thía đến như thế ? Nguyễn-Quang-Diêu liền xin phép cha để được đến học với cụ Tú, một học giả và là một chí sĩ đáng kính.

Năm 1913, nghe tin cụ Đề-Thám bị ám sát và quân Pháp đem thủ cấp cụ bêu tại chợ Nhã-Nam, cụ Tú-Thường có bài thơ cảm tác :

*Sóng non gầy dựng kể từ đây
Xăng rồi đâu xui sự thế này ?
Mối nước chạnh sầu nơi cửa Bắc,
Giếng trời nghĩ nhớ thuở phương Tây !
Lân đầu vòm khớp vừng ai dễ,
Rồng đọi mây mưa gặp vận bay.
Cơ hội chừ thôi chi xiết nói,
Đầy vơi e cũng lý vắn xoay !*

Một lần sang chơi Rạch-Giá, thấy tình lý này có vẻ lạ mắt, cụ có làm một bài thơ :

● *Phong cảnh Long Xuyên đã biết rồi,
Chợ như Rạch Giá khá nên vui.
Cầu-ngang già trẻ xãng qua lại,
Biển rộng tàu bè thả ngược xuôi
Buổi sớm nhóm đông người lộn sắc,
Ngày dài bán đủ vật nhiều mùi.
Anh hùng lắm lúc còn roi dẫu,
Mấy lá gan trung lưỡng ngậm ngùi !*

Câu « Anh hùng lắm lúc còn roi dẫu », cụ muốn nhắc tới cái chết vì nghĩa vụ của cụ Nguyễn-Trung-Trực tại Rạch-Giá năm 1868 ; cái chết anh dũng mà quốc dân không sao quên được và về sau đã lập đền thờ tại đây.

Từ khoảng đầu thế kỷ trở đi, người Pháp vì muốn cho dân ta học quốc ngữ và Pháp-văn để tuyển dụng người giúp việc, nên tìm cách ngăn trở những nhà nho, không cho dạy chữ Hán. Cụ Tú-Thường vì vậy chỉ còn dung chứa được lối năm sáu mươi học trò giỏi trong nhà, và số học trò này cũng học một cách lén lút, không được công khai.

Nhưng rồi một dịp may đã đến kịp thời với cụ.

Khoảng 1912, một chủ tỉnh Pháp đổi tới Châu-Độc. Ông này có lòng hiếu cổ, thấy nơi đây có nhiều thắng tích, nhất là các bia dựng trên các ngọn núi Sam, núi Sập, nên cho lệnh mời cụ Tú đến nhờ dịch ra cho ông ta hiểu. Cụ Tú đã dịch bia Vĩnh-Tế-Sơn và bia Thoại-Sơn ra văn vần (6). Cụ được viên chủ tỉnh ấy tiếp đón niềm nở và khi trò chuyện, có hỏi :

(6) Ngày 1 tháng 11 năm 1877, cụ Trần-văn-Hanh có dịch bia Thoại-Sơn ra Pháp văn, nhưng có lẽ viên chủ tỉnh này chưa thấy, hoặc đã thấy mà muốn dịch lại để so sánh cho xác thực, riêng về bia Vĩnh-Tế-Sơn thì lúc đó đã cũ mòn chưa có ai dịch.

— Thấy ông là bực cao sĩ, quan lớn rất mến tài, vậy ông có muốn gì cứ nói, quan lớn sẵn sàng giúp đỡ cho.

Cụ Tú thản nhiên trả lời :

— Tôi không muốn gì hết.

Viên chủ-tỉnh Pháp lại căn-vấn :

— Quan lớn sẽ ban chức Tri-Huyện danh dự cho cụ, cụ nhận chứ ?

Cụ Tú lắc đầu và nhớ ra một việc cần :

— Quan lớn có hạ cố, xin vui lòng cho phép tôi được đem đạo-lý thánh-hiền ra giảng dạy cho cháu con để duy trì phong-hóa nước nhà. Bình sinh tôi chỉ ước muốn có bấy nhiêu !

Viên chủ-tỉnh Pháp nắm tay cụ, cười ngất và hứa sẽ làm thỏa-mãn ý-muốn của cụ. Thế là từ ấy cụ Tú lại được dạy dỗ học trò như trước.

Hai bài bia nói trên, tuy dịch không hay lắm nhưng được cái sát nghĩa và tự-nhiên. Chúng tôi đã có dịp phiên-âm và đăng tải, một trên Văn Hóa Nguyệt San và một trên Văn Đàn Tuần Báo.

Năm Tân-dậu 1921, cụ mất, sau khi hưởng dương được 77 năm. Học trò cụ nghe tin đến viếng kẻ có hằng ngàn, Người ta đã khóc điếu cụ bằng những văn lụy, thơ vãn thật nhiều, mà thấm thía nhất có bài thơ viết bằng Hán-tự của cụ Nguyễn-Quang-Điêu :

Khóc Tiên-sinh thi

*Thái sơn tăng tịch vọng thời khôi,
Thùy liệu kinh thiên đỉnh đốn tời.
Phi quyện trạch tồn thâm tự khái,
Môn tâm mao tặc hướng thùy khai?
Khả liên Đào Kính tông không tại,
Nhân sử Trinh môn tuyết ủng đối !*

*Công nghĩa tư tình quân vị dã,
Trầm tư tâm-sự độc bồi hồi !*

Dịch :

Bài thơ khóc Thầy

*Thái sơn hăng nhớ tit mù cao
Đỉnh ngất trời xanh bỗng đổ nhào !
Lật sách nhớ ơn than phận bấy,
Xem văn tối nghĩa hỏi ai đâu ?
Thương ông Đào Khuất, sân lòng phủ,
Nhớ cụ, Trinh xưa, cửa tuyết bao !
Nợ nước tình thầy chưa ven cả,
Đẩn đo thân thể ruột gan xâu !*

Ông Nguyễn-Chính-Giáo, một môn sinh của cụ Nguyễn Quang-Điêu, có dịch bài thơ trên ra thể thơ song thất lục bát, xin chép thêm vào đây cho được đầy đủ :

*Nhớ Thái Sơn ngược trông chón chờ,
Đỉnh chọc trời bỗng lở thình linh.
Ngậm ngùi dấu sách còn in,
Sờ lòng tranh lập dạy mình giờ ai ?
Cửa Trinh-Hạo bụi dày tuyết phủ,
Lân Đào-Tiêm lối cũ tông hoang,
Tình thầy nợ nước chưa chan,
Nỗi niềm thâm nghĩ dạ càng xót xa !*



KHI NHỚ NHAU

Có em yêu kiều diễm lệ khi nhớ người yêu ở xa, viết thư cho chàng như sau :

Anh thương của em, không hiểu anh ở nơi xứ lạ quê người có thương nhớ đến em không ? Chứ em ở nhà ngày đêm trông tưởng nhớ anh, cơm ăn không được, nằm ngủ không yên, uống nước cũng chẳng muốn nhai . . . >

về một nụ cười



*Khi anh cười buổi chiều nghiêng nắng đỏ
Mây ngừng trôi và hoa lá thềm thì
Em ngồi đây hồn đi vào giấc ngủ
Với trần đầy xanh biếc mộng pha-lê.*

*Thần tượng đó huy hoàng và chói lọi
Sáng bừng lên muôn vạn ánh hoa đăng
Căn phòng tẻ ghê u buồn tằm tối
Bỗng vươn mình trước môi mắt sao băng*

*Hai cuộc sống đã đi về hai lối
Ngõ tâm tư khép lại một khung trời
Giấc mơ đẹp xa rồi tầm tay với
Đề thấy mình ngỡ ngác giữa trùng khơi.*

*Và còn lại nỗi niềm chiều thứ sáu
Lá mùa rơi sách vở tháng năm dài
Cánh chim mềm biết tìm đâu nương náu
Nặng giọt sầu úa héo cả bàn tay.*

*Dáng dấp ấy với nụ cười rực rỡ
Sao lạnh lùng xa vắng quá anh ơi
Con tim này với linh hồn ngưỡng mộ
Nhưng bơ vơ lạc lõng đến muôn đời.*

ÁI - THÙY - LAN

(Thi nhóm Sóng Vàng — Huế)

★ TÂM - TRÍ

(tiếp theo P.T. 175)

SAU cuộc ném bom
lâm-lạc của Mỹ hồi
năm ngoái, các khu
nhà của Cảnh-sát ở
đầu cầu sụp đổ đã được xây
cắt lại.

Cầu, đài phóng - thanh và
máy phát điện của viện-trợ
Úc-đại-Lợi, cột cờ, không bị
thiệt hại. Đài quan-sát bị bay
ngói, và hư hao khá nhiều.

Năm trước ông Đôn-trưởng

có đưa tôi lên tầng gác cao
nhất của đài quan sát và có
hào ý đưa tôi chiếc ống-dòm
lớn để nhìn sang vùng Việt-
Cộng ở bên kia sông.

Tôi trông thấy thật rõ-rệt
5 thiếu-phụ đi hàng một, kẻ
trước người sau, tất cả đều
đội nón lá, mặc áo quần bà-bà
đen, từ đông ruộng xa-xa tiến
vào khu trại lính Cảnh-sát
Việt-Cộng đóng dọc theo bờ
sông nơi đầu cầu. Tôi nói với
ông Đôn-trưởng đứng cạnh tôi

— Tôi thấy 5 cô thôn - nữ
chắc là đi làm ruộng về.

Ông Đôn-trưởng cười :

— Máy cán-bộ « hộ-lý » đấy,
chứ không phải thôn - nữ.



Nhưng ngoài công việc « hộ-lý », họ còn phải làm các công-tác khác, ngoài đồng ruộng và trong trại.

— Công việc hộ lý là công việc gì ?

Viên đồn-trưởng cười tủm tỉm :

— Dạ, hộ là ứng-hộ, lý là sinh-lý. Binh-sĩ Việt-Cộng đi viễn-chinh thường có đoàn nữ cán-bộ hộ-lý đi theo để làm cái việc mà chúng gọi là... « hộ-lý ». Cũng như bọn gái điếm vậy đó. Không phải gái điếm chuyên môn, nhưng chúng lựa trong đám nữ như công ở các công-trường những người có thể bị xung phong làm công-tác đó.

— Hạng phụ-nữ nào có thể bị bắt làm cán-bộ hộ-lý ?

— Phần nhiều là con gái hoặc vợ của điền-chủ, địa-chủ, tiểu-tư sản và của các thành phần mà chúng kết án là phản động chẳng hạn. Bọn phụ-nữ này cũng bằng lòng đi, vì làm cán-bộ hộ-lý dĩ-nhiên là không mệt nhọc khổ sở bằng làm việc lao-

động rất kham-khở ở các công trường.

Lần này, tôi muốn mượn ống-dòm để nhìn qua cánh đồng bên đó, nhưng ông tân Đồn-trưởng nói cái ống-dòm đã bị vỡ nát trong vụ ném bom của Mỹ.

Tôi đề ý thầy sự khác biệt giữa cột cờ bên ta và cột cờ bên Việt-Cộng. Hai lá cờ đều lớn rộng gần bằng nhau,

Nhưng cột cờ bên ta bằng ống kim khí to lớn, thật cao và cứng chắc, có những giây cáp thật mạnh dăng từ trên đỉnh xuống móc vào những trụ bê-tông, dưới một góc 45 độ. Vì vậy, gió thổi mạnh thế mà vẫn không lay chuyển được cột cờ. Trái lại, cột cờ bên Việt-Cộng làm bằng ba ống thiếc không lớn hơn ba cây tre bó lại và chắp nối bởi những niền sắt. Trông nó yếu-ớt, và lung lay khi có gió

mạnh. Lá cờ Việt-Cộng thường bị gió quật vào giây, cán bộ phải bắt thang leo lên gỡ nó ra. Một lần, hồi năm 1965, một cán-bộ Việt-Cộng leo lên để gỡ lá cờ bị gió cuốn, vô ý sảy tay té từ trên ngọn cột cờ xuống đất chết liền.

Ông Đồn-trưởng cho tôi biết rằng không như bên ta mỗi buổi sáng 8 giờ thượng cờ lên và làm lễ chào cờ, mỗi buổi chiều làm lễ kéo cờ xuống, bên Việt-Cộng không có nghi lễ ấy. Lá cờ của họ được để thường xuyên trên giây, ngày và đêm. Trừ khi nào có lễ lớn, họ treo cờ đỏ búa liềm, thường gọi là cờ Đảng, thì mới có nghi-lễ thượng kỳ long trọng.

Có một điếm thay đổi khiến tôi rất ngạc-nhiên, là năm 1965 lần thứ nhất tôi ra viếng Bến-Hải, ở đầu cầu bên kia cũng như bên này không có treo khẩu hiệu, hay biểu ngữ gì cả.

Nhưng đây tôi đứng trên

phương diện khách-quan để nhận xét, và tường thuật vô tư những điều trông thấy ở thực tế. Mặc dầu tuyên truyền cách nào chẳng nữa, thực - tế vẫn là thực - tế, và Lịch - sử Dân-tộc chỉ ghi nhận thực tế mà thôi. Há lẽ những kẻ thức thời, lại không nhận - chân được ý nghĩa của những biểu ngữ mà người ta đã thấy

Ngồi dưới bóng mát nơi góc cây thùy-dương trên bờ sông Bền-Hải, nhìn cầu Hiến-Lương và một vùng nước trong, một vùng nước đục, chầy lờ lững dưới cầu, chúng tôi im lặng một lúc lâu, để mặc giòng tư tưởng trôi theo giòng nước.

Tôi sực nhớ đến hai người bạn cũ ở Hà-nội, cũng dạy học, cũng viết văn, cũng làm báo, một người tên là Võ-nguyên-Giáp, một người tên là Đặng-xuân-Khu, và một

người nữa mà ông thân sinh làm Tri-Huyện vừa là bạn đồng-môn với cha tôi, vừa là suôi - gia với gia đình tôi, người ấy tên là Phạm - văn-Đông. Ước gì nay tôi được gặp ba người bạn cô tri kia trên chiếc cầu diu hiu quanh quẽ nầy mà lúc ở Hà-nội họ và tôi đều không hề nghe biết đến, cũng không thấy tên trong các sách Địa-dư, Sử-ký Việt-Nam, cũng không bao giờ nghe nói trong chuyện thân-thoại hay cổ-tích của Lịch-sử Chiêm - Thành. Nếu gặp ba người ấy, tôi chỉ nói thế nầy thôi : « Các bạn có nghe chẳng tiếng cười hần-hộc rùng-rợn của Đất cũ người Hời báo với chúng ta rằng vì trước kia ông cha ta đã tàn sát dân tộc Chăm, cướp dật Lãnh-thổ Chăm, tiêu - diệt nòi giòng Chăm, nên chỉ ngày nay những oan hồn Chiêm-quốc hiện về trả thù ta đó ! Simhavarman, Harivarman, Indravarman, Chế Bồng-Nga, Pò Romé, Pò Klông

Giarai, v.v..., phải chăng đây vong linh của những vua Hời và Thân-linh Hời đã hiện về để làm cho nòi giòng Giao-chi, Đri - Việt, đảo điên nghiêng ngửa, để trả thù cái hận vong - quốc của dân tộc Chăm ? Các bạn có nghe chẳng tiếng căm hờn của bao nhiêu thế hệ Chiêm-nữ mà các Vua ta đã bắt về làm đồ chơi trong cung-điện Thăng-Long ?

tại sao một nước Việt-Nam oai hùng, thống nhất từ Nam chí Bắc lại bị ngoại-bang đô-hộ gán 100 năm, rồi lại xảy ra tai nạn phân chia Quốc, Cọng,

Thôi, các bạn hãy chấm dứt cuộc tương tàn nầy đi, hãy rút hết quân sĩ của các bạn về Bắc-Việt. Rồi chúng ta hãy mời Liên - Hiệp - Quốc đến đây chứng kiến tường tận một cuộc tổng-tuyên-cử hoàn toàn tự-do, công bằng, dân-chủ thật sự. 25 triệu lá phiếu tự do ấy sẽ quyết định vận mệnh của toàn thể Nhân-dân Việt-Nam. Các bạn có chịu nghe tôi không ? Mời các bạn đến đây ! Chúng ta sẽ trải chiếu giữa cầu Hiến-Lương ngồi nói chuyện...

(còn nữa)



* CẤP DƯỠNG :

Trong một phiên tòa sơ thẩm ở Mỹ. Quan tòa hỏi bị cáo.

- Anh lấy tiền đâu để cấp dưỡng cho người vợ cũ của anh ?
- Thưa, tiền của người vợ hiện tại đang chung sống với tôi.
- Vậy, anh biết người vợ hiện tại lấy tiền ở đâu ?
- Thưa, tiền của người chồng cũ của nàng.

Quang
1950-1971 (1960)

midol

Đi các chứng đau nhức
và cảm cúm
CÓ BAN QU CẮC NHÀ THUỐC TÍN

mấy bức tâm thư một chữ tình

★ LÊ - KHOA
THANH-VIỆT-THANH

Anh Tâm

ĐẾN nay, tôi vẫn còn thấy thắc mắc về cái lý-thuyết của anh. Anh cho rằng tình bằng hữu giữa đàn ông và đàn bà không thể nào có được. Theo tôi, anh nên tạm nhận là có, nhất là sau khi anh xem trọn cánh thư này...

Tâm sự mà tôi sắp kể cho anh nghe đây, có thể được coi như là tôi đang kể với một ông thầy rứa tội. Nhưng anh sẽ là ông thầy đầy dẫy tội lỗi hơn là kẻ này biết mình tội lỗi!...

Như anh đã biết, tình thương của tôi đối với chồng là một thể tình thương chân thật. Tôi đã đặt cho chồng tôi niềm tin yêu cuồng nhiệt của thứ tình chồng đối với vợ.

Nhưng trong một chuyến du ngoạn, tôi có dịp quen một chàng trai trẻ. Chàng là một ca - sĩ hữu danh, có một thân hình tuyệt mỹ, có một mái tóc bồng bênh, êm đẹp như tơ. Chàng đúng là mẫu người đàn ông lý tưởng mà tôi hằng mơ ước từ hơn hai mươi lăm năm về trước. Chàng đã làm

MẤY BỨC TÂM THƯ

cho tim tôi bỗng dưng xao xuyến...

Trong những lần gặp gỡ đầu tiên, trong lúc tiếp chuyện với nhau, tôi đã đi quá nửa cái mình muốn bày giải. Đã mấy lần tôi hẹn cùng chàng, nhưng đều lỡ cả vì sự tò mò, đánh ghen của một nữ ca sĩ, nàng vốn là tình nhân của chàng.

Tuy vậy, tôi cũng đã khần khoản chàng viết cho tôi được một bức thư. Tôi không dám hứa hẹn gì với chàng và cũng không hiểu mình là cái gì nữa, trong lúc đó...

Anh Tâm,

Xưa nay tôi vẫn thường khinh ghét cái tình yêu nhục thể, thế mà bây giờ tôi lại sa chân vào cái vòng ấy. Tuy nhiên, tôi vẫn có những triệu chứng về quan niệm thuần-túy: tôi hiểu sự vật, hiểu cái đẹp một cách mới mẻ, tôi thấy mình luôn luôn bằng lòng, hả hê mãi như tia nước vô tận sủi mãi trên gương, bắn vào tâm hồn mình.

Đối với chồng, những cảm tưởng từ xưa vẫn không thay đổi. Nhưng về phần vật chất, tôi cho là chồng tôi không còn nữa. Xưa kia, chồng tôi còn ghen bóng ghen gió với những người mà tôi không hề nghĩ đến, thế mà bây giờ chồng tôi cũng mù quáng không thấy gì, dù có đôi lúc phải ngạc nhiên, từ hồi ấy, về sự lạnh lùng của tôi.

Anh cũng nên biết, tôi vẫn chưa thể tưởng tượng chỉ sống đời với một mình chồng tôi thôi. Tôi đã nghĩ đến sự chung đụng một giờ với anh chàng nọ... Cái ý ấy tôi cho là vô nghĩa lý thật, nhưng khi nghĩ đến sự không bao giờ trải qua phút ấy, tôi cho là đời tôi sẽ tối tăm quá lắm. Dù sao, cái giờ phút ấy mãi cho đến ngày mai, hay trong sáu tháng nữa, tôi vẫn luôn mơ ước và vẫn thấy đẹp như mùa xuân...

Nếu có thể, anh cho tôi biết bây giờ phải làm sao? Nên thú b



với chồng ? Bảo cho chồng biết là vợ chồng từ nay sẽ sống trong nghĩa bạn bè ? Chồng tôi tất không bằng lòng. Tôi nhớ một câu của nhà triết học Nietzsche : « Muốn thắng sự căm dỗ, chỉ có một cách là chịu theo sự căm dỗ ».

Có lẽ anh sẽ bảo là tôi đang bước trên một con đường dốc xối xa ? Tôi không tin là thế. Năm mươi sáu tuổi, tôi đã từng yêu rộng rãi trong hai năm trời (anh muốn hiểu và tin hay không, tùy ý) một người đã có vợ con rồi và hơn tuổi tôi nhiều lắm. Y chỉ ban cho tôi một cái hôn môi. Ôi, chỉ có mỗi một cái hôn môi ấy mà tôi đã sống hai năm thú vị trong nhục tình, sống bằng kỷ niệm êm đềm, mơ mộng đúng theo cái nghĩa cao đẹp của nó.

Tôi bắt đầu hiểu được giá trị của tình yêu : nó sẽ lìa xa chúng ta lúc mình muốn nó ở với mình lâu dài. Thật là cả một mùa xuân tuyệt mỹ sống lại trong tôi. Hồi còn con gái, tôi đã thừa hiểu triết thuyết của Platon là cốt hòa hợp

với nhu cầu của lòng : tôi xem cái « phút độc nhất » ấy như là một phút thần tiên diễm ảo, nó không giống với phút nào khác và nó không bao giờ trở lại, nếu có cũng chỉ là miễn cưỡng, vô vị mà thôi !

Có lẽ số kiếp sẽ gánh hộ tôi trong hành động tội lỗi nọ. Nhưng qua trường hợp ấy, không hẳn tôi sẽ đa tạ số kiếp đâu. Rồi thiên miên tôi nghĩ rằng : « Tại sao tôi không yêu ai bằng anh chàng chỉ biết ca hát, cái người mà tôi không lấy đủ mười điều tâm niệm buổi ban đầu » ?

Một hôm, chàng thú thật với tôi rằng chàng có đa mang với một nữ ca sĩ nhưng chẳng tình ý gì cả — « chỉ tại sự cần chung đụng của thể xác ! »

Anh Tâm,

Nếu anh nói với tôi lời như thế, tất tôi sẽ mích lòng, sẽ ghê tởm anh lắm. Nhưng từ miệng chàng nói ra, tự đứng tôi tha thứ. Khi chàng nhìn bóng tôi in xuống

nước, tôi thấy rõ tâm hồn cổ thẳng nhục dục, nó như muốn thay đổi cả cái hình hài tội lỗi của tôi.

Anh hãy giữ lấy bức thư này. Có lẽ, một ngày kia, tôi sẽ hỏi xin lại anh. Sở dĩ tôi viết những dòng này đến anh, vì chính anh đã có chút trách nhiệm về các việc đã xảy ra...

Tôi còn nhớ, mỗi khi chúng ta bàn chuyện, bất cứ lý thuyết nào của anh, cũng đều ghi vào lòng tôi đôi chút hồ nghi. Bây giờ tôi mới nhận ra. Tôi trả lời cho anh, nhưng chính thực là tôi đã trả lời cho lòng tôi biết. Xưa kia tôi vẫn ghé thăm sự dối trá, dù cho sự dối trá đó nằm trên phương diện dục tình, vụng trộm...

Anh cho tôi ý kiến của anh. Thân ái.

NGỌC HÀ

Chị Hà,

Tôi thật khó trả lời bức thư của chị. Vì nếu tôi tự nhận là bạn của chị, thì nó không còn gì để tỏ lòng đứng đắn giữa tôi và

chị nữa, dù sự thật tôi là bạn của chồng chị, bạn từ lâu.

Lẽ nữa, tôi cũng gần tin chắc rằng tôi sẽ mang đến cho chị những lời khuyên giải quá muộn. Chị đã quá vội trong cái ham mê chốc lát mắt rời ! Và chính chị, chị cũng đã hiểu rõ những lời cời mở ấy theo tình ý của mình. Cái khó cho tôi là chị không phải như người kém học. Nếu có phải nhắc những lời của Platon, Socrate... cũng vụng về và vô nghĩa mà thôi !

Chị yêu anh chàng ca sĩ của chị, mà chị lại khoan khoái kể cho tôi biết. Có lẽ đó không phải là động cơ tình cảm mà là một sự thú tội, tự nó đã bày ra cái cảnh không thể hàn gắn được. Nếu trước kia chị nghĩ có thể thoát khỏi được sự mơ tưởng, tất chị không bao giờ kể cho tôi nghe như thế.

Đáng khen là chị đã tự khám phá ở mình một kho dối trá vô tận. Chị đã dùng nó, để mà tha hồ che mắt chồng chị. Hạnh phúc anh là ở trong tay chị. Chị

 **midol** trị các chứng đau nhức
và cảm cúm.
CÓ BÁN TẠI CÁC NHÀ THUỐC

 **midol** trị các chứng đau nhức
và cảm cúm.
CÓ BÁN TẠI CÁC NHÀ THUỐC

hãy cố sức đối đãi với chồng trước sau như một ở bất cứ một sự vui chơi khoảnh khắc nào. Trong trường hợp này, cái điều mà người ta gọi là lòng chính trực, nó chỉ còn trở lại những ích kỷ và ác tâm mà thôi ! Người ta mua sự thư thái trong lòng bằng cách dầy xéo trái tim người khác. Nói cho cùng, không có gì dễ hơn là chị nên giữ mãi thứ tình chung thủy trong nhiều năm duyên nợ đã qua. Chị sẽ bảo tôi : có lẽ đó là cử chỉ hèn nhất. Tôi cũng không rõ có nên cãi lại với chị hay không. Nhưng dù sao, cái hèn nhất ấy, đối với chị bây giờ, nó vẫn thành ra một bồn phận rồi !...

Thân ái chào chị,
Lê-Hữu-Tâm

Anh Tâm,

Anh tin là tôi chưa thật đã yêu hẳn chàng ca sĩ kia, theo đúng cái nghĩa của chữ yêu ? Lấy việc này ra làm thí dụ : chúng tôi xa nhau hơn 15 ngày mà tôi không

thèm muốn gặp chàng. Có lá thư bảo đảm của chàng gửi tôi trên nhà bưu điện nhưng tôi không buồn đi lãnh về. Có cần gì thư với từ đề nhớ nhau đâu ? Tôi hiện đang còn giữ trên môi hương vị cái hôn môi của chàng, nó như một đóa hoa hồng đầy xuân sắc...

Dường như trên đời này chỉ có tôi với chàng, mà thôi. Đối với bất cứ những sự vật khác, tôi có cảm giác mình là hư không, còn tất cả chỉ là hình thức.

Hắn anh đã thừa hiểu cái bệ mặt trái của cuộc đời nó có hay hóm gì đâu ! Tôi vẫn thương yêu chồng, vẫn nặng tình dùm bọc cho nhau, tôi chỉ nhìn và hiểu cuộc đời thực tế với một mình tôi thôi, cũng đủ.

Nếu ngày mai tôi có chết đi, thì trong ký ức của hồn tôi chỉ có hình ảnh của chồng tôi là người đáng kể về vật chất. Tình âu yếm của chồng tôi dù không khéo léo cho lắm, nhưng cũng đã cho tôi hiểu được cái xác thịt sinh ra để làm gì !

Anh Tâm,

Câu chuyện của tôi có điều nào quá đáng, làm anh phật lòng, anh cứ dõ lởi cho những bà Tiên đỡ đầu cho tôi, vì chính các bà ấy đã không gán cho tôi hai sự hồ thẹn nhi nữ về hôn, cũng như về xác.

Trong cảnh này, tôi chỉ còn có cách là nói dối bằng miệng, bằng thân thể của mình. Nhưng tôi nào biết được điều đó nếu tôi gần chàng, và tôi nào có thể giữ mình trọn vẹn, không « đan đầu » gì với chàng khi được gần chàng ?

Mà thôi, câu chuyện đó có quan hệ gì đâu, phải không anh ? Chung quanh ta, mọi vật đều bồn chồn giống in như cảnh ngộ tôi, giống một cách kỳ lạ.

Tất anh sẽ bảo tôi rằng cái cực diện rất dỗi tốt đẹp của tình bạn kia, đâu có thể suy nhược đi về một cái hôn yêu... Dù sao, trong những phút ngắn ngủi tôi đã hiểu nhiều hơn là trong cả một đời...

Bạn của anh,
Ngọc-Hà

★
Lời người viết truyện :

Đời là cả một không gian đua chen, tranh đấu... Song chỉ có sự tranh đấu bản thân là khó khăn hơn cả. Một bên là tiếng lòng nhục dục... một bên là tình thần, bồn phận... chiến thắng được cực diện hoàn cảnh đó, là tự mình đã thấy hãnh diện, ít ra cũng trong một đoạn đời... ★



Dùng midol trị các chứng đau nhức
và cảm cúm.
CÓ BÁN TẠI CÁC NHÀ THUỐC TÂY.
1360/BY.T./DP.D.C.

chiều

★ TÔ - GIANG

Chiều ới chầm chầm tàn phai
Cho ta dẹt lại một vài vần thơ
Chiều đi sương phủ rừng mơ
Ngàn lau rũ tóc vật vờ gió lay
Ngõ buồn ai rắc lá bay ?
Đàn xưa ai gảy cung đầy cung voi ?
Tóc xanh sớm đã phai rồi
Người trong mộng đã xa vời... cố nhân
Đường đời rón rén bước chân
Vọng nghe trời ~~đã~~ đỡ nhanh về chiều
Tim ai ủ dột tiêu điều
Có nghe trong gió ít nhiều chua cay ?
Lòng buồn — Ta nhớ ai đây ?
Mà nghe ai oán dâng đầy tâm tư
Chiều ới nắng tắt rừng mơ
Mộng tàn thu khóc duyên hờ ngày qua
Chiều đi sương xuống gần xa
Rừng mơ để một mình ta lẻ buồn.

TRUYỆN NGẮN ●

nửa ngày lựu đạn cay

★ LAN - ĐÌNH

TỈ đang ngồi bó gối bên khay bàn đèn, bất chợt Mụa bước vào. Nhưng nàng chỉ đứng nhìn quanh, hình như sẽ quay đi ngay :

— Có gì không anh ?

Tỉ vẫn giữ nguyên bộ tịch cũ, vòng tay ôm chân, vai nhỏ hấn lên, mặt ngay đơ, hấn ngáp một cái đến dài :

— Có gì ! Cả bọn Mỹ cũng bị cấm trại trăm phần trăm rồi !

Mụa đã gật đầu chầm chầm, cái cử chỉ đưa đà đến hết câu nói lưng chừng của Tỉ, nàng có vẻ biết rồi mà vẫn hỏi chơi.

Rồi Mụa chép miệng và lại nhìn quanh :

— Thi tại biểu tình hoài chớ sao !

Đang nhiên, Mụa lướt nhanh đến chỗ Tỉ, nàng cúi thấp, ghé miệng nói thầm :

— anh thấy gì không ?

Tỉ lặng lẽ nhìn xuống bàn tay Mưa đang chống trên cạnh sập, cái vi mới mua, chặn bên dưới bầu bầu thon thon gần giống cái bao kính, nước da đen bóng tương chừng soi gương được :

— Mày dư dả cho tao ít chục xài đỡ coi ?

Đang thân mật, bỗng Mưa búng môi cười khẩy, vác mặt khinh khỉnh, nằng nừa ngoắt ra vừa nói :

— Thôi mà « cố », con cũng đang kẹt muốn chết đây !

Nếu ai khác mà giờ thói chông lòn đó với Tỉ, nhất định hẳn đã gọi dật vào để chửi thật tục, đánh đến thịch tay mới thôi. Nhưng Mưa thì Tỉ đã ngồi yên mồm mím lì lợm, bài bầy một mình. Bởi vì hẳn đã nhờ cậy Mưa nhiều rồi, và còn nhờ cậy Mưa lâu dài nữa. Trông Mưa đen đen, gầy gầy thế mà ăn khách nhất bọn. Ai cũng khen Mưa ngoan, có duyên. Có người còn bảo ưa cái mình « cá chằm », cặp đùi dài gọn của Mưa.

Nhưng bọn lính Mỹ mới mê Mưa ghê gớm. Nhiều đứa chỉ vì muốn lấy lòng Mưa, đã cho Mưa từng tấm lắc nặng vít tay, dặt hàng chục nghìn, rồi Mưa thua bài cáo, cứ bán rẻ để lấy tiền đánh gô, và sau đấy lại có thẳng sấm đèn Mưa cái khác đẹp hơn, quí hơn.

Nhất là gã « gà chết » vừa sang Việt-Nam xong, hôm nào không gặp Mưa thì nó lại khổ sở ra mặt, ngồi rủ một xó, hỏi không nói, chỉ một mực sa sầm, gục đầu, gãi gáy, hoặc nhắm móng tay hàng giờ. Bất giác Tỉ buột miệng:

— Con nhỏ tốt số...

Chưa chi Tỉ đã nfn thỉnh, chừng hứng và chạnh buồn Hấn vừa nghĩ đến những ngày tấp nập trong nhà này, và bắt đầu nao-núng vì không khí ế-ảm hiện tại. Thời buổi rối ren, bọn lính Mỹ bị cấm trại, cả đám trai trẻ người mình cũng vướng mắc gì đó với tình hình, hay tình hình làm họ phải giữ kẽ, không muốn xông xáo chơi bời như mọi khi. Mất mặt hết.

Tỉ vẫn nhìn thẳng ra đường, bằng vóc dáng chờ đợi, cầu may. Trời đang mưa lất-phất, nghiêng nghiêng. Hấn mừng tượng thấy trong tầm mắt, khung cảnh ướt vắng đó, hình như trước đây cũng có lần mình đã ngồi thăm bên khay bàn đèn tro lạnh thế này, để gặm nhấm từng chút gì bừa bọn, ừ-ê.

Nhưng Tỉ chẳng cần tìm kiếm đâu xa. Hai bàn tay vắt chéo trên hai đầu gối, gần kề mặt hấn, còn hiện rõ những vết xẹo ngang dọc, chi chít, dấu tích của một kỷ-niệm chưa sót để đời. Chưa sót chứ không phải cấm hạn.

Bấy giờ ngày nào cũng có biểu tình như bây giờ. Theo ý Tỉ thì vụ lộn xộn đã kéo dài chỉ vì mấy lời lẽ kỳ cục của ông thủ tướng lâm thời hồi đó. Ông ấy đã lên đài phát thanh kêu gọi những gì « dòng do tam quốc », bằng giọng điệu gay gắt, mà có câu « chúng làm trò khỉ » khiến cho chính Tỉ, là kẻ ngoài cuộc, cũng phải buột miệng vắng tục, rằng « nghe hồng được ».

Sáng sớm. Tỉ đang ngồi « do ra », với tâm sự dột nát đúng hệt hiện thời, thì thẳng cha lấp lom ngoài cửa. Tỉ

 **midol** trị các chứng đau nhức
vô cảm cúm
CÓ BÁN TẠI CÁC NHÀ THUỐC LỚN

 **midol** trị các chứng đau nhức
vô cảm cúm
CÓ BÁN TẠI CÁC NHÀ THUỐC LỚN

cũng thừa biết thằng cha mới đến Việt-Nam, là khách của bên Năm Đá. Nhưng Tỉ vẫn ra đón thằng cha vào. Lập tức Năm Đá nhẩy sang, tay nắm chắc con dao bầu, tay điểm mặt Tỉ: «anh đã ở quấy với đàn em, tôi nhất định đảo chính anh» ! Nói xong, nó xông lại, đâm chém đồ hồi..

Quang vừa đi vào vừa hỏi :

— Tôi muốn tìm Mụa. Cô ấy đâu rồi ?

Tỉ vỗ đùi «chát» một cái :

— Trời, ổng không, hồi sáng em nó vừa ghé thăm chừng, giờ biết đâu mà kiếm !

Quang ngồi xuống góc sập, ngần ngừ một lát :

— Thôi được. Bao giờ gặp Mụa, anh bảo cô ấy đến tôi ngay. Bất cứ lúc nào. Bấy giờ anh cho tôi hút thử vôi. Để xem thuốc phiện có tiêu sấu thật không :

Tỉ chậm rãi, tay nhắc cái chụp đèn, tay cầm cái kéo nhỏ gắp ngọn bấc khêu cho đóm lửa sáng hơn :

— Dạ thưa thiệt chớ. Mà thầy buồn điều chi quá vậy ?

Quang nằm xuống, mỉm cười đánh trống lảng :

— Cảnh-sát còn bận dẹp biểu tình, tôi sẽ hút thật lâu, để chờ Mụa. Còn ai bắt mà sợ phải không anh Tỉ ?

Tỉ cũng nằm xuống, gổ đầu lên chiếc hộp bánh bích-qui đặt đứng, tấp miệng tàu bên ngoài mép, rồi măm mòi, hộp má nhấp thử mấy cái liền, để thông hơi :

— Dạ thưa, thầy sợ mắc ghien thì đúng hơn, chớ còn

cảnh sát thì tôi đã «mua» hết rồi. Thằng nào tôi cũng phải đưa tiền cho tụi «rờ xọc» khu này. Lâu lâu tôi vẫn bao bọn nó ăn sáng nữa.

Quang vẫn nằm ngửa, nhìn lên trần. Trên đó chẳng có gì khác lạ. Những miếng các-tông đóng nẹp, sơn trắng, phẳng phiu, sạch sẽ. Nhưng đôi mắt Quang cũng mở to chăm chú miên man. Hồi lâu Quang mới trở mình, đổi diện với Tỉ :

— Anh Tỉ có chuyện nào thú vị nhất kể tôi nghe với?

Ngừng tay tiêm thuốc, Tỉ vắn vế cái dọc tàu một cách ngờ ngợ :

— Dạ thưa chắc có lẽ hôm nay nhà trường cũng bị đóng cửa cho nên Thầy mới rảnh ?

Quang liếc nhanh lại tấm lịch treo ở cuối phòng :

— Hơn một tuần lễ rồi.

Ngẫu nhiên câu hỏi của Tỉ đã đẩy Quang trở về nỗi ám ảnh cố sẵn. Anh lại thắc-mắc, ân-hận thì đúng hơn, vì cậu học trò yêu thương nhất lớp của mình. Nó mới mười bảy tuổi, khôi ngô, lễ-phép, siêng năng. Nó đưa Quang tờ truyền đơn hô-hào biểu tình, chữ quay tay san sát đen đặc, nhờ bản làm nhứt cả mắt. Nó thú-nhận mình chủ mưu. Nó hỏi Quang cho biết ý kiến. Nhưng Quang đã có thái-độ nước đôi, lời-lẽ quanh co, không ngăn cản, cũng

Quang midol
 1360/B.Y.T./D.R.D.C.
 Dữ các chứng đau nhức
 và cảm cúm
 CÓ BÁN TẠI CÁC NHÀ THUỐC TÂY

Quang midol
 1360/B.Y.T./D.R.D.C.
 Trị các chứng đau nhức
 và cảm cúm
 CÓ BÁN TẠI CÁC NHÀ THUỐC TÂY

không khuyến khích. Sau đó, Quang còn tìm đủ cách để tránh mặt nó. Sáng nay, mẹ nó đến gặp Quang báo tin con bị bắt, và nhờ anh xin ra, Quang lại bắt lặc. Đã nửa ngày qua, Quang cứ hình dung thấy một khuôn mặt trẻ thơ đầu tóc rũ rượi, mặt mũi bầm dập, và đôi mắt tím máu lạng lẽ nhìn anh...

Tỷ trao dọc tàu cho Quang :

— Dạ thưa, có điều này, nói thì tôi nhờ thầy chỉ dạy thêm cho, chớ không phải kể thầy nghe đỡ buồn. Mà cũng thú vị lắm thầy ạ...

Một thương gia người Tàu, năm năm trước có việc sang Việt-nam. Năm trong tiệm hút, ông ta bắt được con rệp vừa đốt mình. Chẳng hiểu nghĩ sao, ông ta đã không giết nó, chỉ gói vào o miếng giấy nhỏ, đem giắt vào kẽ ván trên bức vách sau lưng. Rồi ông ta trở về nước.

Năm năm sau, nhà kinh doanh đó lại có việc sang Việt-Nam. Đang nằm trong tiệm hút, tiệm hút cũ, ông ta chợt nhớ con rệp bị nhốt ngày xưa. Gói giấy nhỏ giắt ở kẽ ván còn đó. Ông ta khều ra, giở xem. Xác con rệp đã khô đét, mỏng dính, đen xám, chẳng ra hình thù gì nữa. Ông ta gọt nó vào lòng bàn tay, ngắm nghía một cách hay ho. Đám chân mờ ảo bắt đầu ngo nguậy. Con rệp nhồm lên, từ từ bò đi. Leo đến lưng chừng cánh tay của người Tàu, nó chúc đầu, đốt miết. Người Tàu ngã bật ngửa, chết ngay tại chỗ !

Tỉ nhễ nhễ búng nhựa ở nhĩ tàu :

— Dạ thưa, tôi nghe anh em bạn ghìền với nhau nói

thì đó là một vụ trả oán. Nhưng theo thầy học nhiều hiểu nhiều, thì có đúng sự thật không ?

Quang khẽ gạt cái dọc tàu sang phía Tỉ ra hiệu mời hẳn hút :

— Đúng. Giống rệp sống dai lắm.

Tỉ kéo xong một hơi dài, chiêu xong ngụm nước nhỏ, đôi mắt lim dim :

— Dạ thưa, đành vậy, mà có đâu nó đốt chết được người ta ?

Quang lắc lắc một ngón tay trước mặt :

— Có thể lắm chứ ! Một là suốt năm năm con rệp đã nhiễm, độc. Hai là người Tàu kia đã hoảng sợ đến chết. Hoảng sợ ở chỗ không ngờ con rệp còn sống...

Tỉ gạt gù đắc ý :

— Dạ thưa cảm ơn thầy lắm. Theo tôi, chẳng còn cái chết nào lãng xet hơn vụ này !

Quang chợt nhớ từ lúc anh vào đây cho đến bây giờ, Tỷ cũng luôn luôn « dạ thưa » như mọi lần. Anh tò mò nhận xét Tỉ, và vẫn chưa hiểu được con người nghiện ngập, ăn nói mềm mỏng đến thế mà đã khắc phục được tên anh chị cỡ Năm Đá.

Chưa thấy ai nhiều sẹo bằng Tỷ, chẳng chịt khắp hai tay, hai vai, cần cổ, cả mang tai nữa. Nhưng Quang còn biết chắc, bên trong tấm áo may-ô, Tỷ mới nhiều sẹo hơn, đầy bụng, đầy lưng. Bởi vì sáng hôm đó, không ngờ Quang đã phải đứng dán vào góc nhà, ở phòng khách ngoài kia, để chứng kiến từ đầu chí cuối cuộc đâm chém giữa hai người.

Người ta sợ Năm Đá thì Quang đã biết nguyên do. Hẳn

hung hăng nổi tiếng, và lại có miếng võ ác hiểm, bất thần hát cao căng, ngón chân cái sẽ trúng ngay giữa mắt kẻ thù. Bởi thế hắn mới có biệt hiệu Năm Đá.

Nhưng Quang chịu không tìm ra chút gì ngang tàng say máu thì đúng hơn, của Tỷ. Thế mà Năm Đá càng xuống dao, Tỷ càng lao tới. Tay không, khắp mình đã dừ nhát chém, nhưng Tỷ vẫn lấn xả vào với Năm Đá. Cuối cùng Năm Đá phải quăng dao, bỏ chạy. Bấy giờ Tỷ mới ngã gục xuống rồi không ngóc dậy được nữa. Bộ chừng một tháng sau, Tỷ ra nhà thương, Năm Đá vẫn còn khiếp sợ đến nỗi cứ theo sát Mua, nhờ nàng đưa vào đây, để xin lỗi. Quang nhớ mãi câu nói sau chót của Năm Đá: « Chắc anh còn yếu, chưa làm ăn gì được, mỗi ngày em xin đưa anh hai trăm đồng để anh tiêu xài ». Bất giác Quang khẽ rùng mình.

Bà cụ lại mở cái sắc da, cầm sấp bạc, không biết bao nhiêu, nhưng trông đến đây, toàn giấy hai trăm, đưa Tỷ:

— Chú cầm lấy để chia cho anh em.

Tỷ vẫn lắc đầu:

— Dạ thưa bác, như cháu đã thưa với bác hôm trước rồi, chỉ xin bác chút ít thôi, còn thì để đóng góp với đồng bào.

Bà cụ dúi sấp bạc vào tay Tỷ:

— Việc cần kíp, chú nhận đi cho tôi yên lòng.

Tỷ cầm sấp bạc, thả vào cái sắc da trả bà cụ:

— Xin bác đừng lo. Cháu đã sắp xếp đều đủ rồi. Bữa nay nhất định cái chợ này sẽ không họp nổi đến ba người. Cháu nói thế nào là có thể.

Bà cụ tươi cười đứng dậy:

—Ồ thế thì tốt quá. Cảm ơn chú lắm.

thì có đáng gì, chết ai đâu, mà còn có ích chung.

Tỷ tiễn chân bà cụ ra cửa. Chờ chờ chiếc Mercedes chạy xa rồi Tỷ mới quay nói với cô chủ tiệm vàng, nghe đâu là cháu gọi bà cụ bằng cô:

— Tôi nói thế nào là có thể. Cô ở gần đây, xin cứ ra coi thiệt hư.

Cung tay xem đồng hồ, rồi Tỷ lững thững đi lại phía chợ. Còn sớm. Đền đường chưa tắt.

Trong chợ, chính giữa chợ, mới có mỗi người Tàu chủ quán chạp phở đang khệ nệ bê rổ trứng vịt từ chiếc xe ba bánh đặt sang sập bán hàng. Bỗng một bàn tay đặt nhẹ lên vai:

— Tao nè mày!

Người Tàu dật nẩy mình, ngoảnh nhìn, cười nhin:

— Cậu Năm...

Năm Đá chậm rãi nhặt từng quả trứng vịt, thả xuống nền xi-măng, vỡ nhoe nhoét:

— Tao đã nói trước rồi mà?

Người Tàu cuống quit xô mạnh cái cửa lò.so:

— À bãi thị! bãi thị!

Năm Đá lại đặt nhẹ bàn tay lên vai người Tàu:

— Đừng có giả ngây nghe mày! Luôn luôn bọn mày chỉ tính chuyện làm giàu không à! Lần sau..

Năm Đá chìa thẳng bàn tay, khẽ ngoáy trong không khí:

— Biết cái này không?

☉ Hắn thân nhiên bỏ đi. Ngay lúc chung quanh chốc

chốc lại có hòn đá cuội không biết từ đâu bay vào. « Xoảng » cái tủ kính vỡ vụn, bà bán bánh dầy giơ chĩa lông lên :

— Thi để tôi về ! Tôi về ngay bây giờ.

« Bộp », cô hàng nón buông tay, hạ tấm cửa sắt đánh rầm, và bỏ chạy...

Quang ở buồng tắm ra, Mưa vẫn còn ngủ. Nàng nằm nghiêng, chắp tay kẹp giữa hai đùi, chân hơi co lên và vắt chéo vào nhau, tấm chăn đùn cục ở cuối giường. Định đánh thức Mưa, nhưng nghĩ sao Quang lại nhắc cái ghế, đem ra hiên gác. Anh lần lượt nhìn về hai đầu đường. Khu phố im vắng lạ lùng, hai dãy nhà đóng cửa, và khung cảnh xa rộng, quang đãng hẳn đi như buổi sáng ngày mùng một tết.

Bống từ ngã tư ở cuối tầm mắt, trong khúc quẹo nhỏ ra một lá cờ vàng, một tấm biểu ngữ đen và một đoàn người dài. Rồi cả chuỗi lê thê. Đám biểu-tình lặng lẽ đổ lại. Hàng đầu đã vượt qua mặt Quang, vẫn chưa nhìn thấy hàng cuối đâu.

— Đồng bào đang xuống đường tranh đấu, mà anh lại rước gái về nhà, bậy bạ !

Quang mấp má hai bên mép, vừa có vẻ cười vừa có vẻ mếu :

— Không phải anh bậy bạ. Sự thật chỉ vì anh cần có bạn, em, để bớt buồn khổ được chút nào hay chút ấy. Anh sợ ở nhà một mình.

Mưa lần lượt soi ngắm Quang từ đầu xuống chân, mắt và miệng cùng ngờ ngàng. Quang dặt tay nàng trở vào :

— Thôi đừng đứng đây nhìn xuống nữa, càng chường hơn !

Mưa đi thẳng về phía hiên sau :

— Cho em tắm cái đã.

Quang nằm vắt ngang mặt giường, hai tay khoanh ngược dưới gáy, chân vắt chữ ngũ, lác lư. Ngâm nghĩ một lát, chợt Quang nảy ra ý muốn chạy ngay xuống dưới đường, ngồi vào đám biểu tình. Nhưng mới tưởng tượng như thế, anh đã cảm thấy gươngng gươngng. Khó chịu nhất là anh chỉ sợ sẽ gặp ai quen cười mình, cười ở chỗ « say thuốc lào ». Xưa nay Quang vẫn ngại phải dự vào những sự việc có vẻ nghĩa hiệp, bởi vì ở đó thường thường cần đến phản ứng sốc nổi, cho nên người ta càng dễ tỏ ra quan trọng, viển vông. Quang cứ hay nghĩ gần, nghĩ xa đến nỗi nhiều khi anh đã vô tình vướng vào những lỗi lầm đáng trách, và ân hận lâu dài.

Quang hồi tưởng một kỷ niệm xa lắc, từ thuở anh còn đi học. Buổi trưa hôm đó Hà Nội đang mưa dầm và chớm rét, vào tiết Ngâu. Đường Duy-Tân vắng ngắt. Người lính nhảy dù phóng xe dip từ ngã Trần-hung-Đạo ào ra, ngoắt lên mạn phố Huế, nhanh quá, trơn quá không

phanh kịp, lao đúng cô bé đi xe đạp chạy xuống phía Bờ Hồ. Tai nạn xảy ra chính giữa ngã ba. Người lính mãi sợ, cứ ngồi lì trên nệm, ngó xuống. Cô bé bị cái bánh trước lật ngược khoá chặt một chân, và chết điếng, cũng không trỗi lên được nữa. Quang còn bận phân vân, chỉ sợ bị hiểu nhầm là nịnh dâm, quên không chạy ra đỡ cô bé, cô bé đến xinh, đứng dậy. Mãi đến lúc cô bé hoàn hồn, thốt kêu được « Trời ơi cứu tôi với », Quang định vào việc thì đã có nhiều người khác ủa đến thay anh rồi!

Bây giờ Quang vẫn còn hình dung được rõ ràng gương mặt thơ dại xanh ngắt đi, sụt sướt vì nước mắt, vì nước mưa và đôi môi ngoan ngoãn mà tái nhợt, áp úng những tiếng rên đau. Anh lại ân hận.

Ngay tuần trước Quang cũng phạm lỗi tương tự. Buổi chiều, Quang vừa tan dây, về ngang cái máy nước công cộng. Một bà lão gánh nước thuê, quây gánh nặng bước xuống đường, trượt ngã, vì kiệt sức, hoặc cái vỉa hè trơn rêu, rồi gục hẳn. Quang lại phân vân, chỉ sợ bị hiểu nhầm là mượn dịp để đóng vai hướng đạo sinh, mãi anh mới sực nhớ gọi xe, vực bà lão đi nhà thương...

Chợt có tiếng máy bay trực thăng áp đầy trên nóc nhà, tiếp theo, những tiếng nổ nhát gừng, ròn danh chói tai. Mưa xuống cuống tìm chỗ nấp :

— Bắn thiệt hay bắn nổ đấy hả anh ?

Quang vùng dậy :

— Chưa biết nữa.

Vịn chặt bờ lan can, Quang gấp mình nhìn xuống, từng đám khói loang lổ diềm dài theo đoàn người. Đoàn

người đứt quãng, chỗ thưa, chỗ đặc và quần quai mừng trọng bầy kiến bị khuấy động, tán lác.

Vừa lúc Quang nhận thấy nhom nhóp, khe khe ở ngoài mũi, và khò cứng trên hai rèm mi, rồi cay sốt vào trong lá mía, con ngroi. Mưa ôm mặt, dạt lùi ;

— Trời trời, lựu đạn cay đó anh !

Quang vẫn đứng nguyên tại chỗ. Chiếc trực thăng đã trợn rập vòng, những tiếng nổ « tre nứt » lại úp xuống đám biều tình, suốt con đường vẫn đục như có sương đọng. Hơi cay bốc lên hiền gác nhiều hơn.

Quang chạy nhanh vào góc phòng, chộp vội chai dầu dừa để sẵn ở gầm bàn, đổ ra tay, xoa dầm mặt. Mưa cũng hầu tấu bắt chước Quang.



— Dầu dừa chữa lựu đạn cay hay nhất. Em đem xuống chia cho mỗi người một tí. Minh.. của ít lòng nhiều vậy.

Mua chạy bay xuống nhà. Nhưng nàng lại phóng về phía bà cụ đang ngắt xiu. Một người đàn ông to béo, từ đầu nhảy ra, chặn bước Mua. Lão chủ hãng sửa xe, kẻ xưa nay vẫn ỉ vào đám thợ của mình, vừa đông vừa khoẻ, để ra oai nhất phố. Ông ta dật lấy chai dầu dừa của Mua, đập vỡ tan tành, lênh láng.

Không ngờ, Tỷ, Năm Đá và bọn đàn em cũng từ đầu nhảy ra lao vào ông chủ hãng sửa xe, thui đập túi bụi. Thoắt cái người đàn ông nặng chịch đã đổ kèn.

Nhưng từ phía ngã tư trên, những quân nhân đang tiến lại, họ đội mũ sắt, đeo mặt nạ, hai mắt kính to thò lò, sáng loáng in hệt kiềm mặt của người hành tinh trong các sách truyện giả tưởng. Họ chĩa súng đã lắp lưỡi lê, lừ lừ bước một. Mấy tiếng nổ thị oai. Bọn Tỷ bỏ chạy. Quang cũng chạy vội xuống nhà dưới, đứng chờ trong cánh cửa :

— Vào đây anh Tỉ !

Dùng midol trị các chứng đau nhức
và cảm cúm

CÓ BÁN TẠI CÁC NHÀ THUỐC TÂY

1560/5Y1/DPDC

Tỉ vừa lách qua cánh cửa khép hờ đã ngã sấp. Xoay nhanh chiếc chìa khóa rồi Quang cúi xuống với Tỉ. Hẳn đang cố chống khuỷu tay vịn mình để ngược lên. Nhưng vết đạn nặng quạ, trúng ngang lưng, hẳn lại chúi xuống, được thể, máu vọt mạnh thành tia. Hồi lâu Tỉ mới ngóc đầu nhìn Quang, đôi mắt đỏ ngầu, cái mặt theo nhãn nheo xám ngắt, miệng sùi bọt :

— Thầy Quang ! Cảm ơn thầy lắm ! Mà dù tôi có chết cũng chẳng sao. Tôi cứ ngỡ rồi mình sẽ chết vì đâm thuê chém mướn chớ ! Dè đâu lại được chết đàng . hoàng thế này...

Tỉ còn kể lể dài dòng nữa. Quang chẳng biết làm gì hơn là chỉ đứng nghe. Có điều, rõ ràng anh chưa thấy mình buồn khóc chút nào, nhưng nước mắt vẫn trào ra. Không phải nước mắt cay khổi. Bởi vì anh còn tỉnh táo đến độ tưởng chừng soi gương được lòng mình đang tức-tưởi, môi mình đang ấp úng, run run.



● DANH NGÔN

Tiền bạc cũng như đồng phân. Nếu không rải nó ra thì nó chẳng ích gì cả.

(L'argent, comme le fumier, sert à fort peu de chose s'il n'est pas répandu).

Francis Bacon

sáng hồn dân tộc

★ PHONG - SƠN

Chưa ngát trời xanh, mây vẫn bay
Mù sương chưa rã bóng thâm dày
Môi trời không hé cười hoa mộng
Cho thắm trắng ngà lên bóng cây...

Nẻo gió, đường mưa tràn bóng quý
Tử thần về đến tuổi thơ ngây
Mắt ai sát-khi bừng lên đỏ
Đi giữa đao binh, mắt dạn dày

Lũ quý cười rung non nước Việt
Ta đem hạnh phúc cho đây này
Vòng tay giữa mặt mà ôm lấy
Cười rộ lên, cười cho người khuấy...

Đại lộ tung bừng vui biết mấy
Lầu cao, lầu cao ngát từng mây
Tiếng cười xé lụa vang trong đó
Ca hát lên, đời nồng men say !

★

Nhưng... mẹ không cười mà mẹ khóc
Vết thương giữa rúm vẫn còn đây
Con còn đào bới lên thân mẹ
Nước mắt ngàn năm mẹ vẫn đây

Những đàn con trẻ khăn tang trắng
Đưa đám cha mình, cười thơ ngây
Lớn lên cho khỏe vào quân ngũ
Khắc chiến-công đầy lên cánh tay

Vẫn minh nhân loại còn đi tới
Vừa giết người vừa đi ăn chay

Đàn bà con gái quên tình nghĩa
Tiết hạnh trung trinh, chén rượu đầy
Tắm thân ngả xuống, đời lên nước
Nhưng lụa vàng son mà vui say

Học trò vứt bút quăng sách vở
Đi tìm đồng rác mà sinh-nhai
Đi tìm sữa cặn, cà-phê bỏ
Còn sướng hơn kinh-sử miệt mài
Giáo-dục làm sao, tiền trước cửa
Cha mẹ còn ham, đời dạy ai ? !
Mà không ham, cuộc đời phải khổ
Ai cam chịu được, còn tương-lai...

Ôi bốn ngàn năm văn hiến đó
Cho đến hôm nay còn lại đây
Người ta đốt cháy hồn thiêng ấy
Bằng muôn tiền bạc thế-gian này
Ai đi thấp sáng hồn dân tộc
Thì ngay bây giờ nên tiếp tay
Muốn còn Tổ quốc, còn dân-tộc
Thì đừng cần một hơi rượu cay
Thì đừng ham tiền sông bạc bể
Thì đừng cười trên xác chết ai
Đừng một mình lên xe xuống ngựa
Trong lúc mọi người đang đắng cay
Đừng đi về trên mây trên gió
Mà tưởng trần gian, hạnh phúc đây

Tắm thân đất mẹ càng rách nát
Ta hỏi nhau rằng : vì ai gây ?
Con đau của mẹ mau bình phục
Nếu ta cùng nhau vui xum vầy...
Kẻ thù đưa mặt tro ra đó
Phải tức thì xa chạy cao bay

★ PHONG - SƠN



Tuấn

DÂN CHÚNG
LỊCH SỬ
XA HỘI HIỆN ĐẠI

CHÀNG TRAI 1910-
NƯỚC VIỆT 1960

* NGUYỄN-VỸ

(tiếp theo P.T. 175)

B ỒI diễn - thuyết của Tuấn tại Hội-quán S.A.M.I.P.I.C. Saigon, lại càng gây dư-luận xôn-xao hơn nữa, điều đó thật Tuấn không ngờ.

Tuấn không hiểu tên Hội bằng tiếng Pháp viết tắt S.A.M.I.P.I.C. nghĩa là gì, vì danh-từ dài quá, gồm đến 7 chữ, khó mà đoán được cho đúng. Hỏi nhiều người trí thức ở ngay Saigon, cũng không ai trả lời suông - sẻ. Nhưng ai cũng biết rằng đó là một hội Văn-

hóa của những nhà thượng-lưu trí thức « An-Nam » ở Nam - Kỳ, tôn-chỉ và các mục - phiêu hoạt động đều giống như Hội Quảng-Tri ở Huế, và Hội A.F.I.M.A. (Khai-Trí Tiểu-Đức) Hà-Nội (1). Hội-trưởng lúc bấy giờ là Nguyễn-Khắc-Nương, giám - đốc nhà in Nguyễn-Khắc, một nghiệp chủ có danh tiếng ở Nam-Kỳ.

(1) Association pour la Formation Intellectuelle et Morale des Annamites.

TUẤN CHÀNG TRAI

Tuấn vô Saigon, trọ tại Tư-thục Victor Hugo, đường hẻm Farinolle, nơi đây có người bạn thân của Tuấn ở Trung - Kỳ vô dạy học, Trần-Quốc-Bửu. Buổi diễn-thuyết ở S.A.M.I.P.I.C. đã do Tuấn ấn-định trước bằng điện tín, đúng 9 giờ tối thứ Bảy trong tuần. Ông Hội-Trưởng cũng đã đánh giầy-thép cho Tuấn lúc bấy giờ còn ở Huế, để xác - nhận ngày giờ nói trên. Diễn - giả sẽ được nói tự-do, theo chế-độ tự-do ngôn-luận dưới thời Pháp lúc đó, ở Nam-Kỳ cũng như ở Huế và Hà-Nội, không bị bắt buộc phải soạn bài đưa kiểm - duyệt trước.

Vì bạn ghé Quảng-Ngãi, Qui-Nhon, nên Tuấn đến Saigon hơi trễ, chỉ 12 tiếng đồng-hồ trước giờ đã ấn-định và do Hội-trưởng S.A.M.I.P.I.C. đã thông - cáo cho các nhật báo Saigon.

Xuống ga xe-lửa Saigon lúc 7 giờ sáng, Tuấn gọi một chiếc « xe-kéo » chạy đến trường Victor Hugo ở cuối giầy nhà đường Farinolle, bên hông vườn « Bờ-rô ». Người kéo xe đòi 1 tiền xu (2)

1 xu là 5 đồng tiền đếu, 1

tiền xu là 10 đồng tiền đếu, tức là 2 xu.

Tiền đếu là đơn vị tiền-tệ nhỏ nhất còn thông - dụng trong giới bình-dân Nam-kỳ lúc bấy giờ, nhưng dần-dần người ta không xài nó nữa, cho đến năm 1939-40 thì nó biến hẳn trên thị trường địa-phương. Đồng-điếu là một đồng tiền bằng kẽm, bề kính 2 phân rưỡi, giữa đục thủng thành hình vuông mỗi bề 6 ly, chung quanh khắc niên hiệu các vị Vua « An-nam », thông dụng nhất là tiền Gia-long, Minh-mạng, Thiệu Trị, Tự Đức, Đồng-khánh, Khải-Định. Bốn chữ Hán khắc chung quanh lỗ vuông như sau đây :

hoặc :

Minh-Mạng thông bửu, hoặc Tự-Đức thông bửu.

Đồng Khánh thông bửu, v.v..

Tuấn rất ngạc nhiên là năm 1937 ở Saigon vẫn còn dùng đồng tiền đó là loại tiền mà Tuấn tưởng chỉ lưu hành riêng ở Trung

(2) Xe kéo là loại xe cyclo đạp hiện nay, nhưng gọng dài, và do một người kéo, gọi là « cu-ti xe ». Xe kéo, tiếng Pháp gọi là « pousse-pousse ».

kỳ mà thôi. Giá trị của nó là : mua một đồng điều hột tiêu bằng 5 đ bây giờ.

Vừa đến nơi, Trần-quốc-Bửu mừng rỡ nắm tay Tuấn, và chỉ cho Tuấn xem một tin ngắn đăng trong tờ báo « Công-Luận », nơi trang đầu, báo cáo cho công chúng biết 9 giờ tối hôm đó « ông Trần Tuấn—Em, chủ bút báo Phụ nữ, Hà-nội, sẽ diễn thuyết tại Hội-quán Hội S.A.M.I.P.I.C. Đại lộ Gallieni, Saigon, về đề tài : « Phụ-nữ Hà-nội — Huế — Saigon ».

Bửu hỏi Tuấn :

— Anh đã soạn sẵn bài diễn thuyết rồi chứ ? Dài không ?

Tuấn bảo :

— Tôi chỉ ghi đại khái trên miếng giấy nhỏ nhưng điềm cần phải nói thôi.

Bửu la hoảng lên :

— Ôi chu-cha, hồng được đâu. Tối nay người ta đi nghe đông lắm đó, anh phải viết sẵn bài để đọc, chứ anh nói linh quính lạc đề, họ sẽ bỏ về hết thì nguy lắm đó ! Ở Saigon không phải như ở Huế hay Qui-nhơn đâu !

Bửu lập tức dắt Tuấn lên một

phòng riêng trên gác, đưa cho Tuấn một xấp giấy và bút mực, bảo Tuấn phải viết lẹ, để Bửu nhờ người đánh máy cho rõ ràng.

Vừa ngay lúc đó, có một người đi xe hơi đến đưa Tuấn cái thư của ông Bút-Trà, Chủ-nhiệm nhật báo Sài-Thành, hỏi xin Tuấn một bản sao bài diễn-thuyết để thợ sắp trước, và lên khuôn cho kịp 10 giờ tối báo phát-hành ở Saigon đã có ngay bài diễn-thuyết của Tuấn đọc lúc 9 giờ.

Tuấn rút được một bài học quý giá về nghề làm báo thông-tin, ở Saigon ; sốt-sắng, nhanh-chóng, hoạt-dộng lanh-lợi, và biết khai-thác kịp thời bất cứ một diễn-biến nào mới xảy ra để công-hiến những « tin-tức sốt-dẻo » cho độc-giả, chứ không phải làm báo phong-lưu, bệ-vệ, trường-giả, như các nhà báo ở Hà-Nội. Tuấn chưa biết trả lời cách nào thì Trần-Quốc-Bửu nhanh miệng hứa ầu với người nhà báo Sài-Thành :

— Còn đang đánh máy. Độ 5 giờ chiều ông trở lại.

— Dạ 5 giờ có chắc không, ông ?

— Chắc mà !

Người nhà báo của Ông Bút-Trà vừa ra khỏi cửa thì Bửu nắm tay đẩy Tuấn vào phòng riêng, vừa cười bảo :

— Anh thấy chưa ? Nhà Báo cũng tưởng anh đã có sẵn bài diễn-thuyết trong túi áo, nên chưa chi họ đã đến xin trước một bản sao. Tôi sợ còn vài nhà Báo khác chốc nữa sẽ đến hỏi.

Quả nhiên, 2 giờ chiều, Báo Công-Luận cũng đến hỏi bài diễn-văn. Lần thứ nhất diễn-thuyết ở Saigon, tại một Hội-quán rộng lớn, trước một số thính giả mà Trần-Quốc-Bửu đoán biết là « sẽ đông nhứt đối với các cuộc diễn-thuyết ở S.A.M.I.P.I.C. từ trước đến nay », Tuấn bắt đầu lo ngại, và nghe theo lời khuyên bảo sốt-sắng của người bạn đã ở Saigon lâu năm.

Trong căn phòng đóng kín cửa, Tuấn viết gần 50 trang giấy cho kịp 5 giờ chiều trao cho hai tờ báo Sài-Thành và Công-Luận.

Tuấn nghèo, từ Hà-Nội vào chỉ mang theo « nhất bộ » đồ tây mà Tuấn có. Trần-Quốc-Bửu thấy nó chật chội và cũ quá, đã vàng ủa lại đứt hết nút, bảo Tuấn phải thay bộ-đồ khác. 1

— Tôi chỉ có một bộ này thôi. Tuấn bảo.

Bửu chạy đi mượn một bộ âu-phục bằng tussor của một giáo sư bạn của anh, đem về bảo Tuấn mặc thử. Cái nơ của Tuấn đeo cũng đã phai màu, Bửu đi mượn về cho Tuấn một cravate mới. Tuấn cười :

— Tôi diễn thuyết ở Huế và Qui-nhơn vẫn mặc bộ đồ này đây, có ai nói gì đâu ?

— Nhưng Saigon không phải Huế, Qui Nhon. Theo tôi biết, thì Hội SAMIPIC có gửi giấy mời rất nhiều nhà trí-thức Nam Nữ ở Saigon đến dự-thính cuộc diễn thuyết của anh. Anh phải ăn-mặc đàng-hoàng, không được chơi lối « bohémien » như ở Hà-nội hay Huế.

— Ở Huế họ mới quan cách chứ. Mà tôi có nghe ai phê-bình y-phục của tôi đâu.

— Họ không phê bình trước mặt anh, nhưng làm sao tránh khỏi họ chỉ trích sau lưng ?

— Dù sao, họ biết mình là nhà văn nghèo, họ cũng tha thứ.

— Anh còn ngây thơ quá, Bửu ắc đầu cười.

Trần-quốc-Bửu, nhất định bá. Tuấn phải mặc bộ đồ tussor mà anh đã đi mượn về, và đeo cravate xanh có chấm trắng. Đôi giày mới há miệng sơ-sơ, Bửu cũng lấy một đôi giày của anh bảo Tuấn mang. «Đôi giày kia để mang đi dạo chơi thành phố.»

9 giờ diễn-thuyết, 9 giờ kém 20 Tuấn với Bửu cùng đi. Tuấn không muốn đến sớm quá, vì sợ ông Hội-trưởng sẽ giới-thiệu mình với người này người nọ, điều mà Tuấn không thích. Tuấn bảo với Bửu :

— Anh đưa tôi đến S.A.M.I.P.I.C. làm sao vừa đúng 9 giờ. Và tôi nói trước để anh biết về diễn-thuyết xong là tôi chuẩn lập tức, dù bị ai kéo níu tôi cũng không ở lại thêm 1 phút nào. Tôi sẽ ra về sớm hơn bất cứ một thính giả nào.

— Tại sao vậy ? Bửu ngạc nhiên hỏi.

— Tại vì tôi không muốn ai trông thấy mặt mũi diễn-giả sau khi cuộc diễn-thuyết chấm dứt. Ra khỏi công, là tôi nhảy lên xe kéo chạy thẳng về nhà. Tôi sẽ chờ anh ở trường, nghen ! Tôi nói trước để anh đừng tìm kiếm tôi, mất công nhé.

— Nếu buổi diễn-thuyết thành công, được thính-giả vỗ tay nhiều lần, thì anh phải ở nán lại 5, 10 phút theo phép lịch-sự, để tiếp-xúc với những người khen tặng anh và muốn làm quen với anh chứ.

— Vỗ tay hay không vỗ tay, khi tôi nói hết rồi là tôi trốn.

— Anh nói vậy, chứ ông Hội-trưởng sẽ giữ anh lại, và nhiều vị trí-thức thượng lưu khác, để họ cảm ơn anh và...

—Tôi sẽ trốn cả ông Hội-trưởng.

Bửu mua 2 vé tại ga xe-điện Cuniac (1) đến ga Pétrus-Ký, 2 xu. Hội quán S.A.M.I.P.I.C. là một ngôi nhà đồ sộ, ở xế ga Pétrus Ký, Đại lộ Galliéni, nay là đường Trần-Hưng-Đạo. Hội-sở S.A.M.I.P.I.C năm 1955 đã bị trưng dụng làm Tổng-Hành Dinh quân-đội Việt-Nam Cộng-Hòa, hiện nay là Tổng Hành-Dinh Quân lực Mỹ.

(1) Xe điện : tramway. Loại xe chuyển động bằng hơi điện, và chạy trên đường rầy. Chỉ Saigon và Hà-nội có, Hà-nội gọi là « Tàu Điện ». Phải mua vé trước tại ga. Ga xe điện Cuniac, hiện nay là bến xe Autobus trước Bến-Bình và chợ Bến Thành.

Lên xe điện đông quá. Tuấn và Bửu phải chen lấn. Trần-quốc-Bửu thề nói thầm bên tai Tuấn :

— Tôi đề ý hầu hết đám đông người đều mua vé đi ga Pétrus-Ký. Chắc họ sẽ là thính-giả của anh đó.

Xuống ga Pétrus Ký, đi bộ chừng 50th đến trước công 1 biệt thự đồ-sộ hai tầng ngưỡng-tọa trên một nền cao, mặt tiền trông rất oai-nghi. Trước là một sân rộng đưa lên cửa chính bằng hai con đường lên dốc, bên hữu và bên tả, chạy sau một lan-can hình bán nguyệt.

Đứng trước công nhìn lên tầng hai, Tuấn thấy đèn điện sáng trưng trong phòng (có lẽ là phòng diễn-thuyết) và lối-nhớ người đứng đông nghẹt che kín hết các cửa sổ mở rộng. Mặt tiền tầng hai được kết hoa lá, thêm vẻ long trọng không ngờ.

Trần-Quốc-Bửu nhe hai hàm răng cười :

— Đông quá, anh ơi ! Thất bại thì thôi, « lúa » đa !

Tuấn bây giờ mới cảm thấy hồi-hộp lo ngại thật sự. Hai người đi lên cửa, bước dứng-dính sau một đám đông đến dự thính, đàn ông, đàn bà, con trai, con gái,

tất cả đều y-phục chỉnh-tề, mấy bà mấy cô thì nước hoa thơm ngát, nụ cười tươi nở trên khuôn mặt phấn son lộng-lẫy, nhan-sắc diễm-khieu.



Ông Hội-trưởng Nguyễn-Khắc-Nương đã đứng chờ ở cửa. Vừa trông thấy Tuấn, ông nắm tay kéo vào phòng khách kế cận. Với giọng nói miền Nam, chân thành cảm động, ông khẽ bảo :

— Tôi thấy 9 giờ rồi mà ông bạn chưa tới, tôi lo quá. Chưa cha ơi, bữa nay thính giả sao mà đông nghẹt, không còn chỗ, họ phải đứng chật ních hết chung quanh. Có nhiều quan khách. Phía nữ-lưu cũng thiệt là đông.

Ông rái nói cho hay, chớ lần đầu tiên ở S.A.M.I.P.I.C chưa có cuộc diễn thuyết nào mà thính giả tới nghe lung như vậy ! Ông muốn tôi giới thiệu ông cách sao ?

— Tùy ông Hội-trưởng. ☉

— Không được. Ông cho tôi biết qua loa tiêu-sử của ông để tôi nói chớ. Tôi biết ít lắm.

— Ông giới thiệu sao cũng được

— Tôi nói như vậy được không ?

Ông kể Tuấn là tác-giả quyền truyện bằng Pháp văn.... và các quyền thơ, truyện bằng Việt-văn.. .. v.v. và v.v., trợ bút các tờ báo Pháp-Ngữ, Việt ngữ.. .. và hiện là chủ-bút tờ tuần báo Phụ-nữ Văn Chương Xã hội.. v.v và v.v...

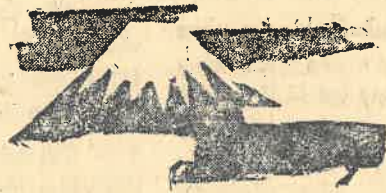
Đúng không, ông ?

— Dạ đúng.

— Thôi, mời ông vô, kéo ghế cử tọa chờ lâu quá.. 9 giờ 15 phút, trễ lắm rồi đó.

Tuấn bèn-lên, và khiêm tốn theo sau ông Hội-trưởng. Tuấn vừa bước vào phòng, đã nghe một tràng sấm vỗ tay trong nửa phút đồng hồ. Tuấn khẽ cúi đầu chào đáp lễ.

(Kỳ sau tiếp)



● THẤY GIÀU MÀ HAM

Hai cô gái tâm tình. Cô A nói với cô B .

— Tao vừa bắt đũa được thặng bờ có vẻ bờ lắm mầy

a. Còn mầy thì sao ?

— Tao ấy à. Cũng gì ống mầy vậy. Còn nhà giàu, học giỏi, đẹp trai. Nhưng khổ nỗi i . . .

— Sao vậy ? Gặp thặng bờ như vậy là ăn tiền rồi còn gì.

— Mầy làm. Vì trong túi không có tiền !

QUAN - THẾ - ÂM

(của ông Nguyễn-Vỹ ở Phố-Thông số 173)

● Bài họa 11

Cần lời đại-nguyên Đức Quan-Âm,
Cứu độ sanh-linh đã tận tâm,
Đôi giọt cam-lồ khai trí tỉnh,
Một nhánh dương-liễu quét căn xâm.
Nâng người lương thiện, lòng tăng thiện,
Hương kẻ cao-thâm, ý bớt thâm.
Vô.Thượng Bồ-đề, vi-diệu Pháp,
Phá Mê thành Ngộ, dứt thặng trầm.

TỊNH-PHONG

54, Lê-Lợi, Hội-An (Quảng-Nam)

● Bài họa 12

Xiết bao diêu-hạnh, Đức Quan-Âm
Cứu vớt muôn loài, quyết một tâm,
Hoàng-thệ mệnh-mang trần bề khổ
Oai-thần vôi-vọi, ngút trời xâm.

*Loài loài ứng hiện voi sấu thẳm,
Chồn chồn gia tri bớt hận thâm.
Đất Việt cảnh dương xin giọt nước
Rửa nôi Hồng-Lạc sạch phiêu trầm.*

**THÚY-HIÊN
NGUYỄN-HỮU-TÙNG**

Số 2, Vạn-Kiếp
NHA-TRANG

★ Bài họa 13.

Đây phụng họa bài thơ Nguyễn-Vỹ,
Mong được người hoan hỷ đăng cho,
Giống lên đầu tiếng nhỏ to
Hầu ai tranh cạnh mau lo cái tà
M.D.T

*Kính lạy Mẹ hiền Quán Thế-Âm,
Chúng con những đứa đã cuồng tâm
Bến Mê điền-đảo tinh-thần loạn.
Cõi tục tung-hoành ác-quỷ xâm,
Lắm ảo-vọng chi : đời lắm hận,
Càng sân-si bấy : nghiệp càng thâm.
Nguyện về sám-hối bên Từ-Mẫu,
Một tác lòng trinh, một nén trầm.*

MAI-DƯƠNG-TUYẾT
(Võ-Tánh, Phú-Nhuận)

NGƯỜI NHẬT VÀ THÓI QUEN TRÀ ẤM

★ NHẤT-THIỆN

TRÀ ẤM vừa tà một tập quán cổ truyền vừa là một thú tiêu khiển của người Nhật. Chén trà ngày nay đã ăn sâu vào nếp sống hàng ngày của người dân. Ngay cả những người kiêng cử mọi thứ đồ uống cũng thường dùng mỗi ngày ít nhất một chén trà. Còn trung bình đối với toàn dân thì số tiêu thụ nhiều vô kể.

Hầu hết các phần điếm Nhật-Bản (khác hẳn với các nhà hàng Tây - Phương) đều hiến khách hàng nước trà xanh để dùng tùy thích. Công nhân các văn phòng ; cơ sở người nào cũng có trên bàn một lách bằng sứ hoặc nhựa, không tai cầm, với nắp đậy để dùng uống nước trà mỗi khi thành thời trong những giờ làm việc. Khách tới văn phòng tự nhiên là được

mời trà. Ở nhà cũng vậy, mỗi người trong gia đình ngày nào cũng uống ít nhất từ một chén trở lên trước hoặc sau bữa ăn.

Nhật-Bản mỗi năm sản-xuất được tới 80.000 tấn trà lá, và hầu hết số này đều được chế thành trà uống. Lấy thí dụ như dân chúng Đông-Kinh, mỗi năm tiêu thụ tới 12.000 tấn, khoảng 15% tổng số sản xuất trong nước. Trà tươi bán cho tất cả tới 2.300 cửa hiệu, phần nhiều đã chế thành trà khô bán cho khách tiêu thụ. Về các cửa hiệu bán trà có lẽ ở Nhật nhiều hơn các nước khác trên thế-giới.

Trà xanh chế bằng lá tươi sấy khô, khi pha nước sôi thành trà uống. Nhưng cách chế mỗi thứ một khác nên sau khi hái lá trà tươi phải chế biến khác nhau để có trà xanh và trà đen, bởi vậy hương vị cùng sắc nước khác hẳn nhau.

Lá trà tươi có thứ màu xanh thẫm và thứ màu xanh lợt, khi pha nước uống thì thứ trà xanh thường thành lợt và nước hơi vàng. Nước trà pha ra trông gần như trong suốt, vị hơi chát. Thứ trà này thường dùng nguyên

như vậy, không pha với sữa hoặc tranh. Thứ này nếu pha đường hoặc sữa sẽ mất hương vị thơm ngon.

Tục lệ dùng trà được nhập nội cùng với Phật-Giáo

Tục lệ dùng trà được truyền sang Nhật từ Trung - Quốc mà các vùng thổ sản là Hòa-Nam và Hòa-Bắc. Trà thường được ca tụng là có công hiệu chữa bệnh cũng như bồi bổ, giống nhiều thứ thuốc nam mà các đồng y Nhật cũng như Tàu thường nói tới.

Trong thời nhà Tống (thế kỷ thứ 7) tục lệ dùng trà lan tràn gần khắp nơi trong nước Trung-Hoa, và cũng vào thời kỳ này, trà lá được truyền sang Nhật lần đầu tiên cùng với Phật-Giáo. Vào khoảng hai thế kỷ sau, vị Hoàng-Đế Saga (736-842) là người rất ưa thích văn-hóa Trung-Hoa và đã bắt buộc nhiều tập quán nước này, mặc dầu người chưa từng thăm viếng Trung-Quốc; bởi vậy trà ăn cũng được người rất hâm mộ, và trong sách có ghi rằng chính vị Hoàng

Đế này đã ra lệnh cho trong nước trồng trà từ hồi ấy. Cũng trong thời kỳ này, trà lá ở Nhật vẫn còn phải mua từ Trung-Quốc về, cũng như các vật dụng pha trà. Vì rất tốn tiền nên thứ trà âm hồi bấy giờ chỉ có các bậc Vua Chúa và quyền quý mới có sức hưởng.

Các nhà tu hành dưới thời Kamakura (1192-1333) đã có công rất nhiều trong việc phổ-biến tập tục trà ẩm. Đặc biệt nhất trong số này là nhà Chùa Eisai, người đã viết tập khái luận nhan đề « Gìn giữ Sức khỏe Bằng Trà » (Kissa Yojoki) trong đó tác giả rất ca tụng tính chất v. được của trà. Nhiều thế kỷ sau các nhà khoa học mới phân chất lá trà và công nhận là đúng, vì trà có nhiều chất sinh tố C.

Từ thế kỷ 15 trở đi trà ẩm trở thành thói quen trong khắp dân chúng, và lễ được nhiên, trong thời kỳ này trà lá đã được trồng nhiều ở Nhật. Vị Tướng Quân Ashikaga Yoshimasa, người rất ưa thích trà ẩm, đã áp dụng những cách thức uống trà và từ đó sanh ra tục lệ trà đạo

(chanoyu) mà người Nhật coi rất quan trọng và có tính cách thâm mỹ cho tới ngày nay.

Về sau đã có nhiều nhà sành môn trà đạo như các ông Murata Juko (1423-1502), Takeno Jo-O (1502-1555) và Sen no Rikyu (1521-1591) đặt ra những cách thức chế trà và uống trà, rồi lập thành thế thức trà đạo như người ta vẫn theo ở Nhật cho tới nay.

Trà đạo thời phong kiến đối với các vị quyền quý là một thú tiêu khiển nhàn hạ, rồi tới thế kỷ 17, do các vị Tướng Quân và Lãnh Chúa phổ biến thành thú chung trong giới bình dân.

Cũng vào hồi này, các thứ lệ bộ trà ẩm, phòng trà và kiêu trang trí trong nhà và hoa viên (vườn hành trà lệ, không phải vườn trồng trà) được đặt thành từng kiêu, tùy theo tính cách như đã có những trường chuyên dạy về trà đạo (các thầy dạy mỗi người có một ý kiến khác nhau, và lưu truyền cho tới ngày nay.)

Khoa trồng trà cũng được phổ biến rộng rãi, và nghề làm đồ sứ trà lễ cũng được phát triển mạnh, khiến tập quán trà ẩm

lan rộng khắp nơi trong dân chúng. Việc uống trà trong các bữa ăn cũng thành thói quen như ngày nay vậy.

Trồng trà và cách chế trà

Trà là loại cây lá xanh quanh năm, cây có thứ thuộc những giống bản Trung-Quốc, và thứ của Ấn-Độ. Lá trà giống Trung-Quốc chế trà xanh, còn giống Ấn-Độ dùng chế trà đen. Cây trà và lá trà thuộc giống Trung-Quốc nhỏ hơn giống Ấn-Độ. Trà trồng ở Nhật phần nhiều thuộc giống Trung-Quốc, nhưng lá có phần nhỏ hơn ở chính thổ nơi.

Nếu để mọc tự nhiên thì cây trà thường cao tới 5 thước, nhưng trồng lấy lá cần phải tỉa cành cho nó mọc thành bụi tròn nên thấp hơn. Cây thường trồng thành hàng, giữa có đề rộng cho thợ hái có chỗ đi, cây sửa thành bụi tròn để dễ hái lá.

Vào khoảng giữa tháng 4, búp trà bắt đầu mọc thì người ta đặt phen có rơm bên trên để

che; trong thời kỳ này cần giữ cho cây ít bị nắng mặt trời soi. Đồng thời cũng cần tưới bón nhiều. Làm như vậy trà có hương thơm và ngon vị nhiều.

Lượ hái lá đầu tiên thường vào khoảng tháng 5, thứ trà này thường gọi là lớp đầu tiên hoặc « đầu xuân ». Lượ thứ hai hái vào tháng hạ và thứ ba vào thu.

Loại trà « đầu xuân » là thứ hảo hạng và bán đắt hơn các thứ khác. Nước trà thứ này gọi là « gyokuro » (như những hạt sương mai), được coi là ngon nhất trong các thứ trà.

Trà Gyokuro được chế theo phương pháp như sau:

Búp hái rồi sấy nóng bằng hơi nước độ 1 phút, sấy khô rồi cuộn lẩn trong tay, nhưng lối này phần nhiều ngày nay làm bằng máy, riêng những thứ thật hảo hạng mới dùng tay.

Trà bột, thứ dùng để « pha mau » như trong các trà lễ thì lá được tán nhỏ sau khi sấy nhưng không lẩn.

Lá hái mùa hạ là thứ dùng làm trà thường « bancha », không có chất nhựa và màu nâu, hay

để chế thứ « hoji cha », có hương vị như huyết.

Tiếng « O-cha » Nhật-Bản

Tiếng Nhật bắt chước của Trung-Hoa để chỉ trà là « Cha » hoặc đọc là « Sa », nhưng nếu gọi « Cha » thì thường thêm tiếng O cho lịch sự. Dầu đọc theo cách nào mặc lòng, thường ra trong câu truyện hàng ngày tiếng này rất hay dùng, ngay khi không nói về nước hoặc uống trà cũng vậy. Nhiều khi người Nhật cũng không còn nhớ lại lịch tiếng « Cha » này nữa.

Ngày nào cũng vậy, như khi ăn uống, và nhiều việc khác, những tiếng như « nichijo sahanji » hoặc nói ngay là « cơm nước hàng ngày » vẫn thường được dùng.

Tiếng « Mucha » có nghĩa là

« không trà » đã biến thành nghĩa « vô lý », « bất hợp lý » và cũng có khi là « vô ý ». Câu hay dùng khi nữa là « mucha-kucha » (không trà, trà đắng) chỉ tình trạng hỗn loạn lộn thối.

Nói đúng ra, người Nhật có câu châm ngôn « musume juhan-chi hancha mo debana »; ví người con gái 18 với nước trà hancha, có hương vị thơm ngát. Như thế tức là người con gái 18 được coi là tốt tươi xinh đẹp hơn cả mọi vật.

Giống như nước trà xanh đã thấm nhuần hàng bao thế kỷ vào những tục lệ, lệ bộ trà ẩm ở Nhật, các vị tiền bối thành đạo đã lập thành đạo giáo, nước trà đã trở thành một đồ uống bất di bất dịch trong cuộc sống hàng ngày của người Nhật vậy.

SẮP XUẤT BẢN :

Đất

Mẹ

THƠ

★ PHƯƠNG - ĐÀI

CÔ GÁI
ĐỒ LONG,
ANH HÙNG
XẠ ĐIỀU

NAY
XIN GIỚI THIỆU VỚI CÁC
BẠN THÂN THẾ, SỰ
NGHIỆP CỦA NHÀ VĂN,
TÁC GIẢ NHỮNG
BỘ TIÊU THUYẾT TRÊN :

KIM
DUNG

★ KIỂM - ĐẠT

(tiếp theo P.T. 175)

★ Kỹ-rhuyệt của
Kim-Dung

Trong cuốn « Hiên Kim Văn học » nhà phê bình *Hồng Tú Anh* tìm thấy trong những tác phẩm tiêu biểu nhất của Kim-Dung, có 3 kỹ thuật tân kỳ như sau :

a) Kỹ thuật trận đồ — Trận đồ là bày biện cố lớp lang, đủ khó khăn, phức tạp đến đâu chẳng nữa, nhưng vẫn đồng nhất. Không có một điểm thiếu sót nào, về phương diện tư tưởng, tâm lý. Trong *Thiên Long Bát Bộ*, những vai *Đoàn Dự Nam Hải Ngạc Thần*, *Kiều Phong*, *Mộ Dung Cô Tô* trên hành trình của mình đã « trở về » theo nẻo cũ mà không vướng bận. Tánh chất đồng nhất này khiến cho cốt truyện đồng nhất đã đành, mà còn gây hứng thú mỗi khi nhân vật đó xuất hiện.

Điều này khiến độc giả hồi tưởng đến *Thủy Hử* (Pearl Buck dịch là All men are brothers) của *La Quán Trung* — Câu chuyện *Giang hồ Hào khách*

Truyện này lần lượt kể 108 anh hùng Lương Sơn Bạc. Tuy tâm lý các nhân vật đa khá độc đáo, nhưng từ *Hồng Thái Úy* đến *Sử Tấn*, *Lỗ Trí Thâm*, *Vương Luân*, *Dương Chí*, *Triệu Cái*, *Tống Giang*, *Lư Thuấn Nghĩa*... tất cả đều chỉ là những mẫu chuyện móc nối nhau.

Kim Dung tiến bộ hơn về sự hiện diện đột ngột của nhân vật nhưng tánh chất *không gian* và *thời gian* rất đồng nhất (*Règle des Trois Unités*).

b) Kỹ thuật bàng thẩn. — Bàng thẩn là rút đuôi khéo léo. Nghệ thuật này đòi hỏi một trí tưởng khéo léo và bố cục tài tình. Quan trọng nhất là tiêu tiết. 1 tiêu tiết ở trên (dù nhỏ bé đến đâu chẳng nữa), nhưng vẫn được cất nhắc ở đoạn dưới, nếu thấy thích hợp.

Đọc *Kim Dung* cũng như *Tào Ngu* (*Lôi Vũ*) như *Lỗ Tấn* (A.Q. chính truyện) chúng ta luôn luôn thỏa mãn với nguồn cảm xúc dù bị tóa chiết nhưng vẫn tái hiện. Sự liên kết này có lợi cho tâm lý nhân vật điển hình. *Kim Dung* chọn lựa những động-tác nhịp nhàng, cân đối và sống động.

(Quan trọng nhất là phải sống, động có tác dụng mạnh).

c) Kỹ thuật đồng nhất

1) Về thời gian. — Trong *Cô gái đồ long*, tác giả khéo léo vẽ ra cho ta thấy 1 cuộc hành trình dài thăm thẳm, nhưng trình tự diễn đạt vẫn rõ rệt theo thời gian. *Tâm lý nhân vật* cũng tùy theo thời gian mà phát triển, nhưng cá tính vẫn duy nhất. *Đoàn Dự* với bản tính hiếu hòa đại lượng, *Quách-Tĩnh* với tâm hồn chất phát như « trâu nước », *Vô Kỳ* với tâm-hồn thuần-nhiên, gây cho độc giả nhiều thiện cảm, mỗi khi có cuộc xáo-trộn tâm lý.

2) Về không gian. — Một nhà phê bình của tuần báo « Kim nhật Thế Giới » đưa ra một nhận xét lý thú : Kỳ thật thì việc làm của *Kim Dung* là một công trình tập thể. *Kim Dung* tổ hợp một số các chuyên viên về địa lý, sử ký, tâm lý, nhân văn, khảo cổ... để dựng nên cốt truyện, hoặc giả làm cố vấn cho những đoạn văn đòi hỏi cần thiết. Có thể, địa phương-tính mới thể hiện toàn vẹn được.

ong tiểu thuyết, ông vẽ lại những khung cảnh sinh-hoạt đặc-biệt của nước Trung hoa tam phạn, tứ tán, mỗi vùng với khí chất độc đáo, cây cỏ hữu tình, sơn thủy mang mang, đầy đủ nghệ-tính tân kỳ.

Tâm lý nhân vật

Quách Mạc Nhược trong một thiên khảo cứu về *Kim Dung* đã nhấn mạnh rằng : nhà văn này đã phân tách tâm lý cùng cực. Nghĩa là : *Kim Dung* muốn vẽ lên tất cả những đường-nét kín đáo, sâu thẳm của các hạng tâm lý trong xã hội. Vì vậy, đọc tiểu thuyết truyền kỳ, kiếm hiệp của *Kim Dung*, có điểm đáng quan tâm nhất là *yếu tố NGƯỜI*. Tâm lý nhân vật rất gần với đại chúng, với xã-hội. Đó là vấn đề *điển-hình* (Caractères Typiques) và *Cá Tính* trong nhân vật.

Mỗi nhân vật (dù ở thời nào) cũng còn có « nhất điểm linh đài » (nói kiểu Nguyễn Tuân). Nhân vật đại hung, đại ác, gian ngoan đến đâu chẳng nữa rồi vẫn phục-hồi nhân tính hướng thiện khi đã LÀM NGƯỜI. Đôngcuộc đến độ ngốc nghếch, nhưng

Tà, Tây Độc, Tứ Ác, Tam Hung, Ngộ Nhân Tất Sát... đều cố tìm vẽ vài nét nhân bản thuần nhiên. Như vậy, thì xã hội tiểu thuyết của *Kim-Dung* rất hiểu hòa, chân thuần, ngoại trừ cá tính nhân vật.



Trong mỗi nhân vật, *Kim Dung* đều cố tạo nên tâm lý đó. Đặc sắc nhất là giòng máu Đại Lý của vai Đoàn Dự. Ta lại nhớ đến Don Quichotte của Cervantes, A. Quay của Lỗ-Tấn, Núi Sọ của Triều Sơn, Xã Bèo của Ngọc-Giao hay 7 người hiệp sĩ (phim Nhật).

Con người dựng lên trong 1 xã hội hỗn loạn như thế mà vẫn điềm nhiên sống vượt ra ngoài hận thù, không ghét bỏ, không hiềm khích. Thân nhiên với thời

đáng thương ; hữu hiệu là khác nữa.

Dụng ý của *Kim Dung* trong hầu hết các bộ truyện của mình là mằm mống hòa bình. Chiến tranh để hòa bình, Hòa bình trong tâm hồn phẳng lặng, hồn-nhiên, hòa đồng, yêu thương không bến hạn. Điều này đã ảnh hưởng đến mọi tâm lý khác. *Kim Dung* gieo cho người đọc một niềm cảm thông chân-thành trong nếp sống, — (Bản chất của kiếm-hiệp là chiến-tranh rồi.)

Mô nhân-vật của *Kim Dung* đều sống đầy đủ nhiệm vụ diễn xuất của mình, hòa mình vào đại thế để gánh chịu những xô xát, những bài học đắng cay của xã-hội. Thành hay bại, theo *Kim Dung* đều do ở luân lý, ở nhân sinh quan. Đó là yếu tố quyết-định của toàn truyện. Căn nhất là bài học luân lý đó không được giảng huấn, mà phải thể hiện vào cách sống thuần-thành và dẫn thân mạnh bạo.

(Còn tiếp)

Nhà hàng ĐAI - LA - THIÊN

Điện thoại số 26.893

31-33 Đường Lân-Ông CHỢ LỚN

- Đặt-biệt các món ăn Tiều
- Sạch-sẽ, vệ-sinh và ngon miệng
- Bếp khéo, bồi giỏi và lễ phép
- Có máy điều hòa không-khí

Ở lâu 3 lộ-hiên có không-khí thiên-nhiên trong một khung cảnh huy-hoàng diễm-ào

NƠI HƯU CẢM TÁC



I

Công bực từ trai dẫn đến già,
Về hưu tình số quãng đời qua :
Ngày ngồi tám tiếng lưng còn thẳng,
Đêm thức ba canh, mắt chẳng lòa.
Nhà hẹp mà cao không phải cúi,
Gạo thô nhưng sạch chẳng hề pha.
Tình nhà nợ nước hai vai nặng,
Hai chữ thanh cần ta nhủ ta.

II

Thấm thoát xuân thu tuổi đã già,
Ngoài vòng cương tỏa khỏi lo xa.
Mãn phen phục vụ đền ơn nước,
Đến lúc qui lai hưởng thú nhà.
Câu xướng câu hòa bên cội liễu,
Chén thù chén tạc dưới cung nga.
Mặc ai chen chúc đường danh lợi,
Trưa nhấp chung trà, sớm thưởng hoa.

Hồng-Khanh HUYNH-KHINH



BÓNG

ĐÊM

Tùy bút

✧ DIÊN - KHÁNH

T O I đưa tay gõ nhẹ cửa. Bà chủ nhà từ sau chạy ra tiếp tôi niềm nở :

— A, tưởng là ai chứ. Cậu đến sớm vậy ?

Tôi cười đáp :

— Dạ sáng nay cháu rảnh, vả lại buổi chiều trời hay mưa quá.

Bà với tay xách phụ tôi một chiếc va-ly và đảo nhanh mắt ra sân xem tôi còn có gì nữa không. Hơi ngạc nhiên, Bà hỏi :

— Ủa, đồ của cậu có bấy nhiêu đây thôi sao ?

— Dạ chỉ có hai chiếc va-ly nhỏ.

Thoáng một ít nghi ngờ trong mắt. Bà chẳng hỏi gì thêm nữa, quay lưng dẫn tôi đi vào phòng trong và lên thang gác. Có lẽ bà đang hoài nghi về sự sòng-phẳng số tiền trọ mà tôi sẽ phải đóng hàng tháng cho bà sau này. Mà không đáng ngại sao được, một cái thẳng độc thân, què-quán dĩ-nhiên là bà mù tịt rồi, còn sản nghiệp thì chỉ vốn-vẹn có hai chiếc va-ly da-cũ, lấy gì đảm bảo là nó sẽ tốt, là nó sẽ có tiền đều đặn ?

Đặt chiếc va-ly của tôi xuống sàn gác. Bà quay lại tôi vừa lẻo-đẻo theo lên đến nơi, bảo :

— Đó, muốn bày-biện ra sao thì tùy cậu, một mình một cối. Và biểu-lộ rõ-rệt hơn rồi nghỉ ngơi về nếp sống của những thằng như tôi, Bà tiếp :

— Nhưng rán giữ cho sạch sẽ và gọn-ghe nhen cậu. Tôi chẳng thích cho mướn chác gì đâu. Chẳng qua vì nhà tôi ít người, căn gác này thừa ra, nghe cậu nói tôi thương mà giúp cho cậu có chỗ ở đó thôi.

— Dạ, Bác yên tâm, cháu hiểu.

Chờ cho tiếng chân bà chủ xuống khỏi cầu thang, tôi mới quay lại quan-sát căn phòng một lần nữa, vì thật ra tôi đã đến xem căn gác này một lần rồi.

Nằm trọn bên trên của căn nhà sau, căn gác vượt hẳn lên cao trên các mái nhà xung quanh. Có lẽ chủ nhà định làm thêm căn gác này để ở, nhưng vì nóng không chịu nổi nên họ mới cho tôi mướn đây. Xung quanh căn gác đóng ván bít bùng lên cao một đoạn, phần trên để trống, mái tôn che ra xa cho mưa khỏi tạt. Vì vậy, đứng trên căn gác này tôi có thể trông ra bốn bề, tôi có cảm-tưởng nó là một vọng gác, mà tôi đang là anh lính canh. Nhưng thay vì nhìn ra thấy núi thấy rừng, hoặc ruộng vườn, sông rạch, thì anh lính canh là tôi nhìn ra bốn bên chỉ thấy toàn những mái tôn, nhấp nhô kế tiếp nhau hầu như bít tận.



Đêm đầu ở những căn nhà mới thường làm cho mình khó ngủ. Có lẽ đã hơn 11 giờ khuya thế mà tôi vẫn chưa chợp mắt được. Lại nữa, vì nhằm khu gần phi trường nên thỉnh thoảng vài chiếc phản-lực vừa cất cánh lướt qua trên đầu, âm-thanh rít lên ghê rợn như tiếng thịnh nộ của trời cao làm cho mình không thể nào yên giấc được. Gần hơn, trên các mái tôn chung quanh, từng chập các chú mèo rượt đuổi chuột chạy rầm rầm cũng đủ làm cho giật mình đánh thót mái. Từ những nơi hẳn không xa thành phố mấy, tiếng bom do các pháo đài bay vọng về khua động rè-rè mái tôn, âm thanh loảng đục như tiếng từ bòn nước nghẹn. Tôi thấy lòng đau xót quá. Trong lúc tôi đang nằm

yên ngủ kỹ nơi đây, biết đâu hiện giờ nơi làng quê tôi, bà con, xóm giềng tôi đang thập thò lo sợ dưới các hầm sâu sừng nước để tránh bom, tránh đạn, tranh nhau từng giây từng phút với tử thần, Bao nhiêu người đã gục ngã, đang và sẽ gục ngã nhiều hơn nữa . . . Cuộc chiến tranh tàn khốc này do đâu ? Quê-hương tôi bị tai kiếp gì mà hàng hai mươi năm mãi bị tang thương ?

Cố dỗ giấc ngủ không được, tôi chòng dậy chun ra khỏi mùng, đến tỳ tay lên mép vách ván phóng mắt nhìn ra ngoài, những điều thuốc lá lại kế tiếp nhau tàn lụn. Gió bên ngoài thoang thoảng làm cho tôi thấy khoan khoái hơn. Từ một góc trời ánh hỏa-châu chiếu sáng rực, âm-vang của những tiếng đại bác đuổi giặc đều đều như tiếng chó sủa ma. Hương trung-tâm thành phố, thỉnh thoảng vài loạt súng nhỏ vang lên, có lẽ là tiếng súng chỉ thiên. Tôi lầm nhảm : Thời buổi này không có đâu là yên ổn được !

Trước mắt tôi, một chú mèo đang thu mình khom sát xuống mái tôn âm-thầm rình mồi, bỗng nhiên con chuột từ trong đầu song một nhà chạy ra, mèo nhảy chụp nhưng hụt, le-làng phóng mình đuổi theo. Cuộc rượt đuổi lại rầm rầm vang lên. . . Mòn mỏi quá, tôi lại trở vào nằm ngủ.

Lúc ấy vào khoảng hơn 3 giờ sáng, tôi vừa mới ngủ được một lát bỗng vài tiếng động lạ làm tôi thức giấc. Trời tối đen như mực vì hình như đang chuyển mưa. Đêm khuya vắng lặng lạ thường, chỉ thỉnh thoảng vài tiếng súng tiếng bom từ xa xôi vọng về thành-phố.

Những tiếng động phát ra từ trên mái tôn xung quanh căn gác tôi ở. Tôi lắng tai nghe kỹ xem có phải là những tiếng chân mèo đi không. Nhưng rõ ràng là không. Tiếng bước khoan thai nhưng nặng nề này đúng là tiếng chân người, mà lại không phải do một người. Một cảm-giác rờn rợn chạy dài trong xương sống tôi. Đang đêm ai lại leo lên mái nhà để làm gì ? Tôi cố tìm lý do để tự giải-thích thắc-mắc cho mình, nhưng càng suy nghĩ, những nghi vấn càng làm cho tôi lo-sợ hơn. Tiếng động lại tiến về căn gác tôi gần hơn. Tôi quính lên chưa biết phải làm gì, vụt ngồi chòng dậy. Nhưng tiếng động lại im bặt. Trời !

rõ ràng họ biết tôi đã thức, họ định làm gì đây ? Căn nhà này có gì bí ẩn không ? À, hay là ăn trộm ? Ý nghĩ này làm cho tôi yên tâm phần nào. Tôi nhẹ nhàng đứng dậy, chồm người lên khỏi vách ván căn gác nhìn ra ngoài. Từ nơi chênh nhau của hai mái nhà, lù-lù hai bóng người nằm mẹp sát xuống. Đã định mình là có người trên mái nhà, nhưng khi bắt gặp tôi không khỏi giật mình đánh thót. Giữ giọng bình tĩnh tôi hỏi nhỏ :

— Ai đó ? Làm gì mà lên mái nhà đây ?

Thay cho tiếng trả lời là những cái khoác tay lia-lịa về phía tôi.

Tôi to giọng hơn :

— Ai không lên tiếng là tôi tri hô đó !

Đột nhiên một bóng người chồm dậy bờ nhẹ nhàng về phía tôi.

— Làm gì vậy ?

— Trời ơi, ông la lớn chết tội tôi. Tội tôi trốn quân địch, lính xét nhà bên dưới nên leo lên trốn, chờ họ đi tội tôi xuống. Nói xong, anh ta lại bò về chỗ núp cũ. Tôi thờ phào nhẹ nhõm :

— À, thì ra vậy !

Trông dáng hai người nằm tôi có ý-tưởng so-sánh với những con mèo mẹp mình để rình mồi mà tôi thấy hồi đầu hôm. Cái tư-thế nằm thật chẳng khác gì mấy, chỉ có khác là những con mèo tuy nhỏ bé nhưng lại nằm trong thế chủ động, còn hai người kia thì nằm trong cái thế thụ-động.

Thì ra những anh chàng mà hồi ban chiều tại cái quán nước đầu ngõ trông hùng ra phết, nghênh-nghênh, cái mặt nhìn bươi nhìn móc vì thấy tôi xa lạ mới đến, giờ đây trông lại thảm hại đến thế. Nhưng biết đâu sáng ra, các anh ta lại quần bó sát, áo rộng thùng thình, ngạo nghễ trên mình những chiếc Honda phóng lượn phố phường, lại oai hùng như tay kỹ-mã.

Chán nản trĩu nặng tâm tư làm cho tôi hoài nghi tất cả, tôi không tin tưởng mấy may nào vào bộ dạng của những thực thể mà tôi thấy trước trong ánh sáng ban ngày nữa. Lời của một người quen, cũng

là một nhân vật giữ địa-vị khá cao, như còn văng vẳng bên tai tôi từ ban chiều :

— « Toa có giao-thiệp với Mỹ nhiều không ? Mỏa đi làm có xe của Chính-Phủ, chiếc xe nhà nó thừa ra, « ở nhà » Mỏa nó chẳng có dùng gì nhiều, Mỏa định thuê tài xế để đưa rước Mỹ-kiều. Toa giới thiệu giùm Mỏa ít mới đi tháng đi... Thời buổi này không biết kiếm tiền là đại ! »

Lúc nghe người ấy nói xong, tôi thật cố nén mới khỏi để lộ vẻ ngạc-nhiên. Tôi không thể ngờ một con người, mà tôi biết chắc chắn, trước kia cũng thuộc vào hạng « trọng nghĩa khinh tài », thế mà giờ này, có lẽ còn dư tiền dư bạc để ăn tiêu hơn nữa, lại có được những ý tưởng ấy. Là một nhân-vật quan trọng, nghĩa là một trong những người có nhiệm vụ trực tiếp với sự sống còn của đất nước và dân tộc này, thế mà trong thâm tâm của họ còn quá ham muốn vor tiên vét của, thì thật tình tôi phải hoài-nghi cái lý tưởng vì nước vì dân mà họ hằng tuyên bố vậy. Mà khi những nhân vật quan trọng như thế kia mà còn hoài-nghi được, thì trước những nhóm người kênh tay giương cao hoặc đứng sau những tấm biểu ngữ tô đậm những dòng yêu nước thương nòi, hẳn mình cũng ước-lượng được mức độ tin tưởng ở mình rồi.

Nhưng có lý nào hết thấy mọi người trong hiện tình này đều sống với hai bộ mặt cả sao ?

Trời sắp sáng, nhưng què hương tôi thì bao giờ mới có được bình minh ?...

ĐÓN ĐỌC

THÁNG
NĂM
SAU

THƠ
PHƯƠNG - DUYÊN

Đàn chim thời đại



Sau khi mặt trời lặn,
Đàn chim bay về Tây.
Đứa bé nhìn chim bay,
Miệng tươi-cười thỏa-thích.

Mỗi khi đứa bé khóc
Mẹ đồng bế ra sân
Tay chỉ lên đám mây
Có đàn chim đang bay
Đứa bé liền nín khóc
Đưa mắt nhìn chim bay.

Rồi chiến tranh bùng-nổ
Đàn chim bay suốt ngày
Hai mẹ con sợ-hãi
Không dám nhìn chim bay.
Đó là chim thời-đại.

VINH-LINH
(Đà-Nẵng)

CHÁNH SÁCH CÁI BỤNG của các bậc thánh hiền phương Đông

★ Bà AI-LAN

CÁC bậc thánh hiền phương Đông, đâu không phải là các nhà chánh-trị chuyên môn, nhưng cũng luôn luôn lo nghĩ và phát biểu ý-kiến về vấn-đề no đói, hình như đề cảnh cáo các vua chúa đương thời và để lại những bài học trị dân cho những nhà cầm quyền hậu thế.

Nhiều bậc vua chúa đương thời nghe lời cảnh cáo của các ngài mà trở nên những

ông vua biết lo lắng cho dân. Và hầu hết vua chúa hậu thế ở phương Đông đều coi ý-kiến của các ngài là khuôn vàng thước ngọc mà áp dụng « chánh sách cái bụng » do các ngài phác hoạch ra, để chấn dân trị nước.

Cho đến ngày nay, những bài học của thánh hiền cũng vẫn chưa mất hẳn giá trị trên bình diện kinh tế, chính trị, xã hội...

Vậy tưởng chúng ta cũng nên tìm biết những lời vàng

ngọc bất hủ của các bậc thánh hiền để thử xem ta có thể học hỏi được điều gì ?

● **Khổng Tử.** — Thầy Tử-lộ hỏi phép trị dân phải thế nào

Khổng tử đáp :

— Phải đủ thức ăn cho dân. (tức thực) Ngài lại dạy thầy Nhiêm - Hữu rằng trị nước thì « làm cho dân giàu rồi sẽ dạy dân » (Ký phú nhi giáo). Coi đó đủ thấy Khổng Tử chẳng những là nhà luân lý mà lại là một nhà chính trị biết đặt khoa kinh tế lên trên hết. Nói cách khác : Ngài biết rõ rằng « *chánh sách cái bụng* » phải là mối lo nghĩ đầu tiên của các nhà cầm quyền.

Ngài dạy làm cách nào cho dân chúng no bụng ?

— Cầm đầu nước có nghìn cỗ xe (nước lớn) thì phải tiết-dụng và yêu người. Sai khiến dân cho phải mùa. (Đào thiên thặng chi quốc tiết dụng nhi ái nhân. Xử dân dĩ thời).

Nghĩa là muốn cho dân no bụng thì mọi việc công tư đều nên tiết-dụng, đừng xa phí, làm tổn tiền của, thóc gạo của dân. Và đừng sai khiến dân trái mùa, mà làm lỡ việc cấy bừa trồng trọt của dân. (Như dưới thời chánh phủ Diệm, bắt dân xâu làm ấp chiến lược trong khi dân đang làm mùa phải bỏ đi, để làm công không lại đem cơm mình theo ăn mà làm). Thế cũng chưa đủ. Khổng-tử còn chủ trương chia đất đều cho dân, khiến sự giàu, nghèo không quá chênh lệch nhau, người thì thừa mứa, kẻ thì tìm chẳng ra mà ăn, Ngài nói :

— Không lo dân vắng mà lo chia cho dân không đều, (Bất hoạn quả nhi hoạn bất quân).

Chia cho dân đều rồi thì tất nhiên dân không nghèo nữa, vì làm gì có người giàu? Nhưng vị tất dân khỏi đói. Chiến-tranh, thủy-lạo, hạn

hán, dịch tễ, hoàng trùng vẫn luôn luôn có thể làm cho dân có ruộng đất mà không thể cấy cấy trồng trọt được, hoặc trồng trọt mà không thu hoạch được. Vậy, lại phải làm cách nào cho dân được yên nghiệp làm ăn, không bị những tai họa bất thường đến phá hoại sức cần lao, khuyh đảo nghề nghiệp. Ngài nói :

— Không lo dân nghèo mà lo dân không được yên nghiệp làm ăn.

(Bất hoạn bản nhi hoạn bất an)

Tóm lại, chánh sách kinh tế của Khổng Tử gồm trong mấy yếu điểm :

- 1.— Tiết dụng.
- 2.— Sai khiến dân làm việc có mùa,
- 3.— Chia đều ruộng đất cho dân.
- 4.— Làm cách nào cho dân được yên nghiệp không bị

những tai nạn chiến tranh, thủy lạo, hạn hán, hoàng trùng, dịch tễ... phá hoại và ngăn trở cuộc canh tác.

★ **Lão TỬ**—Nhằm mục đích văn-hồi trạng thái sinh hoạt thời cổ sơ cho loài người sống một cách thuần phác, yên ổn. Lão Tử chủ trương thuyết vô vi, tức là không làm gì hết, nghĩa là không cách mạng, cứ để mặc cuộc đời trôi đi như giòng sông lặng lẽ, đến đâu hay đó. Cả về chính - trị, Ngài cũng khuyên nhà cầm quyền cứ để dân sống tự do cuộc đời bình thản của họ. Ngài nói :

— Ta không làm gì mà dân tự hóa, ta thích tĩnh mà dân tự trở nên thẳng thắn, ta không làm việc gì mà dân tự nhiên thật thà.

(Ngã vô vi nhi dân tự hóa, ngã hiếu tĩnh nhi dân tự chính, ngã vô sự nhi dân tự phác).

Đối với Lão-Tử, thì nhà cầm quyền mà lo cái cách chế độ, tập tục gì chẳng hạn, hề làm gì là nước loạn ngay; cứ để mặc dân sống lạng lẽ, mình đừng can thiệp gì đến thì nước sẽ thái bình. (Có lẽ ý của Lão-Tử muốn nói để cho dân tự do sanh sống, đừng độc tài bắt ép ?)

Ngài nói :

— Biết nghĩ là đủ thì giàu. (tri túc giả phú)

Biết là mình đủ thì không bị nhục, biết ngừng dục vọng lại thì không nguy. (tri túc bất nhục, tri chỉ bất đãi).

Tuy cho rằng giàu nghèo là bởi dân xây nên, song nạn trộm cướp và nạn đói kém ngài lại bảo là do nhà cầm quyền gây nên cho dân chúng :

— Không quý của hiếm, khiến dân không lấy trộm của nhau. (bất quý nan đắc chi hóa, sử dân bất vi đạo).

Dân đói là vì ở trên có

nhiều người lam quan ăn lương quá cho nên đói (Dân chi cơ dĩ kỳ thượng thực thuế giả chi đa, thị dĩ cơ.)

Như vậy, thì ra dân nghèo chỉ vì không biết « tri túc ». dân đói chỉ vì nhà vua đặt quan phân chức quá nhiều, khiến dân phải đóng thuế nặng và dân ăn trộm là vì người trên chuộng của hiếm có.

Đoán bính căn như thế, Lão-Tử đã kê đơn ba vị thuốc để cứu đời :

— « Ta có ba vật báu một là hiền từ ; hai là kiệm ước ; ba là không làm chuyện gì trước thiên hạ. (Ngã hữu tam bảo : nhất viết từ ; nhị viết kiệm ; tam viết bất cảm vi thiên hạ tiên).

— Không chuộng của hiếm có là kiệm.

— Không bắt dân đóng thuế nặng là từ.

— Hiếu tĩnh vô vi là không làm điều gì khuấy

động mà để cho dân tùy thuận tự nhiên, nhà cầm quyền không được làm trái với đạo lý, lấy đức mà hóa dân, không cần đến hình pháp và chính sự.

Theo Lão-Tử thì nhà cầm quyền dùng ba vị « thuốc » đó, tự nhiên dân thoát nạn đói.

★ **Mặc - Tử** : đối với nhà triết học kiêm ái, nhân dân số dĩ nghèo đói là vì các nhà cầm quyền hoang phí của dân.

Ngài nói :

— Thành nhân cai trị một nước, một nước có thể giàu bội lên. Cai trị thiên hạ, thiên hạ có thể giàu bội lên. Không phải lấy cái phần bội ở đất ngoài vào. Cứ nhân việc quốc gia, bỏ những tiền tiêu phí vô dụng đi, là đủ giàu bội lên rồi. (Thánh nhân vi chính nhất quốc, nhất quốc khả lợi dã. Kỳ bội chi

phi thủ ngoại địa dĩ. Nhân kỳ quốc gia, khứ kỳ vô dụng chi phí, túc dĩ bội chi.)

Như thế thì tất cả cái bị quyết làm cho quốc gia phứt túc, thu gọn vào trong một chữ « tiết » hay một chữ « kiệm ».

Chủ trương như vậy nên Mặc-Tử khuyên các bậc thánh vương chớ làm những việc gì thêm phí cho dân mà không thêm lợi cho dân. (Chư gia phi bất gia lợi ư dân giả, thánh vương vật vi).

★ **Mạnh-Tử**. Có lẽ hơn cả Khổng-Tử, Mạnh - Tử cho vấn đề sinh hoạt của dân là vấn đề nhà cầm quyền phải giải quyết trước hơn hết mọi vấn đề khác. Vấn đề ấy mà chưa xong thì đừng nói đến lễ nghĩa làm gì vậy.

— Đấng minh quân trong việc coi sóc tài sản cho dân, tất phải làm cách nào cho dân, trên đủ thờ cha mẹ, dưới đủ nuôi vợ con, năm

được mùa no suốt năm, năm mất mùa thì khỏi chết, rồi sau mới dạy dân làm điều lành, cho nên dân dễ theo. Nay coi sóc tài sản của dân, mà trên không đủ thờ cha mẹ, dưới không đủ nuôi vợ con, năm được mùa vất vả suốt năm, năm mất mùa không khỏi chết; như vậy thì cứu cho khỏi chết còn chưa xong, thì hơi đâu theo được lễ nghĩa?

Cho là sự giàu nghèo no đói của dân đều do chính sách các bậc vua chúa gây ra. Mạnh - Tử khuyên nên khuyến khích nông nghiệp và nghề chăn nuôi mục súc để làm cho dân khỏi đói. Nhà năm mẫu trồng dâu thì người 50 tuổi có lụa mặc; nuôi gà, lợn, dê... không để lỡ thời thì người 70 tuổi có thịt ăn. Ruộng 100 mẫu chờ

để lỡ mùa thì nhà tám miệng ăn khỏi sợ đói.

Ngoài ra, ngài lại khuyên các bậc vua chúa nên kiểm soát để dân được đóng thuế má nhẹ nhàng.

Chúng ta đã hiểu rõ chủ trương kinh tế của các vị thánh hiền tiêu biểu cho nền văn minh Đông phương. Tuy mỗi nhà lập luận một khác, song nhà nào cũng khuyên người trên nên tiết kiệm để khỏi phí của dân.



So sánh các chính sách kinh tế của những bậc thánh hiền trên, chúng ta thấy chính sách của Đức Khổng-Tử là hợp tình hợp lý và thiết thực hơn cả. Đó là chính sách mà vua chúa nước ta thuở xưa đã cố áp dụng cho đúng trong việc chăn dân

Dùng Midol trị các chứng đau nhức và cảm cúm.
CÓ BÁN TẠI CÁC NHÀ THUỐC TÂY
1360/BYT./D.R.D.C.

GLUCOCÉ
TÉVÉTÉ
KÉO SINI TÔ
CHỐNG MỆT-MỎI THỂ XÁC và TRÍ ÓC
NGỪA NHIỄM ĐỘC VI-TRÙNG
CÓ BÁN TẠI CÁC NHÀ THUỐC TÂY và TIỆM THỬ AU-ĐƯỢC



POLYVIT C₂
TÉVÉTÉ
CẦN BÀ DƯỠNG-THAI và THỜI KỲ CHO CON ĐU
TRẺ EM ỒN-YẾU, ÉO-OT, CHẠM MỐC RĂNG
THUỐC BỔ MÁU, XƯƠNG, PHỔI
CÓ BÁN TẠI CÁC NHÀ THUỐC TÂY và TIỆM THỬ AU-ĐƯỢC

Cần Đến kinh kỳ, Bần hàn đã dợt, hay là đang hành kinh mà đau bụng, uống :
Lôi Công Hoàn « ÔNG TIÊN ». Hỏi các tiệm thuốc Hoa-Việt Saigon 228; Lê-hánh-Tôn. Nhà thuốc «**Ông Tiên**» Phú-Lâm Cholon K.N. BYT. số 1 - 9-5-63

Phong Ngứa, Ghè chốc, lở loét, gãi tới đâu lan tới đó không phải thoa phết sơ sài ngoài da mà hết, uống **Giải Phong Sát-Độc-Hoàn « ÔNG TIÊN ».** 30 năm sáng lập. Hỏi các tiệm thuốc Hoa-Việt. Nhà thuốc **Ông Tiên** Phú-Lâm Cholon (K.N. BYT. số 3 - 9-5-63)

Mỗi người ý thức và tự động tìm đọc
Tập chí của một lớp người chiến tranh và thân phận

sau lưng các người

Chủ nhiệm
Nguyễn Lê Cang
Thư từ bài vở ấn phẩm :
Phương Tấn

Tòa soạn và trị sự
39 Phan Thanh Giản 39
Đà Nẵng

Tạp chí đất sống vừa phát hành :

vườn cỏ thụ

Truyện **NGUYỄN THU GIÀ**

ĐÓN ĐỌC :

sống động

TUẦN BÁO

Chủ nhiệm
Bà Kim Hy

Chủ bút
Thanh Hữu

Số 1 phát hành vào ngày 16-7-66

đã phát hành khắp toàn quốc :

trắng canh tâm sự

thơ **PHONG-SƠN**
bìa **DUY-LIỆM**
Đất mẹ xuất bản

Một tập thơ nói được rất nhiều...

đón đọc :

HOA NANG

TẠP-CHÍ ĐẶT LẠI CĂN NGUYÊN TƯ-TƯỚNG ĐÔNG TÂY

phụ trách mỹ-thuật : họa sĩ **VĨNH AN**
thư ký tòa soạn : cô **PHƯƠNG ANH**
chủ trương biên tập : **NGUYỄN THÁI**
và **PHẠM CÔNG THIÊN**

Phát hành trong tháng 5, với sự cộng tác của những người
Paris qua các bài :

- Đánh giá tư-tướng phá-sản của Arthur Koestler
- Đánh giá thần học phá-sản của Albert Schweitzer
- Đánh giá sự học-vấn phá-sản của Nguyễn văn Trun
(phê-bình luận án tiến-sĩ triết-học)
- Bất tạo động của tư-tướng
- Đặt lại nguyên-thể của chính-trị
- Triết-lý của iệt-Nam và cho nhân-loại kể từ
10 năm sau
- Trời tháng Tư (tiểu thuyết)
- Mặt trời đầu hạ (tiểu thuyết)
và nhiều truyện ngắn, thơ, kịch khác...

Thư từ bài vở xin gửi về : Cô **PHƯƠNG-ANH** 8, rue Gay de la
Brosse **PARIS 5^e** (France).

**CÁC BẠN MUỐN TÌM HIỂU GIÁO LÝ ĐỨC PHẬT, SINH
HOẠT CỦA GIÁO HỘI PHẬT GIÁO THỐNG NHẤT
Ở MIỀN TRUNG**

hãy tìm đọc :

LIÊN HOA nguyệt san

Tòa soạn : 66 đường Chi Lăng — Hộp thư 24 Huế

EM NHỎ NÔNG!

Cho em uống

THUỐC BAN NÔNG KIM-QUAN
(PARKER MID K. Q.)

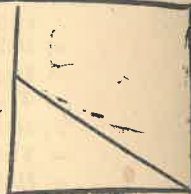
NHÀ THUỐC TÂY KIM-QUAN
SỐ NGANG CHỢ ĐEN H. TH. S. SAIGON

K.N số 260 ngày 20-6-63

KINH-LÝ VĂN - PHÒNG

110, đại lộ Nguyễn-Huệ—Saigon

Điện-thoại 23. 187



Phạm-văn-Lạng

Giám-Định Trắc-dạ-sư

Géomètre — Expert

573, Phan-thành-Giản

SAIGON

Giấy phép số 292 CDVITTNĐ ngày 9-10-1961

Quản nhiệm : NGUYỄN-VỸ

in tại THƯ LÂM ẤN THƯ QUẢN

231.233, Phạm-Ngũ-Lão — Saigon

KD số 1820 ngày 18-7-66